VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 04/2018/TT-BTNMT ngày 06 tháng 9 năm 2018 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ thành phố Cần Thơ

(Tiếp theo Công báo số 975 + 976)

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI
PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTNMT ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu vực Hòa An	DC	P. Thới Hòa	Q. Ô Môn	10° 07' 14"	105° 37' 16"					C-48-44-C-c
khu vực Hòa An A	DC	P. Thới Hòa	Q. Ô Môn	10° 07' 45"	105° 37' 00"					C-48-44-C-a
khu vực Hòa An B	DC	P. Thới Hòa	Q. Ô Môn	10° 07' 30"	105° 36' 44"					C-48-44-C-c
khu vực Hòa Long	DC	P. Thới Hòa	Q. Ô Môn	10° 08' 44"	105° 36' 22"					C-48-44-C-a
khu vực Hòa Long A	DC	P. Thới Hòa	Q. Ô Môn	10° 08' 03"	105° 36' 32"					C-48-44-C-a
khu vực Hòa Thạnh	DC	P. Thới Hòa	Q. Ô Môn	10° 06' 54"	105° 36' 52"					C-48-44-C-c
khu vực Hòa Thạnh A	DC	P. Thới Hòa	Q. Ô Môn	10° 07' 19"	105° 36' 37"					C-48-44-C-c
khu vực Hòa Thạnh B	DC	P. Thới Hòa	Q. Ô Môn	10° 07' 53"	105° 35' 52"					C-48-44-C-a
cầu Viện Lúa	KX	P. Thới Hòa	Q. Ô Môn	10° 07' 45"	105° 35' 42"					C-48-44-C-a
đường Trần Kiết Tường	KX	P. Thới Hòa	Q. Ô Môn			10° 06' 55"	105° 36' 40"	10° 08' 49"	105° 39' 10"	C-48-44-C-c
Quốc lộ 91	KX	P. Thới Hòa	Q. Ô Môn			10° 02' 47"	105° 46' 41"	10° 19' 30"	105° 29' 11"	C-48-44-C-a C-48-44-C-c
kênh Ông Tà	TV	P. Thới Hòa	Q. Ô Môn			10° 08' 18"	105° 35' 38"	10° 08' 52"	105° 36' 21"	C-48-44-C-a
kênh Quốc lộ 91	TV	P. Thới Hòa	Q. Ô Môn			10° 10' 56"	105° 32' 54"	10° 06' 41"	105° 36' 49"	C-48-44-C-a C-48-44-C-c
rạch Ba Rích	TV	P. Thới Hòa	Q. Ô Môn			10° 10' 29"	105° 35' 26"	10° 07' 22"	105° 37' 26"	C-48-44-C-a C-48-44-C-c
rạch Bà Tuất	TV	P. Thới Hòa	Q. Ô Môn			10° 07' 43"	105° 36' 57"	10° 07' 41"	105° 36' 22"	C-48-44-C-a
rạch Mương Khai	TV	P. Thới Hòa	Q. Ô Môn			10° 07' 59"	105° 35' 48"	10° 08' 21"	105° 36' 41"	C-48-44-C-a
Rạch Phê	TV	P. Thới Hòa	Q. Ô Môn			10° 07' 59"	105° 35' 48"	10° 06' 53"	105° 36' 56"	C-48-44-C-a C-48-44-C-c
sông Ô Môn	TV	P. Thới Hòa	Q. Ô Môn			10° 04' 02"	105° 33' 24"	10° 08' 50"	105° 39' 17"	C-48-44-C-b C-48-44-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu vực Bắc Vàng	DC	P. Thới Long	Q. Ô Môn	10° 11' 29"	105° 36' 14"					C-48-44-C-a
khu vực Cái Sơn	DC	P. Thới Long	Q. Ô Môn	10° 11' 12"	105° 36' 48"					C-48-44-C-a
khu vực Rạch Chanh	DC	P. Thới Long	Q. Ô Môn	10° 11' 11"	105° 34' 48"					C-48-44-C-a
khu vực Rạch Sung	DC	P. Thới Long	Q. Ô Môn	10° 09' 24"	105° 36' 05"					C-48-44-C-a
khu vực Thới Hòa 1	DC	P. Thới Long	Q. Ô Môn	10° 10' 53"	105° 35' 53"					C-48-44-C-a
khu vực Thới Hòa 2	DC	P. Thới Long	Q. Ô Môn	10° 10' 29"	105° 35' 54"					C-48-44-C-a
khu vực Thới Mỹ	DC	P. Thới Long	Q. Ô Môn	10° 10' 19"	105° 35' 25"					C-48-44-C-a
khu vực Thới Thạnh	DC	P. Thới Long	Q. Ô Môn	10° 10' 25"	105° 37' 12"					C-48-44-C-a
khu vực Thới Thạnh Đông	DC	P. Thới Long	Q. Ô Môn	10° 10' 13"	105° 37' 31"					C-48-44-C-a
khu vực Thới Xương 1	DC	P. Thới Long	Q. Ô Môn	10° 10' 49"	105° 35' 40"					C-48-44-C-a
khu vực Thới Xương 2	DC	P. Thới Long	Q. Ô Môn	10° 10' 42"	105° 34' 22"					C-48-44-C-a
đình thần Thới Long	KX	P. Thới Long	Q. Ô Môn	10° 10' 26"	105° 35' 27"					C-48-44-C-a
Linh Sơn Cổ Miếu	KX	P. Thới Long	Q. Ô Môn	10° 10' 50"	105° 35' 48"					C-48-44-C-a
kênh Lộ Tẻ Bằng Tăng	TV	P. Thới Long	Q. Ô Môn			10° 09' 02"	105° 34' 22"	10° 10' 11"	105° 35' 06"	C-48-44-C-a
ngọn Xẻo Ổi	TV	P. Thới Long	Q. Ô Môn			10° 09' 48"	105° 36' 35"	10° 09' 59"	105° 36' 12"	C-48-44-C-a
rạch Ba Rích	TV	P. Thới Long	Q. Ô Môn			10° 10' 29"	105° 35' 26"	10° 07' 22"	105° 37' 26"	C-48-44-C-a
rạch Bắc Vàng	TV	P. Thới Long	Q. Ô Môn			10° 11' 30"	105° 34' 48"	10° 12' 11"	105° 35' 51"	C-48-44-C-a
rạch Bằng Tăng	TV	P. Thới Long	Q. Ô Môn			10° 10' 35"	105° 34' 18"	10° 11' 32"	105° 36' 30"	C-48-44-C-a
rạch Bù Lu Cái	TV	P. Thới Long	Q. Ô Môn			10° 10' 25"	105° 36' 12"	10° 10' 43"	105° 35' 40"	C-48-44-C-a
rạch Bù Lu Ốp	TV	P. Thới Long	Q. Ô Môn			10° 10' 09"	105° 35' 45"	10° 10' 34"	105° 36' 00"	C-48-44-C-a
rạch Cả Chuối	TV	P. Thới Long	Q. Ô Môn			10° 10' 31"	105° 36' 12"	10° 10' 19"	105° 36' 51"	C-48-44-C-a
rạch Dì Tho	TV	P. Thới Long	Q. Ô Môn			10° 09' 23"	105° 34' 55"	10° 10' 03"	105° 35' 24"	C-48-44-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Đông Thị Hơi	TV	P. Thới Long	Q. Ô Môn			10° 10' 16"	105° 36' 39"	10° 10' 26"	105° 36' 13"	C-48-44-C-a
rạch Đường Thang	TV	P. Thới Long	Q. Ô Môn			10° 11' 34"	105° 35' 07"	10° 10' 43"	105° 35' 36"	C-48-44-C-a
rạch Mương Khai	TV	P. Thới Long	Q. Ô Môn			10° 11' 30"	105° 34' 26"	10° 11' 30"	105° 34' 48"	C-48-44-C-a
rạch Ngã Cái	TV	P. Thới Long	Q. Ô Môn			10° 11' 50"	105° 35' 38"	10° 11' 01"	105° 35' 55"	C-48-44-C-a
rạch Ông Hiền	TV	P. Thới Long	Q. Ô Môn			10° 11' 30"	105° 34' 48"	10° 10' 32"	105° 34' 52"	C-48-44-C-a
rạch Xẻo Lát	TV	P. Thới Long	Q. Ô Môn			10° 11' 23"	105° 33' 31"	10° 10' 35"	105° 34' 18"	C-48-44-C-a
rạch Xẻo Ổi	TV	P. Thới Long	Q. Ô Môn			10° 09' 40"	105° 36' 11"	10° 09' 22"	105° 36' 44"	C-48-44-C-a
Rạch Chanh	TV	P. Thới Long	Q. Ô Môn			10° 11' 30"	105° 34' 26"	10° 10' 41"	105° 34' 25"	C-48-44-C-a
Sông Hậu	TV	P. Thới Long	Q. Ô Môn			10° 19' 34"	105° 29' 41"	09° 58' 59"	105° 50' 36"	C-48-44-C-a
khu vực Bình Hòa	DC	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn	10° 05' 20"	105° 38' 42"					C-48-44-C-d
khu vực Bình Lợi	DC	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn	10° 04' 50"	105° 38' 20"					C-48-44-C-d
khu vực Bình Thuận	DC	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn	10° 05' 08"	105° 38' 41"					C-48-44-C-d
khu vực Bình Yên	DC	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn	10° 04' 59"	105° 38' 04"					C-48-44-C-d
khu vực Tân Bình	DC	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn	10° 03' 52"	105° 39' 11"					C-48-44-C-d
khu vực Tân Hưng	DC	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn	10° 04' 11"	105° 39' 20"					C-48-44-C-d
khu vực Tân Qui	DC	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn	10° 04' 58"	105° 39' 32"					C-48-44-C-d
khu vực Tân Thạnh	DC	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn	10° 03' 20"	105° 39' 16"					C-48-44-C-d
khu vực Tân Xuân	DC	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn	10° 04' 35"	105° 39' 18"					C-48-44-C-d
khu vực Trường Hòa	DC	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn	10° 03' 58"	105° 38' 34"					C-48-44-C-d
khu vực Trường Hưng	DC	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn	10° 04' 12"	105° 38' 01"					C-48-44-C-d
khu vực Trường Trung	DC	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn	10° 03' 06"	105° 38' 04"					C-48-44-C-d
cầu Ba Se	KX	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn	10° 03' 24"	105° 38' 44"					C-48-44-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Giáo Dẫn	KX	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn	10° 05' 25"	105° 39' 18"					C-48-44-C-d
chợ Ba Se	KX	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn	10° 03' 26"	105° 38' 43"					C-48-44-C-d
đường Lộ Vòng Cung (đường tỉnh 923)	KX	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 00' 33"	105° 44' 52"	10° 06' 27"	105° 40' 02"	C-48-44-C-d
Đường tỉnh 923	KX	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 00' 33"	105° 44' 52"	10° 06' 27"	105° 40' 02"	C-48-44-C-d
kênh Giáo Dẫn	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 05' 18"	105° 38' 37"	10° 04' 55"	105° 40' 14"	C-48-44-C-d
kênh KH8	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 05' 17"	105° 38' 37"	10° 01' 52"	105° 35' 00"	C-48-44-C-d
Kênh Mới	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 04' 04"	105° 39' 59"	10° 03' 28"	105° 40' 09"	C-48-44-C-d
Kênh Ống (Ông Huyện)	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 03' 27"	105° 39' 53"	10° 03' 29"	105° 40' 48"	C-48-44-C-d
mương Ông Giáo	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 05' 42"	105° 38' 19"	10° 05' 49"	105° 38' 01"	C-48-44-C-d
mương Ông Huyện	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 04' 45"	105° 36' 58"	10° 03' 57"	105° 37' 03"	C-48-44-C-c
Mương Lộ	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 05' 33"	105° 37' 53"	10° 05' 05"	105° 38' 15"	C-48-44-C-d
rạch Ba Se	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 03' 27"	105° 39' 53"	10° 03' 22"	105° 38' 42"	C-48-44-C-d
rạch Cả Hô	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 04' 46"	105° 38' 03"	10° 04' 13"	105° 38' 34"	C-48-44-C-d
rạch Đất Sét	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 03' 29"	105° 38' 49"	10° 03' 11"	105° 39' 49"	C-48-44-C-d
rạch Kênh Đình	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 04' 03"	105° 37' 37"	10° 03' 03"	105° 38' 02"	C-48-44-C-d
rạch Mương Bố	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 02' 04"	105° 37' 33"	10° 02' 57"	105° 38' 27"	C-48-44-C-c C-48-44-C-d
rạch Ngã Bác	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 04' 38"	105° 39' 08"	10° 05' 08"	105° 39' 48"	C-48-44-C-d
rạch Ngã Cạy	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 04' 22"	105° 39' 25"	10° 03' 55"	105° 39' 04"	C-48-44-C-d
rạch Tắc Ông Thục	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 05' 56"	105° 38' 25"	10° 03' 22"	105° 38' 41"	C-48-44-C-d
rạch Trà Dệt	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 04' 57"	105° 37' 45"	10° 05' 05"	105° 38' 38"	C-48-44-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Trà Keo	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 04' 47"	105° 36' 54"	10° 04' 57"	105° 37' 45"	C-48-44-C-c C-48-44-C-d
rạch Trà Luộc	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 04' 45"	105° 36' 58"	10° 03' 09"	105° 38' 30"	C-48-44-C-c C-48-44-C-d
rạch Vạn Lịch Đại	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 05' 52"	105° 39' 42"	10° 03' 56"	105° 38' 38"	C-48-44-C-d
rạch Vạn Lịch Tiểu	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 06' 20"	105° 39' 21"	10° 05' 28"	105° 38' 54"	C-48-44-C-d
rạch Xẻo Đế	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 03' 27"	105° 39' 53"	10° 03' 18"	105° 38' 41"	C-48-44-C-d
rạch Xẻo Khế	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 03' 55"	105° 39' 54"	10° 04' 44"	105° 40' 17"	C-48-44-C-d
rạch Xẻo Sao	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 04' 22"	105° 39' 25"	10° 04' 48"	105° 40' 14"	C-48-44-C-d
rạch Xóm Đồng	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 02' 51"	105° 40' 16"	10° 03' 27"	105° 40' 15"	C-48-44-C-d
Rạch Đùng	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 06' 09"	105° 39' 20"	10° 05' 56"	105° 38' 25"	C-48-44-C-d
Rạch Nhum	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 04' 33"	105° 37' 39"	10° 06' 31"	105° 36' 39"	C-48-44-C-c C-48-44-C-d
sông Cần Thơ	TV	P. Trường Lạc	Q. Ô Môn			10° 03' 19"	105° 38' 40"	10° 02' 12"	105° 47' 22"	C-48-44-C-d
khu vực Tân Lợi 1	DC	P. Tân Hưng	Q. Thốt Nốt	10° 11' 03"	105° 33' 07"					C-48-44-C-a
khu vực Tân Lợi 2	DC	P. Tân Hưng	Q. Thốt Nốt	10° 10' 25"	105° 32' 54"					C-48-44-C-a
khu vực Tân Phước	DC	P. Tân Hưng	Q. Thốt Nốt	10° 12' 00"	105° 32' 55"					C-48-44-C-a
khu vực Tân Quới	DC	P. Tân Hưng	Q. Thốt Nốt	10° 10' 45"	105° 32' 34"					C-48-44-C-a
làng Lưới Thơm Rơm	DC	P. Tân Hưng	Q. Thốt Nốt	10° 11' 01"	105° 32' 52"					C-48-44-C-a
cầu Bánh Tét	KX	P. Tân Hưng	Q. Thốt Nốt	10° 09' 54"	105° 33' 22"					C-48-44-C-a
cầu Thơm Rơm	KX	P. Tân Hưng	Q. Thốt Nốt	10° 10' 59"	105° 32' 57"					C-48-44-C-a
Quốc lộ 91	KX	P. Tân Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 02' 47"	105° 46' 41"	10° 19' 30"	105° 29' 11"	C-48-44-C-a
Trường Trung học cơ sở Tân Hưng	KX	P. Tân Hưng	Q. Thốt Nốt	10° 11' 11"	105° 33' 02"					C-48-44-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bà Hai	TV	P. Tân Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 12' 02"	105° 33' 11"	10° 12' 13"	105° 33' 39"	C-48-44-C-a
kênh Ông Mười	TV	P. Tân Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 09' 12"	105° 33' 18"	10° 09' 42"	105° 33' 31"	C-48-44-C-a
kênh Quốc lộ 91	TV	P. Tân Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 10' 56"	105° 32' 54"	10° 06' 41"	105° 36' 49"	C-48-44-C-a
kênh Ranh 200	TV	P. Tân Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 07' 47"	105° 34' 47"	10° 10' 23"	105° 32' 05"	C-48-44-C-a
kênh Thơm Rơm	TV	P. Tân Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 05' 54"	105° 25' 45"	10° 13' 20"	105° 34' 52"	C-48-44-C-a
rạch Bánh Tét	TV	P. Tân Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 09' 47"	105° 33' 30"	10° 10' 35"	105° 34' 18"	C-48-44-C-a
rạch Cả Kè	TV	P. Tân Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 11' 34"	105° 32' 58"	10° 13' 34"	105° 34' 33"	C-48-44-C-a
rạch Cần Đốt	TV	P. Tân Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 10' 21"	105° 33' 23"	10° 10' 24"	105° 34' 11"	C-48-44-C-a
rạch Gò Mão	TV	P. Tân Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 10' 31"	105° 32' 16"	10° 11' 39"	105° 32' 32"	C-48-44-C-a
rạch Sình Cầu	TV	P. Tân Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 11' 39"	105° 32' 32"	10° 13' 24"	105° 32' 34"	C-48-44-C-a
rạch Xẻo Lát	TV	P. Tân Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 11' 23"	105° 33' 31"	10° 10' 35"	105° 34' 18"	C-48-44-C-a
rạch Xẻo Nhành	TV	P. Tân Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 11' 30"	105° 34' 26"	10° 11' 53"	105° 34' 15"	C-48-44-C-a
khu vực Đông Bình	DC	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt	10° 14' 02"	105° 35' 00"					C-48-44-C-a
khu vực Lân Thạnh 1	DC	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt	10° 16' 11"	105° 32' 44"					C-48-44-C-a
khu vực Lân Thạnh 2	DC	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt	10° 17' 17"	105° 31' 54"					C-48-44-C-a
khu vực Long Châu	DC	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt	10° 17' 18"	105° 31' 27"					C-48-44-A-c
khu vực Phước Lộc	DC	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt	10° 15' 11"	105° 34' 38"					C-48-44-A-c
khu vực Tân An	DC	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt	10° 14' 41"	105° 35' 06"					C-48-44-C-a
khu vực Tân Mỹ 1	DC	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt	10° 12' 53"	105° 36' 00"					C-48-44-C-a
khu vực Tân Mỹ 2	DC	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt	10° 12' 04"	105° 36' 37"					C-48-44-C-a
khu vực Trường Thọ 1	DC	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt	10° 15' 54"	105° 33' 38"					C-48-44-C-a
khu vực Trường Thọ 2	DC	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt	10° 14' 48"	105° 34' 26"					C-48-44-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Hảo Hòa Tự	KX	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt	10° 16' 00"	105° 33' 27"					C-48-44-C-a
chùa Long Sơn	KX	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt	10° 13' 25"	105° 35' 38"					C-48-44-C-a
đình thần Tân Lộc Đông	KX	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt	10° 12' 52"	105° 36' 02"					C-48-44-C-a
đình thần Tân Lộc Tây	KX	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt	10° 14' 53"	105° 35' 00"					C-48-44-C-a
đò Bà Góa	KX	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt	10° 12' 55"	105° 36' 52"					C-48-44-C-a
Hương Lộ Tân Lộc	KX	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt			10° 17' 18"	105° 31' 24"	10° 14' 51"	105° 35' 02"	C-48-44-A-c C-48-44-C-a
Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Tân Lộc	KX	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt	10° 14' 49"	105° 34' 54"					C-48-44-C-a
kênh Bà Góa	TV	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt			10° 13' 02"	105° 36' 17"	10° 12' 56"	105° 36' 34"	C-48-44-C-a
ngọn Ông Bồi	TV	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt			10° 12' 48"	105° 36' 20"	10° 13' 02"	105° 36' 17"	C-48-44-C-a
rạch Bà Nhiên	TV	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt			10° 13' 35"	105° 35' 26"	10° 14' 18"	105° 34' 31"	C-48-44-C-a
rạch Cả Bảo	TV	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt			10° 14' 18"	105° 34' 30"	10° 15' 31"	105° 34' 23"	C-48-44-A-c C-48-44-C-a
rạch Hội Đồng	TV	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt			10° 14' 17"	105° 35' 25"	10° 13' 41"	105° 35' 21"	C-48-44-C-a
rạch Tắc Cây Bàng	TV	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt			10° 13' 35"	105° 35' 26"	10° 13' 21"	105° 35' 06"	C-48-44-C-a
rạch Thủy Lợi	TV	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt			10° 12' 17"	105° 36' 16"	10° 12' 03"	105° 36' 41"	C-48-44-C-a
rạch Thủy Lợi	TV	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt			10° 13' 37"	105° 35' 47"	10° 13' 19"	105° 36' 07"	C-48-44-C-a
rạch Xẻo Ca	TV	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt			10° 13' 29"	105° 35' 21"	10° 12' 58"	105° 35' 27"	C-48-44-C-a
rạch Xẻo Xương	TV	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt			10° 12' 48"	105° 36' 01"	10° 13' 02"	105° 35' 29"	C-48-44-C-a
Rạch Cát	TV	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt			10° 13' 35"	105° 35' 26"	10° 11' 49"	105° 36' 56"	C-48-44-C-a
Rạch Đình	TV	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt			10° 14' 18"	105° 34' 54"	10° 14' 51"	105° 35' 03"	C-48-44-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Rạch Huỳnh	TV	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt			10° 13' 06"	105° 36' 12"	10° 14' 29"	105° 35' 19"	C-48-44-C-a
Rạch Ngang	TV	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt			10° 12' 47"	105° 36' 02"	10° 12' 37"	105° 35' 50"	C-48-44-C-a
Sông Hậu	TV	P. Tân Lộc	Q. Thốt Nốt			10° 19' 34"	105° 29' 41"	09° 58' 59"	105° 50' 36"	C-48-44-A-c C-48-44-C-a
khu vực Phúc Lộc 2	DC	P. Thạnh Hòa	Q. Thốt Nốt	10° 14' 36"	105° 31' 39"					C-48-44-C-a
khu vực Phúc Lộc 3	DC	P. Thạnh Hòa	Q. Thốt Nốt	10° 14' 29"	105° 32' 04"					C-48-44-C-a
khu vực Thạnh Phước 1	DC	P. Thạnh Hòa	Q. Thốt Nốt	10° 13' 27"	105° 32' 03"					C-48-44-C-a
cầu Rạch Rích	KX	P. Thạnh Hòa	Q. Thốt Nốt	10° 14' 38"	105° 31' 44"					C-48-44-C-a
chùa Vi Phước	KX	P. Thạnh Hòa	Q. Thốt Nốt	10° 13' 32"	105° 32' 09"					C-48-44-C-a
Đường tỉnh 921	KX	P. Thạnh Hòa	Q. Thốt Nốt			10° 16' 16"	105° 31' 54"	10° 05' 45"	105° 25' 34"	C-48-44-C-a
kênh Thốt Nốt	TV	P. Thạnh Hòa	Q. Thốt Nốt			10° 02' 34"	105° 23' 51"	10° 16' 22"	105° 32' 00"	C-48-44-C-a
kênh Vạn Lịch	TV	P. Thạnh Hòa	Q. Thốt Nốt			10° 14' 23"	105° 29' 01"	10° 13' 12"	105° 31' 16"	C-48-44-C-a
rạch Mương Điều	TV	P. Thạnh Hòa	Q. Thốt Nốt			10° 13' 42"	105° 31' 13"	10° 13' 18"	105° 31' 13"	C-48-44-C-a
rạch Mương Ranh	TV	P. Thạnh Hòa	Q. Thốt Nốt			10° 13' 56"	105° 31' 24"	10° 14' 30"	105° 31' 56"	C-48-44-C-a
rạch Ngã Cái	TV	P. Thạnh Hòa	Q. Thốt Nốt			10° 14' 09"	105° 31' 07"	10° 14' 39"	105° 31' 17"	C-48-44-C-a
rạch Ông Tùng	TV	P. Thạnh Hòa	Q. Thốt Nốt			10° 14' 02"	105° 31' 46"	10° 13' 43"	105° 32' 10"	C-48-44-C-a
rạch Xẻo Cao	TV	P. Thạnh Hòa	Q. Thốt Nốt			10° 14' 17"	105° 30' 35"	10° 14' 39"	105° 31' 17"	C-48-44-C-a
Rạch Rích	TV	P. Thạnh Hòa	Q. Thốt Nốt			10° 14' 39"	105° 31' 17"	10° 14' 38"	105° 31' 45"	C-48-44-C-a
khu vực Long Thạnh 1	DC	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt	10° 16' 18"	105° 31' 41"					C-48-44-A-c
khu vực Long Thạnh 2	DC	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt	10° 16' 47"	105° 31' 27"					C-48-44-A-c
khu vực Long Thạnh A	DC	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt	10° 16' 34"	105° 31' 46"					C-48-44-A-c
khu vực Phụng Thạnh 1	DC	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt	10° 16' 10"	105° 32' 15"					C-48-44-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu vực Tràng Thọ 1	DC	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt	10° 16' 04"	105° 31' 15"					C-48-44-A-c
bến phà Tân Lộc - Thốt Nốt	KX	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt	10° 16' 28"	105° 31' 56"					C-48-44-A-c
Bệnh viện Đa khoa quận Thốt Nốt	KX	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt	10° 16' 00"	105° 32' 20"					C-48-44-A-c
cầu 3 Tháng 2	KX	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt	10° 16' 20"	105° 31' 59"					C-48-44-A-c
cầu Thốt Nốt	KX	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt	10° 16' 15"	105° 31' 57"					C-48-44-A-c
cầu Tràng Thọ	KX	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt	10° 15' 57"	105° 31' 08"					C-48-44-A-c
cầu Trà Bay	KX	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt	10° 15' 50"	105° 31' 48"					C-48-44-A-c
cầu Trà Uối	KX	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt	10° 17' 05"	105° 31' 12"					C-48-44-A-c
cầu Trà Uối 1	KX	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt	10° 16' 33"	105° 31' 00"					C-48-44-A-c
cầu Trà Uối 2	KX	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt	10° 16' 54"	105° 30' 59"					C-48-44-A-c
chùa Phổ Quang	KX	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt	10° 16' 34"	105° 31' 38"					C-48-44-A-c
chùa Phước Long	KX	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt	10° 16' 13"	105° 31' 40"					C-48-44-A-c
đình Thạnh Hòa	KX	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt	10° 16' 23"	105° 31' 56"					C-48-44-A-c
Đường tỉnh 921	KX	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt			10° 16' 16"	105° 31' 54"	10° 05' 45"	105° 25' 34"	C-48-44-A-c
khu tưởng niệm Anh hùng Lê Thị Tạo	KX	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt	10° 16' 36"	105° 31' 40"					C-48-44-A-c
Quốc lộ 91	KX	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt			10° 02' 47"	105° 46' 41"	10° 19' 30"	105° 29' 11"	C-48-44-A-c
tuyến tránh Thốt Nốt	KX	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt			10° 17' 18"	105° 30' 58"	10° 15' 05"	105° 32' 46"	C-48-44-A-c
Trung tâm thương mại Thốt Nốt	KX	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt	10° 16' 25"	105° 31' 57"					C-48-44-A-c
Trường Trung học cơ sở Thốt Nốt	KX	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt	10° 16' 32"	105° 31' 48"					C-48-44-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bà Chiêu	TV	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt			10° 12' 36"	105° 28' 23"	10° 17' 23"	105° 29' 43"	C-48-44-A-c
kênh Thốt Nốt	TV	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt			10° 02' 34"	105° 23' 51"	10° 16' 22"	105° 32' 00"	C-48-43-B-d C-48-44-A-c
rạch Mương Bào	TV	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt			10° 16' 54"	105° 30' 59"	10° 16' 21"	105° 30' 23"	C-48-44-A-c
rạch Trà Bay	TV	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt			10° 16' 13"	105° 29' 43"	10° 15' 49"	105° 31' 49"	C-48-44-A-c
rạch Trà Uối	TV	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt			10° 16' 37"	105° 31' 05"	10° 17' 05"	105° 31' 22"	C-48-44-A-c
Sông Hậu	TV	P. Thốt Nốt	Q. Thốt Nốt			10° 19' 34"	105° 29' 41"	09° 58' 59"	105° 50' 36"	C-48-44-A-c
khu vực Thới Bình	DC	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt	10° 17' 20"	105° 29' 17"					C-48-43-B-d
khu vực Thới Hòa 1	DC	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt	10° 19' 10"	105° 29' 13"					C-48-43-B-d
khu vực Thới Hòa 2	DC	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt	10° 18' 41"	105° 28' 36"					C-48-43-B-d
khu vực Thới Thạnh 1	DC	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt	10° 18' 47"	105° 29' 44"					C-48-43-B-d
khu vực Thới Thạnh 2	DC	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt	10° 17' 58"	105° 29' 52"					C-48-43-B-d
cầu Bò Ót	KX	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt	10° 17' 58"	105° 30' 22"					C-48-44-A-c
cầu Cái Sắn	KX	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt	10° 19' 30"	105° 29' 11"					C-48-43-B-d
cầu Đường Xuồng	KX	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt	10° 18' 23"	105° 28' 09"					C-48-43-B-d
cầu Ngã Ba Đình	KX	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt	10° 18' 56"	105° 28' 57"					C-48-43-B-d
cầu Trại Mai	KX	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt	10° 18' 33"	105° 29' 51"					C-48-43-B-d
cầu Vàm Cống	KX	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt	10° 19' 06"	105° 30' 07"					C-48-44-A-c
chùa Đức Quang	KX	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt	10° 18' 38"	105° 29' 23"					C-48-43-B-d
chùa Khánh Vân Tự	KX	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt	10° 17' 25"	105° 29' 23"					C-48-43-B-d
Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tổng công ty lương thực Miền Nam - Thốt Nốt	KX	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt	10° 18' 27"	105° 30' 12"					C-48-44-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình thần Thới Thuận	KX	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt	10° 18' 06"	105° 30' 25"					C-48-44-A-c
Khu công nghiệp Thốt Nốt	KX	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt	10° 18' 55"	105° 29' 36"					C-48-43-B-d
Quốc lộ 80	KX	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt			10° 18' 54"	105° 29' 07"	10° 08' 24"	105° 18' 18"	C-48-43-B-d
Quốc lộ 91	KX	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt			10° 02' 47"	105° 46' 41"	10° 19' 30"	105° 29' 11"	C-48-43-B-d C-48-44-A-c
Trường Trung học cơ sở Thới Thuận	KX	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt	10° 18' 02"	105° 30' 14"					C-48-44-A-c
Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thới Thuận	KX	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt	10° 18' 32"	105° 28' 23"					C-48-43-B-d
rạch Bò Ót	TV	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt			10° 17' 23"	105° 29' 25"	10° 18' 05"	105° 30' 28"	C-48-43-B-d C-48-44-A-c
rạch Cái Cao	TV	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt			10° 18' 34"	105° 29' 11"	10° 17' 37"	105° 29' 52"	C-48-43-B-d
rạch Đường Trâu	TV	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt			10° 17' 08"	105° 29' 20"	10° 16' 12"	105° 27' 46"	C-48-43-B-d
rạch Ngã Cái	TV	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt			10° 17' 24"	105° 29' 26"	10° 18' 23"	105° 28' 10"	C-48-43-B-d
Rạch Bần	TV	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt			10° 18' 29"	105° 29' 06"	10° 17' 28"	105° 29' 47"	C-48-43-B-d
Rạch Chanh	TV	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt			10° 16' 53"	105° 29' 33"	10° 17' 23"	105° 29' 25"	C-48-43-B-d
sông Cái Sắn	TV	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt			10° 18' 02"	105° 27' 40"	10° 19' 32"	105° 29' 22"	C-48-43-B-d
Sông Hậu	TV	P. Thới Thuận	Q. Thốt Nốt			10° 19' 34"	105° 29' 41"	09° 58' 59"	105° 50' 36"	C-48-43-B-d C-48-44-A-c
khu vực Thới An 1	DC	P. Thuận An	Q. Thốt Nốt	10° 17' 03"	105° 31' 04"					C-48-44-A-c
khu vực Thới An 2	DC	P. Thuận An	Q. Thốt Nốt	10° 17' 24"	105° 30' 37"					C-48-44-A-c
khu vực Thới An 3	DC	P. Thuận An	Q. Thốt Nốt	10° 17' 52"	105° 30' 29"					C-48-44-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu vực Thới An 4	DC	P. Thuận An	Q. Thốt Nốt	10° 17' 17"	105° 29' 50"					C-48-43-B-d
khu vực Thới Bình 1	DC	P. Thuận An	Q. Thốt Nốt	10° 16' 49"	105° 30' 45"					C-48-43-B-d
khu vực Thới Bình 2	DC	P. Thuận An	Q. Thốt Nốt	10° 16' 39"	105° 29' 51"					C-48-44-A-c
cầu Bằng Lăng	KX	P. Thuận An	Q. Thốt Nốt	10° 17' 32"	105° 30' 44"					C-48-44-A-c
cầu Bò Ót	KX	P. Thuận An	Q. Thốt Nốt	10° 17' 58"	105° 30' 22"					C-48-44-A-c
cầu Trà Uối	KX	P. Thuận An	Q. Thốt Nốt	10° 17' 05"	105° 31' 12"					C-48-44-A-c
cầu Trà Uối 2	KX	P. Thuận An	Q. Thốt Nốt	10° 16' 54"	105° 30' 59"					C-48-44-A-c
nhà thờ Bò Ót	KX	P. Thuận An	Q. Thốt Nốt	10° 17' 51"	105° 30' 22"					C-48-44-A-c
Quốc lộ 91	KX	P. Thuận An	Q. Thốt Nốt			10° 02' 47"	105° 46' 41"	10° 19' 30"	105° 29' 11"	C-48-44-A-c
tuyến tránh Thốt Nốt	KX	P. Thuận An	Q. Thốt Nốt			10° 17' 18"	105° 30' 58"	10° 15' 05"	105° 32' 46"	C-48-44-A-c
Trường Trung học phổ thông Thốt Nốt	KX	P. Thuận An	Q. Thốt Nốt	10° 17' 16"	105° 31' 04"					C-48-44-A-c
vườn cò Bằng Lăng	KX	P. Thuận An	Q. Thốt Nốt	10° 16' 58"	105° 30' 17"					C-48-44-A-c
kênh Bà Chiêu	TV	P. Thuận An	Q. Thốt Nốt			10° 12' 36"	105° 28' 23"	10° 17' 23"	105° 29' 43"	C-48-43-B-d C-48-44-A-c
kênh Thắng Lợi 1	TV	P. Thuận An	Q. Thốt Nốt			10° 10' 14"	105° 24' 43"	10° 17' 21"	105° 29' 40"	C-48-43-B-d
rạch Bò Ót	TV	P. Thuận An	Q. Thốt Nốt			10° 17' 23"	105° 29' 25"	10° 18' 05"	105° 30' 28"	C-48-43-B-d C-48-44-A-c
rạch Đường Trâu	TV	P. Thuận An	Q. Thốt Nốt			10° 17' 08"	105° 29' 20"	10° 16' 12"	105° 27' 46"	C-48-43-B-d
rạch Trà Bay	TV	P. Thuận An	Q. Thốt Nốt			10° 16' 13"	105° 29' 43"	10° 15' 49"	105° 31' 49"	C-48-43-B-d C-48-44-A-c
Rạch Chanh	TV	P. Thuận An	Q. Thốt Nốt			10° 16' 53"	105° 29' 33"	10° 17' 23"	105° 29' 25"	C-48-43-B-d
Sông Hậu	TV	P. Thuận An	Q. Thốt Nốt			10° 19' 34"	105° 29' 41"	09° 58' 59"	105° 50' 36"	C-48-43-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu vực Tân An	DC	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt	10° 11' 46"	105° 35' 33"					C-48-44-C-a
khu vực Tân Phú	DC	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt	10° 13' 02"	105° 34' 45"					C-48-44-C-a
khu vực Tân Phước 1	DC	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt	10° 13' 40"	105° 34' 07"					C-48-44-C-a
khu vực Tân Thạnh	DC	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt	10° 12' 34"	105° 33' 49"					C-48-44-C-a
làng nghề Bánh tráng Thuận Hưng	DC	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt	10° 13' 06"	105° 34' 46"					C-48-44-C-a
cầu Bà Quế	KX	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt	10° 13' 04"	105° 33' 34"					C-48-44-C-a
cầu Cả Kè	KX	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt	10° 13' 07"	105° 34' 19"					C-48-44-C-a
cầu Cần Thơ Bé	KX	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt	10° 13' 32"	105° 33' 03"					C-48-44-C-a
chùa Tân Phước Tự	KX	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt	10° 13' 09"	105° 34' 48"					C-48-44-C-a
đình thần Thuận Hưng	KX	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt	10° 13' 08"	105° 34' 43"					C-48-44-C-a
đường Mai Văn Bộ	KX	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 13' 09"	105° 34' 43"	10° 13' 01"	105° 33' 02"	C-48-44-C-a
Quốc lộ 91	KX	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 02' 47"	105° 46' 41"	10° 19' 30"	105° 29' 11"	C-48-44-C-a
Trường Trung học phổ thông Thuận Hưng	KX	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt	10° 13' 08"	105° 33' 14"					C-48-44-C-a
kênh Thơm Rơm	TV	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 05' 54"	105° 25' 45"	10° 13' 20"	105° 34' 52"	C-48-44-C-a
rạch Bà Nga	TV	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 12' 26"	105° 34' 26"	10° 12' 41"	105° 34' 53"	C-48-44-C-a
rạch Bà Quế	TV	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 12' 52"	105° 33' 25"	10° 13' 35"	105° 33' 40"	C-48-44-C-a
rạch Bắc Vàng	TV	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 11' 30"	105° 34' 48"	10° 12' 11"	105° 35' 51"	C-48-44-C-a
rạch Cả Kè	TV	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 11' 34"	105° 32' 58"	10° 13' 34"	105° 34' 33"	C-48-44-C-a
rạch Cả Sộp	TV	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 12' 00"	105° 35' 32"	10° 12' 34"	105° 35' 28"	C-48-44-C-a
rạch Cần Thơ Bé	TV	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 13' 24"	105° 32' 34"	10° 13' 57"	105° 34' 23"	C-48-44-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cồn Tham Sạn	TV	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 13' 42"	105° 34' 33"	10° 13' 02"	105° 35' 03"	C-48-44-C-a
rạch Đám Chàm	TV	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 11' 33"	105° 34' 26"	10° 11' 48"	105° 34' 46"	C-48-44-C-a
rạch Đường Thang	TV	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 11' 34"	105° 35' 07"	10° 10' 43"	105° 35' 36"	C-48-44-C-a
rạch Mương Châu	TV	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 12' 48"	105° 32' 56"	10° 13' 09"	105° 32' 31"	C-48-44-C-a
rạch Mương Khai	TV	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 11' 30"	105° 34' 26"	10° 11' 30"	105° 34' 48"	C-48-44-C-a
rạch Ngã Cái	TV	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 11' 50"	105° 35' 38"	10° 11' 01"	105° 35' 55"	C-48-44-C-a
rạch Ông Mạnh	TV	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 11' 28"	105° 35' 43"	10° 11' 43"	105° 35' 27"	C-48-44-C-a
rạch Ông Nhị	TV	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 12' 21"	105° 33' 55"	10° 12' 47"	105° 33' 57"	C-48-44-C-a
rạch Xẻo Am	TV	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 12' 52"	105° 33' 25"	10° 12' 41"	105° 33' 48"	C-48-44-C-a
rạch Xẻo Nhành	TV	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 11' 30"	105° 34' 26"	10° 11' 53"	105° 34' 15"	C-48-44-C-a
Rạch Ranh	TV	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 12' 25"	105° 34' 26"	10° 13' 00"	105° 34' 10"	C-48-44-C-a
Sông Hậu	TV	P. Thuận Hưng	Q. Thốt Nốt			10° 19' 34"	105° 29' 41"	09° 58' 59"	105° 50' 36"	C-48-44-C-a
khu vực Lân Thạnh 1	DC	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt	10° 14' 38"	105° 32' 10"					C-48-44-C-a
khu vực Lân Thạnh 2	DC	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt	10° 14' 01"	105° 32' 15"					C-48-44-C-a
khu vực Phụng Thạnh 2	DC	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt	10° 15' 27"	105° 32' 25"					C-48-44-A-c
khu vực Qui Thạnh 1	DC	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt	10° 15' 30"	105° 32' 59"					C-48-44-A-c
khu vực Qui Thạnh 2	DC	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt	10° 14' 27"	105° 33' 07"					C-48-44-C-a
cầu Cái Ngãi	KX	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt	10° 14' 39"	105° 32' 52"					C-48-44-C-a
cầu Cần Thơ Bé	KX	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt	10° 13' 32"	105° 33' 03"					C-48-44-C-a
cầu Thốt Nốt 2	KX	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt	10° 15' 18"	105° 32' 03"					C-48-44-A-c
đường Nguyễn Trọng Quyền	KX	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt			10° 12' 50"	105° 31' 03"	10° 15' 43"	105° 32' 28"	C-48-44-A-c C-48-44-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu tưởng niệm Mộc quán Nguyễn Trọng Quyền	KX	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt	10° 15' 12"	105° 32' 46"					C-48-44-A-c
Quốc lộ 91	KX	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt			10° 02' 47"	105° 46' 41"	10° 19' 30"	105° 29' 11"	C-48-44-A-c C-48-44-C-a
sân vận động Thốt Nốt	KX	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt	10° 15' 10"	105° 32' 47"					C-48-44-A-c
tuyến tránh Thốt Nốt	KX	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt			10° 17' 18"	105° 30' 58"	10° 15' 05"	105° 32' 46"	C-48-44-A-c
Trường Trung học cơ sở Trung Kiên	KX	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt	10° 14' 00"	105° 32' 57"					C-48-44-C-a
kênh Thốt Nốt	TV	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt			10° 02' 34"	105° 23' 51"	10° 16' 22"	105° 32' 00"	C-48-44-A-c C-48-44-C-a
rạch Bà Mười	TV	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt			10° 14' 02"	105° 32' 59"	10° 14' 13"	105° 32' 15"	C-48-44-C-a
rạch Bắc Đuông	TV	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt			10° 13' 24"	105° 32' 34"	10° 13' 34"	105° 32' 13"	C-48-44-C-a
rạch Bích Vàm	TV	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt			10° 14' 05"	105° 33' 00"	10° 14' 35"	105° 33' 55"	C-48-44-C-a
rạch Cái Ngãi	TV	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt			10° 14' 38"	105° 32' 43"	10° 14' 52"	105° 33' 35"	C-48-44-C-a
rạch Cả Hô	TV	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt			10° 14' 06"	105° 33' 57"	10° 14' 13"	105° 34' 13"	C-48-44-C-a
rạch Cần Thơ Bé	TV	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt			10° 13' 24"	105° 32' 34"	10° 13' 57"	105° 34' 23"	C-48-44-C-a
rạch Hai Vàm	TV	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt			10° 14' 28"	105° 32' 42"	10° 14' 23"	105° 32' 16"	C-48-44-C-a
rạch Mương Châu	TV	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt			10° 12' 48"	105° 32' 56"	10° 13' 09"	105° 32' 31"	C-48-44-C-a
rạch Ngã Ba	TV	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt			10° 14' 15"	105° 33' 36"	10° 14' 08"	105° 33' 59"	C-48-44-C-a
rạch Ngã Chùa	TV	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt			10° 14' 08"	105° 33' 21"	10° 13' 47"	105° 33' 29"	C-48-44-C-a
rạch Ngã Ngâu	TV	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt			10° 14' 54"	105° 32' 35"	10° 14' 38"	105° 32' 43"	C-48-44-C-a
rạch Sình Cầu	TV	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt			10° 11' 39"	105° 32' 32"	10° 13' 24"	105° 32' 34"	C-48-44-C-a
rạch Xóm Rẩy	TV	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt			10° 14' 11"	105° 32' 57"	10° 14' 38"	105° 32' 43"	C-48-44-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Rạch Bần	TV	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt			10° 14' 54"	105° 32' 06"	10° 14' 52"	105° 31' 49"	C-48-44-C-a
Rạch Sơn	TV	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt			10° 15' 02"	105° 32' 31"	10° 14' 40"	105° 31' 46"	C-48-44-A-c C-48-44-C-a
Sông Hậu	TV	P. Trung Kiên	Q. Thốt Nốt			10° 19' 34"	105° 29' 41"	09° 58' 59"	105° 50' 36"	C-48-44-A-c C-48-44-C-a
khu vực Phúc Lộc 1	DC	P. Trung Nhứt	Q. Thốt Nốt	10° 14' 56"	105° 31' 02"					C-48-44-C-a
khu vực Tràng Thọ A	DC	P. Trung Nhứt	Q. Thốt Nốt	10° 15' 02"	105° 31' 05"					C-48-44-A-c
khu vực Tràng Thọ B	DC	P. Trung Nhứt	Q. Thốt Nốt	10° 15' 48"	105° 30' 20"					C-48-44-A-c
cầu Rạch Rích	KX	P. Trung Nhứt	Q. Thốt Nốt	10° 14' 38"	105° 31' 44"					C-48-44-C-a
cầu Thốt Nốt 2	KX	P. Trung Nhứt	Q. Thốt Nốt	10° 15' 18"	105° 32' 03"					C-48-44-A-c
cầu Tràng Thọ	KX	P. Trung Nhứt	Q. Thốt Nốt	10° 15' 57"	105° 31' 08"					C-48-44-A-c
cầu Trà Bay	KX	P. Trung Nhứt	Q. Thốt Nốt	10° 15' 50"	105° 31' 48"					C-48-44-A-c
Đường tỉnh 921	KX	P. Trung Nhứt	Q. Thốt Nốt			10° 16' 16"	105° 31' 54"	10° 05' 45"	105° 25' 34"	C-48-44-C-a C-48-44-A-c
tuyến tránh Thốt Nốt	KX	P. Trung Nhứt	Q. Thốt Nốt			10° 17' 18"	105° 30' 58"	10° 15' 05"	105° 32' 46"	C-48-44-A-c
Trường Trung học cơ sở Trung Nhứt	KX	P. Trung Nhứt	Q. Thốt Nốt	10° 14' 47"	105° 31' 42"					C-48-44-C-a
kênh Bà Chiêu	TV	P. Trung Nhứt	Q. Thốt Nốt			10° 12' 36"	105° 28' 23"	10° 17' 23"	105° 29' 43"	C-48-44-C-a
kênh Lộ Mới	TV	P. Trung Nhứt	Q. Thốt Nốt			10° 15' 51"	105° 30' 59"	10° 15' 43"	105° 29' 31"	C-48-43-B-d C-48-44-A-c
kênh Sườn 2	TV	P. Trung Nhứt	Q. Thốt Nốt			10° 15' 45"	105° 29' 48"	10° 14' 10"	105° 29' 43"	C-48-43-B-d C-48-43-D-b
kênh Thốt Nốt	TV	P. Trung Nhứt	Q. Thốt Nốt			10° 02' 34"	105° 23' 51"	10° 16' 22"	105° 32' 00"	C-48-44-A-c C-48-44-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Vạn Lịch	TV	P. Trung Nhứt	Q. Thốt Nốt			10° 14' 23"	105° 29' 01"	10° 13' 12"	105° 31' 16"	C-48-43-D-b C-48-44-C-a
rạch Đường Trâu	TV	P. Trung Nhứt	Q. Thốt Nốt			10° 15' 09"	105° 30' 32"	10° 15' 54"	105° 31' 00"	C-48-44-C-a
rạch Mương Ranh	TV	P. Trung Nhứt	Q. Thốt Nốt			10° 15' 01"	105° 31' 07"	10° 14' 52"	105° 31' 47"	C-48-44-C-a
rạch Thái Bình	TV	P. Trung Nhứt	Q. Thốt Nốt			10° 14' 29"	105° 29' 52"	10° 14' 34"	105° 30' 32"	C-48-43-D-b, C-48-44-C-a
rạch Trà Bay	TV	P. Trung Nhứt	Q. Thốt Nốt			10° 16' 13"	105° 29' 43"	10° 15' 49"	105° 31' 49"	C-48-43-B-d C-48-44-A-c
rạch Xẻo Cao	TV	P. Trung Nhứt	Q. Thốt Nốt			10° 14' 17"	105° 30' 35"	10° 14' 39"	105° 31' 17"	C-48-44-C-a
Rạch Rích	TV	P. Trung Nhứt	Q. Thốt Nốt			10° 14' 39"	105° 31' 17"	10° 14' 38"	105° 31' 45"	C-48-44-C-a
ấp Thạnh Hòa	DC	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ	10° 06' 10"	105° 25' 55"					C-48-43-D-d
ấp Thạnh Hưng	DC	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ	10° 06' 15"	105° 25' 53"					C-48-43-D-d
ấp Thới Bình	DC	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ	10° 05' 14"	105° 25' 44"					C-48-43-D-d
ấp Thới Hiệp	DC	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ	10° 05' 51"	105° 25' 58"					C-48-43-D-d
ấp Thới Hòa	DC	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ	10° 05' 53"	105° 25' 33"					C-48-43-D-d
ấp Thới Hòa A	DC	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ	10° 05' 51"	105° 25' 38"					C-48-43-D-d
ấp Thới Hòa B	DC	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ	10° 05' 32"	105° 25' 26"					C-48-43-D-d
ấp Thới Thuận	DC	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ	10° 05' 42"	105° 25' 41"					C-48-43-D-d
ấp Thới Trung	DC	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ	10° 05' 22"	105° 26' 04"					C-48-43-D-d
cầu Cờ Đỏ	KX	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ	10° 05' 43"	105° 25' 37"					C-48-43-D-d
cầu Kênh Ngang	KX	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ	10° 05' 41"	105° 25' 52"					C-48-43-D-d
cầu Lòng Ống	KX	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ	10° 05' 38"	105° 25' 28"					C-48-43-D-d
chùa Phước Linh	KX	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ	10° 06' 04"	105° 25' 51"					C-48-43-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Sết Tô Đo	KX	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ	10° 05' 29"	105° 25' 27"					C-48-43-D-d
Cầu Quay	KX	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ	10° 05' 50"	105° 25' 41"					C-48-43-D-d
Di tích lịch sử Địa điểm thành lập Chi bộ An Nam Cộng Sản Đảng Cờ Đỏ	KX	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ	10° 05' 48"	105° 25' 25"					C-48-43-D-d
đường Hà Huy Giáp (đường tỉnh 919)	KX	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ			10° 06' 21"	105° 25' 26"	10° 04' 47"	105° 26' 18"	C-48-43-D-d
đường Lê Đức Thọ (đường tỉnh 922)	KX	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ			10° 05' 38"	105° 25' 47"	10° 05' 36"	105° 26' 28"	C-48-43-D-d
đường Nguyễn Văn Nhung (đường tỉnh 921)	KX	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ			10° 06' 39"	105° 26' 08"	10° 05' 45"	105° 25' 34"	C-48-43-D-d
Đường tỉnh 919	KX	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ			10° 13' 55"	105° 23' 40"	09° 59' 22"	105° 34' 11"	C-48-43-D-b C-48-43-D-d
Đường tỉnh 921	KX	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ			10° 16' 16"	105° 31' 54"	10° 05' 45"	105° 25' 34"	C-48-43-D-d
Đường tỉnh 922	KX	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ			10° 06' 37"	105° 36' 58"	10° 05' 38"	105° 25' 47"	C-48-43-D-d
miếu Bà Chúa Xứ	KX	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ	10° 05' 56"	105° 25' 35"					C-48-43-D-d
nhà thờ Cờ Đỏ	KX	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ	10° 05' 38"	105° 25' 37"					C-48-43-D-d
Trường Trung học phổ thông Hà Huy Giáp	KX	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ	10° 05' 24"	105° 25' 52"					C-48-43-D-d
kênh Bốn Tổng	TV	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ			10° 05' 46"	105° 25' 38"	10° 14' 01"	105° 23' 44"	C-48-43-D-d
kênh Đường Tắt	TV	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ			10° 04' 51"	105° 26' 21"	10° 04' 50"	105° 25' 58"	C-48-43-D-d
kênh Lòng Ống	TV	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ			10° 05' 44"	105° 25' 23"	10° 04' 28"	105° 21' 47"	C-48-43-D-d
kênh Năm Châu	TV	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ			10° 10' 07"	105° 25' 08"	10° 06' 39"	105° 26' 08"	C-48-43-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Số 1	TV	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ			10° 03' 41"	105° 26' 39"	10° 05' 44"	105° 25' 23"	C-48-43-D-d
kênh Thốt Nốt	TV	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ			10° 02' 34"	105° 23' 51"	10° 16' 22"	105° 32' 00"	C-48-43-D-d
kênh Thơm Rơm	TV	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ			10° 05' 54"	105° 25' 45"	10° 13' 20"	105° 34' 52"	C-48-43-D-d
Kênh 1	TV	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ			10° 09' 56"	105° 24' 12"	10° 05' 40"	105° 25' 04"	C-48-43-D-d
Kênh 200	TV	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ			10° 05' 18"	105° 30' 57"	10° 06' 25"	105° 26' 30"	C-48-43-D-d C-48-44-C-c
Kênh Đứng	TV	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ			10° 05' 53"	105° 25' 45"	10° 04' 02"	105° 33' 23"	C-48-43-D-d
Kênh Ngang	TV	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ			10° 05' 53"	105° 25' 45"	10° 01' 13"	105° 28' 30"	C-48-43-D-d
Kênh Xéo	TV	TT. Cờ Đỏ	H. Cờ Đỏ			10° 04' 49"	105° 27' 59"	10° 05' 16"	105° 26' 07"	C-48-43-D-d
ấp Đông Hòa	DC	xã Đông Hiệp	H. Cờ Đỏ	10° 04' 46"	105° 30' 33"					C-48-44-C-c
ấp Đông Lợi	DC	xã Đông Hiệp	H. Cờ Đỏ	10° 05' 00"	105° 29' 07"					C-48-43-D-d
ấp Đông Mỹ	DC	xã Đông Hiệp	H. Cờ Đỏ	10° 03' 55"	105° 29' 06"					C-48-43-D-d
ấp Đông Phước	DC	xã Đông Hiệp	H. Cờ Đỏ	10° 05' 04"	105° 29' 14"					C-48-43-D-d
ấp Đông Thạnh	DC	xã Đông Hiệp	H. Cờ Đỏ	10° 03' 57"	105° 30' 20"					C-48-44-C-c
ấp Thới Hữu	DC	xã Đông Hiệp	H. Cờ Đỏ	10° 04' 36"	105° 30' 58"					C-48-44-C-c
cầu Số 6	KX	xã Đông Hiệp	H. Cờ Đỏ	10° 05' 04"	105° 28' 48"					C-48-43-D-d
cầu Số 7	KX	xã Đông Hiệp	H. Cờ Đỏ	10° 04' 56"	105° 29' 23"					C-48-43-D-d
cầu Số 8	KX	xã Đông Hiệp	H. Cờ Đỏ	10° 04' 48"	105° 29' 54"					C-48-43-D-d
Đường tỉnh 922	KX	xã Đông Hiệp	H. Cờ Đỏ			10° 06' 37"	105° 36' 58"	10° 05' 38"	105° 25' 47"	C-48-43-D-d C-48-44-C-c
kênh Đập Đá	TV	xã Đông Hiệp	H. Cờ Đỏ			10° 05' 32"	105° 30' 22"	10° 04' 53"	105° 29' 59"	C-48-43-D-d C-48-44-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Điền Hòa	TV	xã Đông Hiệp	H. Cờ Đỏ			10° 03' 57"	105° 30' 58"	10° 01' 57"	105° 28' 04"	C-48-43-D-d C-48-44-C-c
kênh Đông Pháp	TV	xã Đông Hiệp	H. Cờ Đỏ			10° 03' 43"	105° 27' 02"	10° 03' 32"	105° 32' 30"	C-48-43-D-đ C-48-44-C-c
kênh KH6	TV	xã Đông Hiệp	H. Cờ Đỏ			10° 03' 50"	105° 28' 19"	10° 09' 21"	105° 33' 55"	C-48-43-D-d
kênh Máy Nước	TV	xã Đông Hiệp	H. Cờ Đỏ			10° 03' 12"	105° 31' 56"	10° 03' 39"	105° 29' 12"	C-48-43-D-d C-48-44-C-c
Kênh 200	TV	xã Đông Hiệp	H. Cờ Đỏ			10° 05' 18"	105° 30' 57"	10° 06' 25"	105° 26' 30"	C-48-43-D-d C-48-44-C-c
Kênh Đứng	TV	xã Đông Hiệp	H. Cờ Đỏ			10° 05' 53"	105° 25' 45"	10° 04' 02"	105° 33' 23"	C-48-43-D-d C-48-44-C-c
rạch Lường Đường	TV	xã Đông Hiệp	H. Cờ Đỏ			10° 04' 54"	105° 32' 22"	10° 05' 24"	105° 30' 57"	C-48-44-C-c
ấp Đông Mỹ	DC	xã Đông Thắng	H. Cờ Đỏ	10° 04' 26"	105° 27' 26"					C-48-43-D-d
ấp Đông Thắng	DC	xã Đông Thắng	H. Cờ Đỏ	10° 05' 12"	105° 28' 40"					C-48-43-D-d
ấp Thới Hiệp	DC	xã Đông Thắng	H. Cờ Đỏ	10° 05' 17"	105° 28' 07"					C-48-43-D-d
ấp Thới Hiệp 1	DC	xã Đông Thắng	H. Cờ Đỏ	10° 05' 42"	105° 26' 37"					C-48-43-D-d
ấp Thới Hiệp 2	DC	xã Đông Thắng	H. Cờ Đỏ	10° 05' 30"	105° 27' 16"					C-48-43-D-d
ấp Thới Trung	DC	xã Đông Thắng	H. Cờ Đỏ	10° 04' 37"	105° 26' 35"					C-48-43-D-d
cầu Số 5	KX	xã Đông Thắng	H. Cờ Đỏ	10° 05' 09"	105° 28' 30"					C-48-43-D-d
chùa Muni Útdom Răngsay	KX	xã Đông Thắng	H. Cờ Đỏ	10° 05' 04"	105° 28' 25"					C-48-43-D-d
Đường tỉnh 922	KX	xã Đông Thắng	H. Cờ Đỏ			10° 06' 37"	105° 36' 58"	10° 05' 38"	105° 25' 47"	C-48-43-D-d
trường bắn Khu vực đồng bằng Sông Cửu Long	KX	xã Đông Thắng	H. Cờ Đỏ	10° 05' 00"	105° 28' 38"					C-48-43-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bờ Thiếc	TV	xã Đông Thắng	H. Cờ Đỏ			10° 05' 19"	105° 28' 03"	10° 04' 22"	105° 26' 39"	C-48-43-D-d
kênh Đập Đá	TV	xã Đông Thắng	H. Cờ Đỏ			10° 04' 02"	105° 26' 51"	10° 04' 58"	105° 29' 29"	C-48-43-D-d
kênh Đông Pháp	TV	xã Đông Thắng	H. Cờ Đỏ			10° 03' 43"	105° 27' 02"	10° 03' 32"	105° 32' 30"	C-48-43-D-d
kênh KH6	TV	xã Đông Thắng	H. Cờ Đỏ			10° 03' 50"	105° 28' 19"	10° 09' 21"	105° 33' 55"	C-48-43-D-d
kênh Trâm Bầu	TV	xã Đông Thắng	H. Cờ Đỏ			10° 04' 25"	105° 28' 41"	10° 03' 47"	105° 27' 00"	C-48-43-D-d
kênh xáng Bộ	TV	xã Đông Thắng	H. Cờ Đỏ			10° 05' 12"	105° 28' 35"	10° 04' 05"	105° 26' 50"	C-48-43-D-d
Kênh 200	TV	xã Đông Thắng	H. Cờ Đỏ			10° 05' 18"	105° 30' 57"	10° 06' 25"	105° 26' 30"	C-48-43-D-đ C-48-44-C-c
Kênh Đứng	TV	xã Đông Thắng	H. Cờ Đỏ			10° 05' 53"	105° 25' 45"	10° 04' 02"	105° 33' 23"	C-48-43-D-d
Kênh Ngang	TV	xã Đông Thắng	H. Cờ Đỏ			10° 05' 53"	105° 25' 45"	10° 01' 13"	105° 28' 30"	C-48-43-D-d
Kênh Xéo	TV	xã Đông Thắng	H. Cờ Đỏ			10° 04' 49"	105° 27' 59"	10° 05' 16"	105° 26' 07"	C-48-43-D-d
ấp An Lợi	DC	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ	10° 08' 10"	105° 25' 08"					C-48-43-D-b
ấp An Thạnh	DC	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ	10° 09' 03"	105° 24' 53"					C-48-43-D-b
ấp Phước Lộc	DC	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ	10° 07' 21"	105° 26' 32"					C-48-43-D-b
ấp Phước Thạnh	DC	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ	10° 10' 01"	105° 26' 26"					C-48-43-D-b
ấp Phước Trung	DC	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ	10° 08' 38"	105° 27' 17"					C-48-43-D-b
ấp Thạnh Hòa	DC	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ	10° 06' 45"	105° 26' 15"					C-48-43-D-d
ấp Thạnh Hưng	DC	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ	10° 08' 20"	105° 25' 59"					C-48-43-D-b
ấp Thạnh Phước	DC	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ	10° 08' 23"	105° 27' 12"					C-48-43-D-b
ấp Thạnh Xuân	DC	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ	10° 09' 09"	105° 26' 21"					C-48-43-D-b
Ấp 1	DC	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ	10° 07' 51"	105° 24' 30"					C-48-43-D-b
Ấp 2	DC	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ	10° 07' 41"	105° 24' 03"					C-48-43-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 3	DC	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ	10° 06' 46"	105° 23' 44"					C-48-43-D-d
Ấp 4	DC	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ	10° 07' 16"	105° 22' 41"					C-48-43-D-d
Ấp 5	DC	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ	10° 06' 02"	105° 22' 47"					C-48-43-D-d
Ấp 6	DC	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ	10° 05' 45"	105° 22' 15"					C-48-43-D-c
Ấp 7	DC	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ	10° 05' 59"	105° 21' 39"					C-48-43-D-c
cầu Sáu Bọng	KX	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ	10° 10' 02"	105° 24' 43"					C-48-43-D-b
chùa Hòa Phú Tự	KX	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ	10° 08' 20"	105° 27' 05"					C-48-43-D-b
công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nông nghiệp Cờ Đỏ	KX	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ	10° 06' 22"	105° 23' 16"					C-48-43-D-d
Đường tỉnh 919	KX	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 13' 55"	105° 23' 40"	09° 59' 22"	105° 34' 11"	C-48-43-D-b C-48-43-D-d
Đường tỉnh 921	KX	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 16' 16"	105° 31' 54"	10° 05' 45"	105° 25' 34"	C-48-43-D-b C-48-43-D-d
kênh 3 Tháng 2	TV	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 11' 35"	105° 27' 59"	10° 08' 29"	105° 25' 04"	C-48-43-D-b
kênh Bốn Tổng	TV	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 05' 46"	105° 25' 38"	10° 14' 01"	105° 23' 44"	C-48-43-D-b C-48-43-D-d
kênh Bờ Bao	TV	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 04' 59"	105° 21' 19"	10° 10' 02"	105° 24' 42"	C-48-43-D-c
kênh Đường Trục	TV	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 06' 42"	105° 20' 58"	10° 07' 57"	105° 24' 36"	C-48-43-D-b C-48-43-D-c C-48-43-D-d
kênh Hội Đồng Khương	TV	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 11' 03"	105° 26' 13"	10° 07' 14"	105° 26' 28"	C-48-43-D-d C-48-43-D-b
kênh Huyện Chơn	TV	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 11' 09"	105° 26' 37"	10° 08' 11"	105° 27' 02"	C-48-43-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Huyện Tiệt	TV	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 10' 31"	105° 25' 35"	10° 07' 00"	105° 26' 20"	C-48-43-D-d C-48-43-D-b
kênh Khổ Qua	TV	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 09' 50"	105° 24' 48"	10° 11' 20"	105° 27' 28"	C-48-43-D-b
kênh KH1	TV	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 07' 03"	105° 20' 15"	10° 10' 13"	105° 24' 42"	C-48-43-D-b C-48-43-D-c C-48-43-D-a
kênh Lòng Ống	TV	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 05' 44"	105° 25' 23"	10° 04' 28"	105° 21' 47"	C-48-43-D-d C-48-43-D-c
kênh Năm Châu	TV	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 10' 07"	105° 25' 08"	10° 06' 39"	105° 26' 08"	C-48-43-D-d C-48-43-D-b
kênh Thốt Nốt	TV	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 02' 34"	105° 23' 51"	10° 16' 22"	105° 32' 00"	C-48-43-D-d C-48-43-D-b
kênh Thơm Rơm	TV	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 05' 54"	105° 25' 45"	10° 13' 20"	105° 34' 52"	C-48-43-D-d
kênh Xã Tú	TV	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 08' 30"	105° 27' 16"	10° 07' 50"	105° 28' 32"	C-48-43-D-b
Kênh 1	TV	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 09' 56"	105° 24' 12"	10° 05' 40"	105° 25' 04"	C-48-43-D-b C-48-43-D-d
Kênh 2	TV	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 09' 57"	105° 23' 39"	10° 05' 28"	105° 24' 32"	C-48-43-D-b C-48-43-D-d
Kênh 3	TV	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 09' 48"	105° 23' 07"	10° 05' 17"	105° 24' 01"	C-48-43-D-b C-48-43-D-d
Kênh 4	TV	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 09' 47"	105° 22' 34"	10° 05' 06"	105° 23' 30"	C-48-43-D-b C-48-43-D-d
Kênh 5	TV	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 09' 37"	105° 22' 02"	10° 04' 55"	105° 22' 59"	C-48-43-D-d C-48-43-D-c C-48-43-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 6	TV	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 09' 09"	105° 21' 35"	10° 04' 44"	105° 22' 28"	C-48-43-D-c C-48-43-D-a
Kênh 7	TV	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 08' 42"	105° 21' 07"	10° 04' 33"	105° 21' 57"	C-48-43-D-c C-48-43-D-a
Kênh 8	TV	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 04' 58"	105° 21' 20"	10° 04' 29"	105° 21' 46"	C-48-43-D-c
Kênh B	TV	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 05' 01"	105° 21' 17"	10° 04' 57"	105° 21' 18"	C-48-43-D-c
Kênh Cặp	TV	xã Thạnh Phú	H. Cờ Đỏ			10° 07' 53"	105° 25' 06"	10° 04' 59"	105° 21' 20"	C-48-43-D-b C-48-43-D-c C-48-43-D-d
ấp Thới Hòa	DC	xã Thới Đông	H. Cờ Đỏ	10° 04' 27"	105° 22' 24"					C-48-43-D-d
ấp Thới Hưng	DC	xã Thới Đông	H. Cờ Đỏ	10° 03' 45"	105° 23' 00"					C-48-43-D-d
ấp Thới Hữu	DC	xã Thới Đông	H. Cờ Đỏ	10° 02' 12"	105° 24' 57"					C-48-43-D-d
ấp Thới Phong	DC	xã Thới Đông	H. Cờ Đỏ	10° 03' 44"	105° 24' 28"					C-48-43-D-d
ấp Thới Thạnh	DC	xã Thới Đông	H. Cờ Đỏ	10° 04' 37"	105° 23' 27"					C-48-43-D-d
ấp Thới Trung	DC	xã Thới Đông	H. Cờ Đỏ	10° 03' 22"	105° 24' 16"					C-48-43-D-d
ấp Thới Xuân	DC	xã Thới Đông	H. Cờ Đỏ	10° 03' 45"	105° 23' 43"					C-48-43-D-d
ấp Thới Xuyên	DC	xã Thới Đông	H. Cờ Đỏ	10° 02' 34"	105° 24' 25"					C-48-43-D-d
đường Cờ Đỏ - Nóc Bằng	KX	xã Thới Đông	H. Cờ Đỏ			10° 05' 43"	105° 25' 38"	10° 02' 32"	105° 23' 51"	C-48-43-D-d
kênh Cây Sao	TV	xã Thới Đông	H. Cờ Đỏ			10° 04' 53"	105° 22' 57"	10° 03' 57"	105° 24' 36"	C-48-43-D-d
kênh KH3	TV	xã Thới Đông	H. Cờ Đỏ			10° 04' 56"	105° 23' 04"	10° 03' 50"	105° 22' 27"	C-48-43-D-c C-48-43-D-d
kênh KH5	TV	xã Thới Đông	H. Cờ Đỏ			10° 04' 00"	105° 26' 50"	10° 01' 35"	105° 24' 58"	C-48-43-D-d
kênh Lòng Ống	TV	xã Thới Đông	H. Cờ Đỏ			10° 05' 44"	105° 25' 23"	10° 04' 28"	105° 21' 47"	C-48-43-D-c C-48-43-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Số 3	TV	xã Thới Đông	H. Cờ Đỏ			10° 04' 10"	105° 24' 45"	10° 02' 18"	105° 25' 52"	C-48-43-D-d
kênh Thầy Tám	TV	xã Thới Đông	H. Cờ Đỏ			10° 04' 37"	105° 22' 11"	10° 03' 23"	105° 24' 17"	C-48-43-D-c C-48-43-D-d
kênh Thốt Nốt	TV	xã Thới Đông	H. Cờ Đỏ			10° 02' 34"	105° 23' 51"	10° 16' 22"	105° 32' 00"	C-48-43-D-d
Kênh Ranh	TV	xã Thới Đông	H. Cờ Đỏ			09° 55' 14"	105° 31' 50"	10° 04' 27"	105° 21' 44"	C-48-43-D-c C-48-43-D-d
Ấp 1	DC	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ	10° 08' 03"	105° 33' 48"					C-48-44-C-a
Ấp 2	DC	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ	10° 06' 59"	105° 31' 51"					C-48-44-C-c
Ấp 3	DC	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ	10° 06' 05"	105° 30' 25"					C-48-44-C-c
Ấp 4	DC	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ	10° 08' 43"	105° 32' 39"					C-48-44-C-a
Ấp 5	DC	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ	10° 08' 31"	105° 31' 26"					C-48-44-C-a
Ấp 6	DC	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ	10° 07' 54"	105° 30' 29"					C-48-44-C-a
Ấp 7	DC	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ	10° 07' 17"	105° 29' 38"					C-48-43-D-d
Ấp 8	DC	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ	10° 06' 46"	105° 27' 57"					C-48-43-D-d
Nông trường Sông Hậu	KX	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ	10° 07' 30"	105° 31' 00"					C-48-44-C-c
trạm tiếp sóng Đài truyền hình Việt Nam	KX	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ	10° 08' 01"	105° 34' 13"					C-48-44-C-a
Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Trần Ngọc Hoằng	KX	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ	10° 07' 44"	105° 31' 55"					C-48-44-C-a
kênh A1	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 08' 52"	105° 33' 28"	10° 07' 44"	105° 34' 41"	C-48-44-C-a
kênh A2	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 07' 47"	105° 31' 59"	10° 07' 24"	105° 34' 15"	C-48-44-C-a C-48-44-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh A3	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 08' 06"	105° 33' 03"	10° 07' 04"	105° 33' 48"	C-48-44-C-a C-48-44-C-c
kênh A4	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 08' 06"	105° 32' 23"	10° 06' 44"	105° 33' 21"	C-48-44-C-a C-48-44-C-c
kênh A5	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 07' 48"	105° 31' 57"	10° 06' 25"	105° 32' 55"	C-48-44-C-a C-48-44-C-c
kênh A6	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 07' 29"	105° 31' 29"	10° 06' 06"	105° 32' 28"	C-48-44-C-c
kênh A7	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 07' 10"	105° 31' 01"	10° 05' 47"	105° 32' 02"	C-48-44-C-c
kênh A8	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 06' 51"	105° 30' 34"	10° 05' 26"	105° 31' 33"	C-48-44-C-c
kênh A9	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 06' 32"	105° 30' 06"	10° 05' 26"	105° 30' 51"	C-48-44-C-c
kênh A10	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 06' 12"	105° 29' 38"	10° 05' 36"	105° 30' 03"	C-48-43-D-d C-48-43-C-c
kênh B1	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 10' 17"	105° 31' 58"	10° 08' 52"	105° 33' 28"	C-48-44-C-a
kênh B2	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 10' 05"	105° 31' 41"	10° 08' 26"	105° 32' 50"	C-48-44-C-a
kênh B3	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 09' 45"	105° 31' 13"	10° 08' 06"	105° 32' 23"	C-48-44-C-a
kênh B4	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 09' 26"	105° 30' 47"	10° 07' 48"	105° 31' 56"	C-48-44-C-a
kênh B5	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 09' 06"	105° 30' 20"	10° 07' 29"	105° 31' 29"	C-48-44-C-a C-48-44-C-c
kênh B6	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 08' 40"	105° 29' 58"	10° 07' 10"	105° 31' 01"	C-48-43-D-b C-48-44-C-a C-48-44-C-c
kênh B7	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 08' 28"	105° 29' 27"	10° 06' 51"	105° 30' 32"	C-48-43-D-b C-48-44-C-a C-48-44-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh B8	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 08' 09"	105° 29' 00"	10° 06' 33"	105° 30' 06"	C-48-43-D-b C-48-43-D-d C-48-44-C-c
kênh B9	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 07' 49"	105° 28' 32"	10° 06' 14"	105° 29' 40"	C-48-43-D-b C-48-43-D-d
kênh B10	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 07' 29"	105° 28' 05"	10° 05' 55"	105° 29' 12"	C-48-43-D-d
kênh B11	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 07' 10"	105° 27' 39"	10° 06' 00"	105° 28' 28"	C-48-43-D-d
kênh Đập Đá	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 05' 32"	105° 30' 22"	10° 04' 53"	105° 29' 59"	C-48-44-C-c C-48-43-D-d
kênh KH6	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 03' 50"	105° 28' 19"	10° 09' 21"	105° 33' 55"	C-48-44-C-a C-48-43-D-d
kênh Năm Kỵ	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 08' 04"	105° 35' 20"	10° 06' 30"	105° 26' 38"	C-48-44-C-a C-48-44-C-c C-48-43-D-d
kênh Ranh 200	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 07' 47"	105° 34' 47"	10° 10' 23"	105° 32' 05"	C-48-44-C-a
kênh Thơm Rơm	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 05' 54"	105° 25' 45"	10° 13' 20"	105° 34' 52"	C-48-43-D-d C-48-43-D-b C-48-44-C-a
Kênh 200	TV	xã Thới Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 05' 18"	105° 30' 57"	10° 06' 25"	105° 26' 30"	C-48-43-D-d C-48-44-C-c
ấp Thới Bình 1	DC	xã Thới Xuân	H. Cờ Đỏ	10° 04' 53"	105° 25' 11"					C-48-43-D-d
ấp Thới Bình 2	DC	xã Thới Xuân	H. Cờ Đỏ	10° 04' 16"	105° 26' 16"					C-48-43-D-d
ấp Thới Hòa C	DC	xã Thới Xuân	H. Cờ Đỏ	10° 04' 25"	105° 24' 52"					C-48-43-D-d
ấp Thới Phước	DC	xã Thới Xuân	H. Cờ Đỏ	10° 03' 04"	105° 26' 11"					C-48-43-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Thới Thuận	DC	xã Thới Xuân	H. Cờ Đỏ	10° 04' 42"	105° 25' 01"					C-48-43-D-d
ấp Thới Trung A	DC	xã Thới Xuân	H. Cờ Đỏ	10° 04' 21"	105° 26' 37"					C-48-43-D-d
ấp Thới Trường 1	DC	xã Thới Xuân	H. Cờ Đỏ	10° 05' 18"	105° 24' 11"					C-48-43-D-d
ấp Thới Trường 2	DC	xã Thới Xuân	H. Cờ Đỏ	10° 04' 31"	105° 24' 12"					C-48-43-D-d
đường Bốn Tổng - Một Ngàn (đường tỉnh 919)	KX	xã Thới Xuân	H. Cờ Đỏ			09° 59' 22"	105° 34' 11"	10° 04' 47"	105° 26' 18"	C-48-43-D-d C-48-44-C-c C-48-56-A-a
đường Cờ Đỏ - Nóc Bằng	KX	xã Thới Xuân	H. Cờ Đỏ			10° 05' 43"	105° 25' 38"	10° 02' 32"	105° 23' 51"	C-48-43-D-d
Đường tỉnh 919	KX	xã Thới Xuân	H. Cờ Đỏ			10° 13' 55"	105° 23' 40"	09° 59' 22"	105° 34' 11"	C-48-43-D-b C-48-43-D-d
kênh Cây Sao	TV	xã Thới Xuân	H. Cờ Đỏ			10° 04' 53"	105° 22' 57"	10° 03' 57"	105° 24' 36"	C-48-43-D-d
kênh Đường Tắt	TV	xã Thới Xuân	H. Cờ Đỏ			10° 04' 51"	105° 26' 21"	10° 04' 50"	105° 25' 58"	C-48-43-D-d
kênh KH3	TV	xã Thới Xuân	H. Cờ Đỏ			10° 04' 56"	105° 23' 04"	10° 03' 50"	105° 22' 27"	C-48-43-D-d
kênh KH5	TV	xã Thới Xuân	H. Cờ Đỏ			10° 04' 00"	105° 26' 50"	10° 01' 35"	105° 24' 58"	C-48-43-D-d
kênh Lòng Ống	TV	xã Thới Xuân	H. Cờ Đỏ			10° 05' 44"	105° 25' 23"	10° 04' 28"	105° 21' 47"	C-48-43-D-d
kênh Ngang	TV	xã Thới Xuân	H. Cờ Đỏ			10° 05' 53"	105° 25' 45"	10° 01' 13"	105° 28' 30"	C-48-43-D-d
kênh Số 1	TV	xã Thới Xuân	H. Cờ Đỏ			10° 03' 41"	105° 26' 39"	10° 05' 44"	105° 25' 23"	C-48-43-D-d
kênh Số 2	TV	xã Thới Xuân	H. Cờ Đỏ			10° 04' 52"	105° 25' 09"	10° 03' 00"	105° 26' 15"	C-48-43-D-d
kênh Số 3	TV	xã Thới Xuân	H. Cờ Đỏ			10° 04' 10"	105° 24' 45"	10° 02' 18"	105° 25' 52"	C-48-43-D-d
kênh Số 4	TV	xã Thới Xuân	H. Cờ Đỏ			10° 05' 16"	105° 24' 02"	10° 04' 12"	105° 24' 15"	C-48-43-D-d
kênh Thốt Nốt	TV	xã Thới Xuân	H. Cờ Đỏ			10° 02' 34"	105° 23' 51"	10° 16' 22"	105° 32' 00"	C-48-43-D-d
ấp Thạnh Lộc 1	DC	xã Trung An	H. Cờ Đỏ	10° 13' 23"	105° 30' 57"					C-48-44-C-a
ấp Thạnh Lộc 2	DC	xã Trung An	H. Cờ Đỏ	10° 13' 02"	105° 29' 55"					C-48-43-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Thạnh Lợi	DC	xã Trung An	H. Cờ Đỏ	10° 12' 37"	105° 30' 12"					C-48-44-C-a
ấp Thạnh Lợi 1	DC	xã Trung An	H. Cờ Đỏ	10° 12' 19"	105° 29' 15"					C-48-43-D-b
ấp Thạnh Lợi 2	DC	xã Trung An	H. Cờ Đỏ	10° 12' 09"	105° 29' 27"					C-48-43-D-b
chùa Giáo Hòa	KX	xã Trung An	H. Cờ Đỏ	10° 12' 34"	105° 30' 29"					C-48-44-C-a
Đường tỉnh 921	KX	xã Trung An	H. Cờ Đỏ			10° 16' 16"	105° 31' 54"	10° 05' 45"	105° 25' 34"	C-48-43-D-b C-48-44-C-a
Trường Trung học phổ thông Trung An	KX	xã Trung An	H. Cờ Đỏ	10° 12' 32"	105° 30' 25"					C-48-44-C-a
kênh Cà Chớn	TV	xã Trung An	H. Cờ Đỏ			10° 13' 07"	105° 28' 50"	10° 13' 40"	105° 30' 27"	C-48-43-D-b C-48-44-C-a
kênh Kỳ Đà	TV	xã Trung An	H. Cờ Đỏ			10° 13' 36"	105° 29' 11"	10° 13' 43"	105° 29' 47"	C-48-43-D-b C-48-44-C-a
kênh Thác Lác	TV	xã Trung An	H. Cờ Đỏ			10° 12' 32"	105° 28' 36"	10° 12' 56"	105° 28' 57"	C-48-43-D-b
kênh Thốt Nốt	TV	xã Trung An	H. Cờ Đỏ			10° 02' 34"	105° 23' 51"	10° 16' 22"	105° 32' 00"	C-48-43-D-b C-48-44-C-a
kênh Vạn Lịch	TV	xã Trung An	H. Cờ Đỏ			10° 14' 23"	105° 29' 01"	10° 13' 12"	105° 31' 16"	C-48-43-D-b C-48-44-C-a
rạch Sỹ Cuông	TV	xã Trung An	H. Cờ Đỏ			10° 12' 36"	105° 28' 23"	10° 12' 10"	105° 29' 29"	C-48-43-D-b
rạch Trà Ếch	TV	xã Trung An	H. Cờ Đỏ			10° 13' 20"	105° 29' 21"	10° 12' 48"	105° 30' 32"	C-48-43-D-b C-48-44-C-a
rạch Vạn Lịch 1	TV	xã Trung An	H. Cờ Đỏ			10° 13' 54"	105° 29' 43"	10° 13' 25"	105° 30' 59"	C-48-43-D-b C-48-44-C-a
rạch Xẻo Cách	TV	xã Trung An	H. Cờ Đỏ			10° 13' 16"	105° 30' 21"	10° 12' 32"	105° 30' 41"	C-48-44-C-a
rạch Xẻo Chàm	TV	xã Trung An	H. Cờ Đỏ			10° 13' 40"	105° 29' 06"	10° 12' 18"	105° 29' 48"	C-48-43-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Xẻo Môn	TV	xã Trung An	H. Cờ Đỏ			10° 12' 43"	105° 28' 37"	10° 12' 22"	105° 29' 10"	C-48-43-D-b
rạch Xẻo Xây Lớn	TV	xã Trung An	H. Cờ Đỏ			10° 11' 47"	105° 29' 23"	10° 12' 23"	105° 28' 25"	C-48-43-D-b C-48-44-C-a
ấp Thạnh Hưng 1	DC	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ	10° 10' 22"	105° 28' 16"					C-48-43-D-b
ấp Thạnh Hưng 2	DC	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ	10° 10' 27"	105° 28' 57"					C-48-43-D-b
ấp Thạnh Lợi 2	DC	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ	10° 11' 10"	105° 29' 12"					C-48-43-D-b
ấp Thạnh Phú 1	DC	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ	10° 10' 14"	105° 30' 07"					C-48-44-C-a
ấp Thạnh Phú 2	DC	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ	10° 09' 15"	105° 30' 01"					C-48-44-C-a
ấp Thạnh Quới 1	DC	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ	10° 11' 40"	105° 28' 08"					C-48-43-D-b
ấp Thạnh Trung	DC	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ	10° 08' 59"	105° 27' 33"					C-48-43-D-b
chùa Khánh Lâm	KX	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ	10° 11' 19"	105° 28' 24"					C-48-43-D-b
Đường tỉnh 921	KX	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 16' 16"	105° 31' 54"	10° 05' 45"	105° 25' 34"	C-48-43-D-b
kênh 3 Tháng 2	TV	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 11' 35"	105° 27' 59"	10° 08' 29"	105° 25' 04"	C-48-43-D-b
kênh Hội Đồng 2	TV	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 10' 42"	105° 30' 24"	10° 09' 34"	105° 30' 56"	C-48-43-D-b
kênh Khổ Qua	TV	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 09' 50"	105° 24' 48"	10° 11' 20"	105° 27' 28"	C-48-43-D-b
kênh Ngã Tư - Lái Sáu	TV	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 12' 36"	105° 28' 23"	10° 11' 00"	105° 28' 42"	C-48-43-D-b C-48-44-C-a C-48-43-D-d
kênh Nước Trong	TV	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 09' 03"	105° 29' 20"	10° 08' 14"	105° 29' 07"	C-48-44-C-a
kênh Thốt Nốt	TV	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 02' 34"	105° 23' 51"	10° 16' 22"	105° 32' 00"	C-48-43-D-b
kênh Thơm Rơm	TV	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 05' 54"	105° 25' 45"	10° 13' 20"	105° 34' 52"	C-48-43-D-b C-48-44-C-a C-48-43-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Xã Tú	TV	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 08' 30"	105° 27' 16"	10° 07' 50"	105° 28' 32"	C-48-43-D-b
Kênh Đôi	TV	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 07' 21"	105° 27' 49"	10° 08' 56"	105° 27' 30"	C-48-43-D-b C-48-43-D-d
Kênh Mới	TV	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 07' 51"	105° 28' 32"	10° 09' 36"	105° 27' 53"	C-48-43-D-b
Kênh Ranh	TV	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 12' 16"	105° 29' 56"	10° 10' 31"	105° 30' 08"	C-48-43-D-b C-48-44-C-a
rạch Ba Gừa	TV	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 07' 58"	105° 28' 29"	10° 08' 59"	105° 28' 45"	C-48-43-D-b
rạch Lâm Chích	TV	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 10' 42"	105° 30' 24"	10° 10' 20"	105° 30' 02"	C-48-43-D-b C-48-44-C-a
rạch Ngã Tư - Ba Đá	TV	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 11' 03"	105° 28' 47"	10° 09' 06"	105° 30' 17"	C-48-43-D-b C-48-44-C-a
rạch Trà Ninh	TV	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 09' 52"	105° 27' 20"	10° 09' 37"	105° 27' 31"	C-48-43-D-b
rạch Tuần Quờn	TV	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 09' 44"	105° 29' 27"	10° 09' 40"	105° 29' 46"	C-48-43-D-b
rạch Xẻo Rô	TV	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 08' 55"	105° 29' 42"	10° 09' 07"	105° 29' 42"	C-48-43-D-b
rạch Xẻo Xây Lớn	TV	xã Trung Hưng	H. Cờ Đỏ			10° 11' 47"	105° 29' 23"	10° 12' 23"	105° 28' 25"	C-48-43-D-b
ấp Thạnh Lộc	DC	xã Trung Thạnh	H. Cờ Đỏ	10° 12' 19"	105° 30' 59"					C-48-44-C-a
ấp Thạnh Lợi	DC	xã Trung Thạnh	H. Cờ Đỏ	10° 11' 58"	105° 30' 16"					C-48-44-C-a
ấp Thạnh Phú	DC	xã Trung Thạnh	H. Cờ Đỏ	10° 10' 15"	105° 31' 52"					C-48-44-C-a
ấp Thạnh Phước	DC	xã Trung Thạnh	H. Cờ Đỏ	10° 12' 47"	105° 32' 28"					C-48-44-C-a
ấp Thạnh Phước 2	DC	xã Trung Thạnh	H. Cờ Đỏ	10° 13' 14"	105° 31' 49"					C-48-44-C-a
chùa Giác Nguyên	KX	xã Trung Thạnh	H. Cờ Đỏ	10° 11' 58"	105° 29' 25"					C-48-43-D-b
chùa Tây Lâm Phước	KX	xã Trung Thạnh	H. Cờ Đỏ	10° 13' 33"	105° 32' 14"					C-48-44-C-a
đường Nguyễn Trọng Quyền	KX	xã Trung Thạnh	H. Cờ Đỏ			10° 12' 50"	105° 31' 03"	10° 15' 43"	105° 32' 28"	C-48-44-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Thầy Cai	TV	xã Trung Thạnh	H. Cờ Đỏ			10° 10' 14"	105° 31' 54"	10° 11' 18"	105° 31' 12"	C-48-44-C-a
kênh Thốt Nốt	TV	xã Trung Thạnh	H. Cờ Đỏ			10° 02' 34"	105° 23' 51"	10° 16' 22"	105° 32' 00"	C-48-43-D-b C-48-44-C-a
kênh Thơm Rơm	TV	xã Trung Thạnh	H. Cờ Đỏ			10° 05' 54"	105° 25' 45"	10° 13' 20"	105° 34' 52"	C-48-44-C-a
Kênh Giữa	TV	xã Trung Thạnh	H. Cờ Đỏ			10° 11' 18"	105° 31' 12"	10° 12' 31"	105° 30' 42"	C-48-44-C-a
Kênh Lú	TV	xã Trung Thạnh	H. Cờ Đỏ			10° 10' 22"	105° 32' 04"	10° 12' 21"	105° 31' 09"	C-48-44-C-a
Kênh Ranh	TV	xã Trung Thạnh	H. Cờ Đỏ			10° 12' 16"	105° 29' 56"	10° 10' 31"	105° 30' 08"	C-48-43-D-b C-48-44-C-a
rạch Bà Đằng	TV	xã Trung Thạnh	H. Cờ Đỏ			10° 12' 38"	105° 32' 09"	10° 13' 22"	105° 32' 00"	C-48-44-C-a
rạch Đường Châu	TV	xã Trung Thạnh	H. Cờ Đỏ			10° 11' 28"	105° 30' 48"	10° 12' 19"	105° 30' 46"	C-48-44-C-a
rạch Gò Mão	TV	xã Trung Thạnh	H. Cờ Đỏ			10° 10' 31"	105° 32' 16"	10° 11' 39"	105° 32' 32"	C-48-44-C-a
rạch Lâm Chích	TV	xã Trung Thạnh	H. Cờ Đỏ			10° 10' 42"	105° 30' 24"	10° 10' 20"	105° 30' 02"	C-48-43-D-b C-48-44-C-a
rạch Lấp Vò	TV	xã Trung Thạnh	H. Cờ Đỏ			10° 12' 21"	105° 31' 10"	10° 12' 53"	105° 31' 04"	C-48-44-C-a
rạch Sa Mao	TV	xã Trung Thạnh	H. Cờ Đỏ			10° 10' 42"	105° 30' 24"	10° 12' 18"	105° 30' 06"	C-48-44-C-a
rạch Sình Cầu	TV	xã Trung Thạnh	H. Cờ Đỏ			10° 11' 39"	105° 32' 32"	10° 13' 24"	105° 32' 34"	C-48-44-C-a
rạch Xẻo Dứa	TV	xã Trung Thạnh	H. Cờ Đỏ			10° 11' 39"	105° 32' 06"	10° 12' 55"	105° 32' 29"	C-48-44-C-a
rạch Xẻo Luông	TV	xã Trung Thạnh	H. Cờ Đỏ			10° 12' 07"	105° 31' 43"	10° 13' 06"	105° 31' 47"	C-48-44-C-a
ấp Nhơn Lộc 1A	DC	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	10° 00' 35"	105° 40' 07"					C-48-44-C-d
ấp Nhơn Lộc 1	DC	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	10° 00' 01"	105° 40' 26"					C-48-44-C-d
ấp Nhơn Lộc 2A	DC	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	10° 00' 20"	105° 39' 55"					C-48-44-C-d
ấp Nhơn Lộc 2	DC	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	10° 00' 20"	105° 39' 26"					C-48-44-C-d
ấp Thị Tứ	DC	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	09° 59' 51"	105° 40' 02"					C-48-44-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Bệnh viện Đa khoa Huyện Phong Điền	KX	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	10° 00' 13"	105° 39' 31"					C-48-44-C-d
cầu Rạch Chuối	KX	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	09° 59' 26"	105° 40' 52"					C-48-56-A-b
cầu Tây Đô	KX	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	09° 59' 48"	105° 39' 52"					C-48-56-A-b
cầu Trà Niên	KX	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	09° 59' 53"	105° 40' 22"					C-48-56-A-b
chùa A Di Đà	KX	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	09° 59' 20"	105° 41' 15"					C-48-44-C-d
chùa Hưng Phong Tự	KX	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	09° 59' 52"	105° 40' 00"					C-48-56-A-b
Chi cục thuế Huyện Phong Điền	KX	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	10° 00' 00"	105° 39' 50"					C-48-56-A-b
đình thần Nhơn Ái	KX	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	09° 59' 54"	105° 40' 07"					C-48-56-A-b
đường Lộ Vòng Cung (đường tỉnh 923)	KX	TT. Phong Điền	H. Phong Điền			10° 00' 33"	105° 44' 52"	10° 06' 27"	105° 40' 02"	C-48-56-A-b
Đường tỉnh 923	KX	TT. Phong Điền	H. Phong Điền			10° 00' 33"	105° 44' 52"	10° 06' 27"	105° 40' 02"	C-48-44-C-đ C-48-56-A-b
Khu du lịch Giáo Dương	KX	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	09° 59' 36"	105° 40' 39"					C-48-56-A-b
Khu du lịch Vàm Xáng	KX	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	09° 59' 30"	105° 41' 13"					C-48-56-A-b
Mộ Nhà thơ Phan Văn Trị	KX	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	10° 00' 20"	105° 40' 23"					C-48-56-A-b
nhà thờ tin lành Chi hội Phong Điền	KX	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	09° 59' 23"	105° 41' 04"					C-48-56-A-b
thánh thất cao đài Nhơn Ái	KX	TT. Phong Điền	H. Phong Điền	09° 59' 28"	105° 41' 15"					C-48-56-A-b
rạch Bà Cam	TV	TT. Phong Điền	H. Phong Điền			10° 01' 04"	105° 40' 24"	10° 00' 48"	105° 40' 50"	C-48-44-C-đ C-48-56-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cái Tắc	TV	TT. Phong Điền	H. Phong Điền			10° 00' 48"	105° 40' 53"	10° 00' 03"	105° 40' 23"	C-48-44-C-đ C-48-56-A-b
rạch Nhà Thờ	TV	TT. Phong Điền	H. Phong Điền			10° 01' 18"	105° 41' 00"	10° 01' 29"	105° 40' 03"	C-48-44-C-d
rạch Sẻo Của	TV	TT. Phong Điền	H. Phong Điền			10° 00' 08"	105° 40' 48"	09° 59' 33"	105° 40' 40"	C-48-56-A-b
rạch Sơn Đại	TV	TT. Phong Điền	H. Phong Điền			10° 01' 22"	105° 40' 14"	10° 00' 54"	105° 39' 50"	C-48-44-C-d
rạch Sơn Tiểu	TV	TT. Phong Điền	H. Phong Điền			10° 01' 18"	105° 39' 41"	10° 01' 00"	105° 39' 47"	C-48-44-C-d
rạch Trà Niềng Bé	TV	TT. Phong Điền	H. Phong Điền			10° 01' 52"	105° 39' 43"	09° 59' 58"	105° 40' 22"	C-48-44-C-đ C-48-56-A-b
rạch Trà Niềng Lớn	TV	TT. Phong Điền	H. Phong Điền			10° 02' 23"	105° 39' 38"	09° 59' 52"	105° 40' 22"	C-48-44-C-đ C-48-56-A-b
Rạch Bần	TV	TT. Phong Điền	H. Phong Điền			10° 00' 35"	105° 39' 29"	10° 00' 14"	105° 39' 24"	C-48-44-C-d
Rạch Chuối	TV	TT. Phong Điền	H. Phong Điền			10° 00' 34"	105° 40' 44"	09° 59' 25"	105° 40' 50"	C-48-44-C-đ C-48-56-A-b
Rạch Tre	TV	TT. Phong Điền	H. Phong Điền			10° 01' 53"	105° 40' 33"	10° 00' 33"	105° 40' 38"	C-48-44-C-đ C-48-56-A-b
sông Cần Thơ	TV	TT. Phong Điền	H. Phong Điền			10° 03' 19"	105° 38' 40"	10° 02' 12"	105° 47' 22"	C-48-44-C-đ C-48-56-A-b
ấp An Thạnh	DC	xã Giai Xuân	H. Phong Điền	10° 01' 33"	105° 41' 08"					C-48-44-C-d
ấp Ba Cao	DC	xã Giai Xuân	H. Phong Điền	10° 02' 32"	105° 42' 03"					C-48-44-C-d
ấp Bình Thạnh	DC	xã Giai Xuân	H. Phong Điền	10° 00' 54"	105° 41' 40"					C-48-44-C-d
ấp Bình Xuân	DC	xã Giai Xuân	H. Phong Điền	10° 02' 18"	105° 40' 46"					C-48-44-C-d
ấp Tân Bình	DC	xã Giai Xuân	H. Phong Điền	10° 03' 03"	105° 41' 23"					C-48-44-C-d
ấp Tân Hòa	DC	xã Giai Xuân	H. Phong Điền	10° 02' 30"	105° 41' 26"					C-48-44-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tân Hưng	DC	xã Giai Xuân	H. Phong Điền	10° 01' 51"	105° 40' 12"					C-48-44-C-d
ấp Thới An	DC	xã Giai Xuân	H. Phong Điền	10° 02' 01"	105° 40' 50"					C-48-44-C-d
ấp Thới An A	DC	xã Giai Xuân	H. Phong Điền	10° 02' 55"	105° 40' 36"					C-48-44-C-d
ấp Thới An B	DC	xã Giai Xuân	H. Phong Điền	10° 01' 46"	105° 41' 50"					C-48-44-C-d
ấp Thới Bình	DC	xã Giai Xuân	H. Phong Điền	10° 03' 17"	105° 42' 03"					C-48-44-C-d
ấp Thới Giai	DC	xã Giai Xuân	H. Phong Điền	10° 01' 48"	105° 41' 30"					C-48-44-C-d
ấp Thới Hưng	DC	xã Giai Xuân	H. Phong Điền	10° 02' 04"	105° 40' 00"					C-48-44-C-d
ấp Thới Thạnh	DC	xã Giai Xuân	H. Phong Điền	10° 01' 04"	105° 40' 52"					C-48-44-C-d
cầu Giai Xuân	KX	xã Giai Xuân	H. Phong Điền	10° 01' 43"	105° 41' 13"					C-48-44-C-d
cầu Lò Rèn	KX	xã Giai Xuân	H. Phong Điền	10° 01' 38"	105° 41' 42"					C-48-44-C-d
cầu Lộ Bức	KX	xã Giai Xuân	H. Phong Điền	10° 02' 15"	105° 40' 40"					C-48-44-C-d
Đường tỉnh 918	KX	xã Giai Xuân	H. Phong Điền			10° 01' 40"	105° 39' 00"	10° 04' 23"	105° 45' 03"	C-48-44-C-d
Trường Trung học phổ thông Giai Xuân	KX	xã Giai Xuân	H. Phong Điền	10° 02' 21"	105° 40' 26"					C-48-44-C-d
kênh Ông Tường	TV	xã Giai Xuân	H. Phong Điền			10° 03' 30"	105° 40' 49"	10° 03' 11"	105° 42' 28"	C-48-44-C-d
rạch Bà Cam	TV	xã Giai Xuân	H. Phong Điền			10° 01' 04"	105° 40' 24"	10° 00' 48"	105° 40' 50"	C-48-44-C-d
rạch Ba Cao	TV	xã Giai Xuân	H. Phong Điền			10° 01' 48"	105° 42' 35"	10° 02' 13"	105° 42' 32"	C-48-44-C-d
rạch Bà Cả	TV	xã Giai Xuân	H. Phong Điền			10° 02' 27"	105° 40' 41"	10° 02' 47"	105° 41' 40"	C-48-44-C-d
rạch Ba Vơi	TV	xã Giai Xuân	H. Phong Điền			10° 00' 48"	105° 41' 02"	10° 01' 36"	105° 41' 35"	C-48-44-C-d
rạch Bông Vang	TV	xã Giai Xuân	H. Phong Điền			10° 01' 39"	105° 40' 37"	10° 01' 42"	105° 41' 13"	C-48-44-C-d
rạch Đầu Sấu	TV	xã Giai Xuân	H. Phong Điền			10° 02' 51"	105° 40' 44"	10° 03' 02"	105° 41' 36"	C-48-44-C-d
rạch Lò Rèn	TV	xã Giai Xuân	H. Phong Điền			10° 01' 45"	105° 42' 16"	10° 01' 37"	105° 41' 42"	C-48-44-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Miếu Ông	TV	xã Giai Xuân	H. Phong Điền			10° 01' 45"	105° 42' 16"	10° 01' 31"	105° 43' 03"	C-48-44-C-d
rạch Mương Lộ	TV	xã Giai Xuân	H. Phong Điền			10° 02' 15"	105° 40' 40"	10° 01' 57"	105° 39' 59"	C-48-44-C-d
rạch Ngã Cái	TV	xã Giai Xuân	H. Phong Điền			10° 00' 48"	105° 41' 57"	10° 00' 48"	105° 40' 53"	C-48-44-C-d
rạch Nhà Thờ	TV	xã Giai Xuân	H. Phong Điền			10° 01' 18"	105° 41' 00"	10° 01' 29"	105° 40' 03"	C-48-44-C-d
rạch Trà Niềng Lớn	TV	xã Giai Xuân	H. Phong Điền			10° 02' 23"	105° 39' 38"	09° 59' 52"	105° 40' 22"	C-48-44-C-d
rạch Trường Tiền	TV	xã Giai Xuân	H. Phong Điền			10° 01' 37"	105° 41' 42"	10° 01' 05"	105° 42' 07"	C-48-44-C-d
rạch Xẻo Đế	TV	xã Giai Xuân	H. Phong Điền			10° 03' 27"	105° 39' 53"	10° 03' 18"	105° 38' 41"	C-48-44-C-d
rạch Xóm Đồng	TV	xã Giai Xuân	H. Phong Điền			10° 02' 51"	105° 40' 16"	10° 03' 27"	105° 40' 15"	C-48-44-C-d
Rạch Cam	TV	xã Giai Xuân	H. Phong Điền			10° 03' 02"	105° 41' 36"	10° 03' 38"	105° 43' 23"	C-48-44-C-d
Rạch Cầu	TV	xã Giai Xuân	H. Phong Điền			10° 01' 46"	105° 41' 09"	10° 01' 37"	105° 41' 42"	C-48-44-C-d
Rạch Ranh	TV	xã Giai Xuân	H. Phong Điền			10° 03' 13"	105° 41' 30"	10° 03' 18"	105° 40' 48"	C-48-44-C-d
Rạch Sơn	TV	xã Giai Xuân	H. Phong Điền			10° 02' 10"	105° 41' 46"	10° 02' 41"	105° 42' 20"	C-48-44-C-d
Rạch Tre	TV	xã Giai Xuân	H. Phong Điền			10° 01' 53"	105° 40' 33"	10° 00' 33"	105° 40' 38"	C-48-44-C-d
sông Thới Ninh	TV	xã Giai Xuân	H. Phong Điền			10° 01' 46"	105° 41' 09"	10° 04' 41"	105° 41' 04"	C-48-44-C-d
ấp Mỹ Ái	DC	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền	09° 59' 21"	105° 42' 39"					C-48-56-A-b
ấp Mỹ Hòa	DC	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền	09° 59' 56"	105° 41' 10"					C-48-56-A-b
ấp Mỹ Long	DC	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền	10° 00' 38"	105° 41' 56"					C-48-44-C-d
ấp Mỹ Lộc	DC	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền	10° 00' 03"	105° 42' 46"					C-48-44-C-d
ấp Mỹ Nhơn	DC	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền	09° 59' 27"	105° 42' 15"					C-48-56-A-b
ấp Mỹ Phụng	DC	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền	10° 00' 43"	105° 41' 01"					C-48-44-C-d
ấp Mỹ Phước	DC	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền	09° 59' 53"	105° 43' 26"					C-48-44-C-d
ấp Mỹ Thuận	DC	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền	10° 00' 21"	105° 42' 01"					C-48-44-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Trường Tiền	KX	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền	09° 59' 43"	105° 42' 51"					C-48-56-A-b
Di tích lịch sử Địa điểm chuyển quân Trạm Quân y tiền phương và nơi cất giấu vũ khí thuộc lộ vòng cung Cần Thơ trong kháng chiến chống Mỹ	KX	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền	10° 00' 08"	105° 41' 54"					C-48-44-C-d
đường Lộ Vòng Cung (đường tỉnh 923)	KX	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền			10° 00' 33"	105° 44' 52"	10° 06' 27"	105° 40' 02"	C-48-56-A-b
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền			10° 03' 45"	105° 46' 57"	09° 59' 28"	105° 42' 02"	C-48-44-C-d
Đường tỉnh 923	KX	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền			10° 00' 33"	105° 44' 52"	10° 06' 27"	105° 40' 02"	C-48-44-C-đ C-48-56-A-b
Khu du lịch Mỹ Khánh	KX	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền	09° 59' 23"	105° 42' 16"					C-48-56-A-b
nghĩa trang nhân dân Mỹ Khánh	KX	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền	10° 00' 01"	105° 43' 14"					C-48-56-A-b
thiền viện Trúc Lâm Phương Nam	KX	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền	09° 59' 27"	105° 42' 06"					C-48-56-A-b
rạch Cái Tắc	TV	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền			10° 00' 48"	105° 40' 53"	10° 00' 03"	105° 40' 23"	C-48-44-C-d
rạch Lưỡi Hái	TV	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền			10° 00' 03"	105° 43' 40"	10° 01' 14"	105° 42' 35"	C-48-44-C-d
rạch Ngã Cái	TV	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền			10° 00' 48"	105° 41' 57"	10° 00' 48"	105° 40' 53"	C-48-44-C-d
rạch Ông Đề	TV	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền			09° 59' 58"	105° 41' 24"	09° 59' 20"	105° 42' 24"	C-48-56-A-b
rạch Rau Mui	TV	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền			10° 00' 23"	105° 41' 55"	09° 59' 49"	105° 41' 44"	C-48-44-C-đ C-48-56-A-b
rạch Sẻo Của	TV	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền			10° 00' 08"	105° 40' 48"	09° 59' 33"	105° 40' 40"	C-48-44-C-đ C-48-56-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Rạch Chuối	TV	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền			10° 00' 34"	105° 40' 44"	09° 59' 25"	105° 40' 50"	C-48-44-C-đ C-48-56-A-b
Rạch Cùng	TV	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền			10° 00' 21"	105° 41' 06"	10° 00' 26"	105° 40' 52"	C-48-44-C-d
Rạch Kè	TV	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền			09° 59' 33"	105° 41' 23"	09° 59' 20"	105° 41' 54"	C-48-56-A-b
Rạch Nhum	TV	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền			10° 00' 35"	105° 42' 41"	10° 00' 50"	105° 42' 05"	C-48-44-C-d
Rạch Sao	TV	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền			10° 00' 04"	105° 42' 02"	10° 00' 47"	105° 41' 57"	C-48-44-C-d
Rạch Vinh	TV	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền			10° 00' 20"	105° 42' 49"	09° 59' 54"	105° 42' 36"	C-48-44-C-đ C-48-56-A-b
sông Cần Thơ	TV	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền			10° 03' 19"	105° 38' 40"	10° 02' 12"	105° 47' 22"	C-48-44-C-d
sông Trường Tiền	TV	xã Mỹ Khánh	H. Phong Điền			10° 00' 49"	105° 42' 05"	09° 59' 43"	105° 42' 52"	C-48-56-A-b
ấp Nhơn Bình	DC	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền	09° 58' 41"	105° 39' 47"					C-48-56-A-b
ấp Nhơn Bình A	DC	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền	09° 58' 18"	105° 40' 08"					C-48-56-A-b
ấp Nhơn Phú	DC	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền	09° 59' 39"	105° 40' 06"					C-48-56-A-b
ấp Nhơn Thọ 1A	DC	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền	10° 00' 33"	105° 38' 48"					C-48-44-C-d
ấp Nhơn Thọ 1	DC	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền	10° 00' 21"	105° 39' 07"					C-48-44-C-d
ấp Nhơn Thọ 2A	DC	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền	09° 59' 24"	105° 39' 04"					C-48-56-A-b
ấp Nhơn Thọ 2	DC	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền	09° 59' 35"	105° 39' 43"					C-48-56-A-b
cầu Tây Đô	KX	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền	09° 59' 48"	105° 39' 52"					C-48-56-A-b
Đường tỉnh 926	KX	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền			09° 59' 50"	105° 39' 53"	09° 58' 04"	105° 35' 52"	C-48-56-A-b
kênh xáng Xà No	TV	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền			09° 57' 05"	105° 39' 25"	09° 59' 12"	105° 41' 17"	C-48-56-A-b
Kênh Chợ	TV	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền			09° 59' 40"	105° 39' 59"	09° 58' 21"	105° 40' 38"	C-48-56-A-b
Mương Điều	TV	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền			09° 58' 02"	105° 39' 26"	09° 59' 28"	105° 39' 13"	C-48-56-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cây Cẩm	TV	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền			10° 00' 24"	105° 37' 31"	09° 59' 29"	105° 39' 11"	C-48-44-C-đ C-48-56-A-b
rạch Mương Củi	TV	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền			09° 58' 38"	105° 39' 51"	09° 58' 55"	105° 41' 03"	C-48-56-A-b
rạch Mương Điều	TV	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền			09° 58' 22"	105° 39' 17"	09° 59' 10"	105° 38' 56"	C-48-56-A-b
rạch Mương Đình	TV	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền			09° 58' 02"	105° 39' 26"	09° 57' 56"	105° 40' 17"	C-48-56-A-b
rạch Mương Ngang	TV	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền			09° 58' 16"	105° 39' 44"	09° 58' 35"	105° 40' 31"	C-48-56-A-b
rạch Ông Cụt	TV	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền			10° 00' 48"	105° 37' 58"	10° 00' 59"	105° 38' 40"	C-48-44-C-d
rạch Trà Ếch	TV	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền			09° 56' 48"	105° 37' 02"	09° 59' 01"	105° 38' 47"	C-48-56-A-b
Rạch Miễu	TV	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền			09° 59' 13"	105° 40' 15"	09° 58' 47"	105° 40' 47"	C-48-56-A-b
Rạch Nhum	TV	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền			10° 00' 15"	105° 38' 25"	10° 00' 18"	105° 39' 17"	C-48-44-C-d
Rạch Nốp	TV	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền			10° 00' 24"	105° 37' 31"	10° 00' 29"	105° 39' 05"	C-48-44-C-d
Rạch Vong	TV	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền			09° 58' 03"	105° 39' 38"	09° 59' 28"	105° 39' 51"	C-48-56-A-b
sông Cà Gòn (kênh KH 9)	TV	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền			09° 59' 22"	105° 36' 43"	09° 59' 43"	105° 39' 58"	C-48-56-A-b
sông Cần Thơ	TV	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền			10° 03' 19"	105° 38' 40"	10° 02' 12"	105° 47' 22"	C-48-44-C-đ C-48-56-A-b
sông Cầu Nhiếm	TV	xã Nhơn Ái	H. Phong Điền			10° 01' 07"	105° 37' 31"	10° 00' 59"	105° 38' 50"	C-48-44-C-d
ấp Nhơn Hưng	DC	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền	09° 59' 38"	105° 43' 48"					C-48-56-A-b
ấp Nhơn Hưng A	DC	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền	09° 59' 24"	105° 43' 09"					C-48-56-A-b
ấp Nhơn Khánh	DC	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền	09° 59' 10"	105° 42' 04"					C-48-56-A-b
ấp Nhơn Khánh A	DC	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền	09° 58' 30"	105° 42' 33"					C-48-56-A-b
ấp Nhơn Phú	DC	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền	09° 58' 56"	105° 41' 43"					C-48-56-A-b
ấp Nhơn Phú 1	DC	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền	09° 58' 04"	105° 41' 17"					C-48-56-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Nhơn Phú A	DC	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền	09° 58' 34"	105° 41' 52"					C-48-56-A-b
ấp Nhơn Thành	DC	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền	09° 57' 34"	105° 41' 42"					C-48-56-A-b
ấp Nhơn Thuận	DC	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền	09° 58' 07"	105° 40' 41"					C-48-56-A-b
ấp Nhơn Thuận 1	DC	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền	09° 57' 41"	105° 40' 15"					C-48-56-A-b
ấp Nhơn Thuận 2	DC	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền	09° 57' 11"	105° 39' 35"					C-48-56-A-b
ấp Tân Thành	DC	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền	09° 57' 57"	105° 42' 25"					C-48-56-A-b
ấp Tân Thuận	DC	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền	09° 57' 26"	105° 40' 43"					C-48-56-A-b
ấp Thị Tứ - Vàm Xáng	DC	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền	09° 58' 41"	105° 41' 20"					C-48-56-A-b
di tích lịch sử - văn hóa Địa điểm Khảo cổ Học Nhơn Thành	KX	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền	09° 57' 41"	105° 41' 27"					C-48-56-A-b
di tích lịch sử Giàn Gừa	KX	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền	09° 58' 46"	105° 43' 15"					C-48-56-A-b
đường Cần Thơ - Vị Thanh	KX	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 59' 09"	105° 44' 44"	09° 56' 32"	105° 40' 00"	C-48-56-A-b
Đường tỉnh 932	KX	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 59' 11"	105° 41' 21"	09° 57' 04"	105° 39' 28"	C-48-56-A-b
kênh xáng Xà No	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 57' 05"	105° 39' 25"	09° 59' 12"	105° 41' 17"	C-48-56-A-b
rạch Bà Đạt	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 59' 06"	105° 43' 12"	09° 59' 40"	105° 42' 56"	C-48-56-A-b
rạch Bà Hiệp	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 59' 07"	105° 43' 42"	09° 59' 41"	105° 43' 35"	C-48-56-A-b
rạch Bà Hương	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 58' 39"	105° 42' 30"	09° 59' 13"	105° 42' 27"	C-48-56-A-b
rạch Bà Hương Quản	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 57' 15"	105° 40' 39"	09° 57' 19"	105° 40' 12"	C-48-56-A-b
rạch Bà Khóan	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 57' 32"	105° 42' 22"	09° 58' 05"	105° 42' 23"	C-48-56-A-b
rạch Bà Mưu	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 58' 51"	105° 42' 59"	09° 59' 18"	105° 42' 48"	C-48-56-A-b
rạch Bà Sáu	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 58' 24"	105° 42' 14"	09° 58' 26"	105° 42' 40"	C-48-56-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Bà Thầy	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 59' 06"	105° 43' 12"	09° 59' 07"	105° 43' 42"	C-48-56-A-b
rạch Bà Thợ	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 58' 33"	105° 44' 04"	09° 58' 46"	105° 42' 46"	C-48-56-A-b
rạch Ba Xoài	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 58' 33"	105° 43' 00"	09° 58' 38"	105° 42' 50"	C-48-56-A-b
rạch Cốc Kèn	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 58' 09"	105° 43' 00"	09° 58' 19"	105° 42' 44"	C-48-56-A-b
rạch Cựa Gà	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 58' 21"	105° 41' 36"	09° 58' 43"	105° 41' 15"	C-48-56-A-b
rạch Mương Củi	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 57' 40"	105° 42' 45"	09° 58' 12"	105° 42' 40"	C-48-56-A-b
rạch Mương Khai Dưới	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 58' 42"	105° 41' 07"	09° 58' 21"	105° 41' 36"	C-48-56-A-b
rạch Mương Khai Trên	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 58' 41"	105° 41' 06"	09° 58' 06"	105° 40' 45"	C-48-56-A-b
rạch So Đũa Bé	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 57' 18"	105° 42' 06"	09° 57' 55"	105° 42' 09"	C-48-56-A-b
rạch So Đũa Lớn	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 57' 07"	105° 41' 08"	09° 58' 18"	105° 40' 39"	C-48-56-A-b
rạch Trầu Hôi	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 56' 26"	105° 40' 07"	09° 57' 05"	105° 39' 25"	C-48-56-A-b
rạch Vàm Bào	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 57' 47"	105° 41' 16"	09° 57' 35"	105° 41' 45"	C-48-56-A-b
rạch Xà No Cạn	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 58' 53"	105° 41' 05"	09° 59' 13"	105° 41' 59"	C-48-56-A-b
rạch Xà No Lò Đường	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 56' 44"	105° 39' 49"	09° 57' 41"	105° 40' 10"	C-48-56-A-b
Rạch Bàng	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 58' 33"	105° 43' 00"	09° 58' 18"	105° 44' 06"	C-48-56-A-b
Rạch Miễu	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 58' 27"	105° 42' 21"	09° 58' 34"	105° 42' 39"	C-48-56-A-b
Rạch Sung	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			09° 57' 55"	105° 42' 09"	09° 59' 12"	105° 42' 40"	C-48-56-A-b
sông Cần Thơ	TV	xã Nhơn Nghĩa	H. Phong Điền			10° 03' 19"	105° 38' 40"	10° 02' 12"	105° 47' 22"	C-48-56-A-b
ấp Tân Long	DC	xã Tân Thới	H. Phong Điền	10° 01' 11"	105° 39' 07"					C-48-44-C-d
ấp Tân Long A	DC	xã Tân Thới	H. Phong Điền	10° 01' 37"	105° 39' 17"					C-48-44-C-d
ấp Tân Long B	DC	xã Tân Thới	H. Phong Điền	10° 02' 14"	105° 39' 13"					C-48-44-C-d
ấp Tân Lợi	DC	xã Tân Thới	H. Phong Điền	10° 02' 55"	105° 38' 34"					C-48-44-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tân Nhơn	DC	xã Tân Thới	H. Phong Điền	10° 01' 48"	105° 39' 56"					C-48-44-C-d
ấp Trường Đông	DC	xã Tân Thới	H. Phong Điền	10° 02' 35"	105° 37' 54"					C-48-44-C-d
ấp Trường Đông A	DC	xã Tân Thới	H. Phong Điền	10° 01' 45"	105° 38' 49"					C-48-44-C-d
ấp Trường Đông B	DC	xã Tân Thới	H. Phong Điền	10° 02' 39"	105° 38' 26"					C-48-44-C-d
ấp Trường Tây	DC	xã Tân Thới	H. Phong Điền	10° 01' 08"	105° 37' 58"					C-48-44-C-d
ấp Trường Trung A	DC	xã Tân Thới	H. Phong Điền	10° 01' 26"	105° 38' 21"					C-48-44-C-d
ấp Trường Trung B	DC	xã Tân Thới	H. Phong Điền	10° 01' 36"	105° 37' 50"					C-48-44-C-d
cầu Đội Ngãi	KX	xã Tân Thới	H. Phong Điền	10° 02' 01"	105° 38' 50"					C-48-44-C-d
cầu Rạch Miễu	KX	xã Tân Thới	H. Phong Điền	10° 01' 28"	105° 38' 58"					C-48-44-C-d
cầu Xẻo Cui	KX	xã Tân Thới	H. Phong Điền	10° 02' 42"	105° 38' 33"					C-48-44-C-d
cầu Xẻo Tre	KX	xã Tân Thới	H. Phong Điền	10° 01' 38"	105° 39' 00"					C-48-44-C-d
chùa Chiếu Minh Ẩn Giáo	KX	xã Tân Thới	H. Phong Điền	10° 02' 08"	105° 38' 45"					C-48-44-C-d
đường Lộ Vòng Cung (đường tỉnh 923)	KX	xã Tân Thới	H. Phong Điền			10° 00' 33"	105° 44' 52"	10° 06' 27"	105° 40' 02"	C-48-44-C-d
Đường tỉnh 918	KX	xã Tân Thới	H. Phong Điền			10° 01' 40"	105° 39' 00"	10° 04' 23"	105° 45' 03"	C-48-44-C-d
Đường tỉnh 923	KX	xã Tân Thới	H. Phong Điền			10° 00' 33"	105° 44' 52"	10° 06' 27"	105° 40' 02"	C-48-44-C-d
Trường Trung học cơ sở Tân Thới	KX	xã Tân Thới	H. Phong Điền	10° 00' 55"	105° 38' 57"					C-48-44-C-d
ngọn Đội Ngãi	TV	xã Tân Thới	H. Phong Điền			10° 02' 08"	105° 39' 27"	10° 01' 49"	105° 38' 58"	C-48-44-C-d
rạch Bòng Bọng Nhỏ	TV	xã Tân Thới	H. Phong Điền			10° 00' 26"	105° 37' 30"	10° 01' 06"	105° 37' 31"	C-48-44-C-d
rạch Cầu Nhiếm	TV	xã Tân Thới	H. Phong Điền			10° 01' 13"	105° 37' 03"	10° 01' 07"	105° 37' 31"	C-48-44-C-d
rạch Cây Dầu	TV	xã Tân Thới	H. Phong Điền			10° 02' 15"	105° 38' 01"	10° 01' 21"	105° 37' 21"	C-48-44-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Mương Bố	TV	xã Tân Thới	H. Phong Điền			10° 02' 04"	105° 37' 33"	10° 02' 57"	105° 38' 27"	C-48-44-C-d
rạch Ông Cụt	TV	xã Tân Thới	H. Phong Điền			10° 00' 48"	105° 37' 58"	10° 00' 59"	105° 38' 40"	C-48-44-C-d
rạch Ông Tạc	TV	xã Tân Thới	H. Phong Điền			10° 02' 07"	105° 37' 41"	10° 01' 21"	105° 38' 02"	C-48-44-C-d
rạch Tây Đinh	TV	xã Tân Thới	H. Phong Điền			10° 02' 10"	105° 38' 05"	10° 02' 12"	105° 38' 32"	C-48-44-C-d
rạch Trà Niềng Bé	TV	xã Tân Thới	H. Phong Điền			10° 01' 52"	105° 39' 43"	09° 59' 58"	105° 40' 22"	C-48-44-C-d
rạch Trà Niềng Lớn	TV	xã Tân Thới	H. Phong Điền			10° 02' 23"	105° 39' 38"	09° 59' 52"	105° 40' 22"	C-48-44-C-d
rạch Xẻo Cui	TV	xã Tân Thới	H. Phong Điền			10° 02' 23"	105° 39' 38"	10° 02' 42"	105° 38' 32"	C-48-44-C-d
rạch Xẻo Đế	TV	xã Tân Thới	H. Phong Điền			10° 03' 27"	105° 39' 53"	10° 03' 18"	105° 38' 41"	C-48-44-C-d
rạch Xẻo Tre	TV	xã Tân Thới	H. Phong Điền			10° 02' 03"	105° 39' 52"	10° 01' 38"	105° 38' 59"	C-48-44-C-d
Rạch Nốp	TV	xã Tân Thới	H. Phong Điền			10° 00' 24"	105° 37' 31"	10° 00' 29"	105° 39' 05"	C-48-44-C-d
sông Cần Thơ	TV	xã Tân Thới	H. Phong Điền			10° 03' 19"	105° 38' 40"	10° 02' 12"	105° 47' 22"	C-48-44-C-d
sông Cầu Nhiếm	TV	xã Tân Thới	H. Phong Điền			10° 01' 07"	105° 37' 31"	10° 00' 59"	105° 38' 50"	C-48-44-C-d
ấp Trường Hòa	DC	xã Trường Long	H. Phong Điền	09° 57' 20"	105° 36' 36"					C-48-56-A-a
ấp Trường Hòa A	DC	xã Trường Long	H. Phong Điền	09° 57' 01"	105° 36' 53"					C-48-56-A-b
ấp Trường Khương	DC	xã Trường Long	H. Phong Điền	09° 59' 43"	105° 37' 48"					C-48-56-A-b
ấp Trường Khương A	DC	xã Trường Long	H. Phong Điền	10° 00' 17"	105° 36' 58"					C-48-56-A-a
ấp Trường Ninh	DC	xã Trường Long	H. Phong Điền	09° 58' 41"	105° 38' 42"					C-48-56-A-b
ấp Trường Ninh A	DC	xã Trường Long	H. Phong Điền	09° 57' 39"	105° 37' 49"					C-48-56-A-b
ấp Trường Phú 1	DC	xã Trường Long	H. Phong Điền	09° 59' 06"	105° 36' 18"					C-48-56-A-a
ấp Trường Phú 2	DC	xã Trường Long	H. Phong Điền	09° 59' 41"	105° 36' 33"					C-48-56-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Trường Phú A	DC	xã Trường Long	H. Phong Điền	09° 59' 26"	105° 36' 21"					C-48-56-A-a
ấp Trường Phú B	DC	xã Trường Long	H. Phong Điền	10° 00' 17"	105° 36' 32"					C-48-56-A-a
ấp Trường Thọ	DC	xã Trường Long	H. Phong Điền	09° 57' 54"	105° 36' 04"					C-48-56-A-a
ấp Trường Thọ 1	DC	xã Trường Long	H. Phong Điền	09° 58' 25"	105° 37' 47"					C-48-56-A-b
ấp Trường Thọ 2A	DC	xã Trường Long	H. Phong Điền	09° 58' 28"	105° 36' 25"					C-48-56-A-a
ấp Trường Thọ 2	DC	xã Trường Long	H. Phong Điền	09° 58' 47"	105° 37' 34"					C-48-56-A-b
ấp Trường Thọ A	DC	xã Trường Long	H. Phong Điền	09° 58' 48"	105° 38' 05"					C-48-56-A-b
ấp Trường Thọ B	DC	xã Trường Long	H. Phong Điền	09° 58' 49"	105° 37' 13"					C-48-56-A-a
ấp Trường Thuận	DC	xã Trường Long	H. Phong Điền	09° 58' 56"	105° 38' 05"					C-48-56-A-b
ấp Trường Thuận A	DC	xã Trường Long	H. Phong Điền	09° 59' 06"	105° 37' 45"					C-48-56-A-b
di tích lịch sử - văn hóa Chiến Thắng Ông Hào	KX	xã Trường Long	H. Phong Điền	09° 58' 40"	105° 38' 12"					C-48-56-A-b
đình Trường Long	KX	xã Trường Long	H. Phong Điền	09° 59' 00"	105° 37' 40"					C-48-56-A-b
Đường tỉnh 926	KX	xã Trường Long	H. Phong Điền			09° 59' 50"	105° 39' 53"	09° 58' 04"	105° 35' 52"	C-48-56-A-b
nhà thờ Ông Hào	KX	xã Trường Long	H. Phong Điền	09° 58' 51"	105° 38' 00"					C-48-56-A-b
kênh Cần Đước	TV	xã Trường Long	H. Phong Điền			09° 58' 24"	105° 36' 31"	09° 59' 01"	105° 37' 43"	C-48-56-A-a, C-48-56-A-b
kênh Đìa Muồng	TV	xã Trường Long	H. Phong Điền			10° 00' 22"	105° 35' 27"	09° 59' 48"	105° 36' 30"	C-48-44-C-c C-48-56-A-a
kênh Năm Tụ	TV	xã Trường Long	H. Phong Điền			10° 00' 26"	105° 37' 30"	10° 00' 25"	105° 36' 36"	C-48-44-C-c
kênh Ông Hào	TV	xã Trường Long	H. Phong Điền			09° 57' 11"	105° 36' 41"	09° 58' 53"	105° 37' 58"	C-48-56-A-a, C-48-56-A-b
kênh Vàm Bi	TV	xã Trường Long	H. Phong Điền			09° 59' 22"	105° 36' 43"	09° 59' 03"	105° 34' 56"	C-48-56-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Xẻo Lá	TV	xã Trường Long	H. Phong Điền			10° 00' 20"	105° 36' 53"	09° 59' 35"	105° 36' 47"	C-48-44-C-c C-48-56-A-a
kênh Xẽo Sơn	TV	xã Trường Long	H. Phong Điền			09° 59' 43"	105° 35' 11"	09° 59' 23"	105° 36' 42"	C-48-56-A-a
Kênh Mới	TV	xã Trường Long	H. Phong Điền			09° 59' 03"	105° 34' 56"	09° 56' 48"	105° 37' 02"	C-48-56-A-a
rạch Áng Khám	TV	xã Trường Long	H. Phong Điền			09° 58' 53"	105° 37' 27"	09° 58' 42"	105° 37' 52"	C-48-56-A-a, C-48-56-A-b
rạch Bông Giếng	TV	xã Trường Long	H. Phong Điền			09° 59' 48"	105° 36' 30"	10° 01' 12"	105° 37' 02"	C-48-44-C-c C-48-56-A-a
rạch Cây Cẩm	TV	xã Trường Long	H. Phong Điền			10° 00' 24"	105° 37' 31"	09° 59' 29"	105° 39' 11"	C-48-44-C-đ C-48-56-A-b
rạch Mương Khai	TV	xã Trường Long	H. Phong Điền			09° 59' 05"	105° 34' 53"	10° 01' 35"	105° 35' 50"	C-48-44-C-c C-48-56-A-a
rạch Trà Ếch	TV	xã Trường Long	H. Phong Điền			09° 56' 48"	105° 37' 02"	09° 59' 01"	105° 38' 47"	C-48-56-A-a, C-48-56-A-b
Rạch Nốp	TV	xã Trường Long	H. Phong Điền			10° 00' 24"	105° 37' 31"	10° 00' 29"	105° 39' 05"	C-48-44-C-c
sông Cà Gòn (kênh KH 9)	TV	xã Trường Long	H. Phong Điền			09° 59' 22"	105° 36' 43"	09° 59' 43"	105° 39' 58"	C-48-56-A-a, C-48-56-A-b
ấp Thới Hiệp A	DC	TT. Thới Lai	H. Thới Lai	10° 04' 26"	105° 33' 18"					C-48-44-C-c
ấp Thới Hòa A	DC	TT. Thới Lai	H. Thới Lai	10° 04' 23"	105° 33' 49"					C-48-44-C-c
ấp Thới Phong A	DC	TT. Thới Lai	H. Thới Lai	10° 03' 35"	105° 32' 33"					C-48-44-C-c
ấp Thới Phước	DC	TT. Thới Lai	H. Thới Lai	10° 03' 26"	105° 33' 46"					C-48-44-C-c
ấp Thới Quan	DC	TT. Thới Lai	H. Thới Lai	10° 03' 33"	105° 33' 09"					C-48-44-C-c
ấp Thới Thuận A	DC	TT. Thới Lai	H. Thới Lai	10° 03' 31"	105° 33' 41"					C-48-44-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Thới Thuận B	DC	TT. Thới Lai	H. Thới Lai	10° 03' 50"	105° 34' 04"					C-48-44-C-c
cầu Cồn Chen	KX	TT. Thới Lai	H. Thới Lai	10° 04' 09"	105° 32' 32"					C-48-44-C-c
cầu Tắc Cà Đi	KX	TT. Thới Lai	H. Thới Lai	10° 04' 21"	105° 34' 14"					C-48-44-C-c
cầu Thới Lai	KX	TT. Thới Lai	H. Thới Lai	10° 04' 01"	105° 33' 22"					C-48-44-C-c
cầu Xẻo Xào	KX	TT. Thới Lai	H. Thới Lai	10° 04' 04"	105° 33' 35"					C-48-44-C-c
chùa Giác Huê	KX	TT. Thới Lai	H. Thới Lai	10° 04' 13"	105° 33' 24"					C-48-44-C-c
chùa Prum Mani Vongsa	KX	TT. Thới Lai	H. Thới Lai	10° 04' 05"	105° 33' 33"					C-48-44-C-c
đường huyện Thới Lai - Đông Bình	KX	TT. Thới Lai	H. Thới Lai			10° 04' 06"	105° 32' 48"	10° 00' 06"	105° 26' 34"	C-48-44-C-c
đường huyện Thới Lai - Tân Thạnh	KX	TT. Thới Lai	H. Thới Lai			10° 04' 06"	105° 32' 48"	10° 05' 26"	105° 35' 00"	C-48-44-C-c
đường huyện Thới Lai - Trường Xuân A	KX	TT. Thới Lai	H. Thới Lai			10° 03' 59"	105° 33' 26"	09° 56' 46"	105° 30' 12"	C-48-44-C-c
Đường tỉnh 922	KX	TT. Thới Lai	H. Thới Lai			10° 06' 37"	105° 36' 58"	10° 05' 38"	105° 25' 47"	C-48-44-C-c
thánh thất Cao đài Thới Lai	KX	TT. Thới Lai	H. Thới Lai	10° 03' 55"	105° 33' 23"					C-48-44-C-c
Trường Trung học phổ thông Thới Lai	KX	TT. Thới Lai	H. Thới Lai	10° 03' 38"	105° 33' 17"					C-48-44-C-c
kênh Đông Pháp	TV	TT. Thới Lai	H. Thới Lai			10° 03' 43"	105° 27' 02"	10° 03' 32"	105° 32' 30"	C-48-44-C-c
kênh Lường Xuồng	TV	TT. Thới Lai	H. Thới Lai			10° 04' 02"	105° 34' 30"	10° 03' 12"	105° 34' 37"	C-48-44-C-c
kênh Thị Đội	TV	TT. Thới Lai	H. Thới Lai			10° 04' 02"	105° 33' 24"	10° 00' 04"	105° 26' 34"	C-48-44-C-c
kênh Xẻo Xào	TV	TT. Thới Lai	H. Thới Lai			10° 04' 07"	105° 33' 34"	10° 01' 24"	105° 36' 42"	C-48-44-C-c
Kênh Đứng	TV	TT. Thới Lai	H. Thới Lai			10° 05' 53"	105° 25' 45"	10° 04' 02"	105° 33' 23"	C-48-44-C-c
rạch Bà Tuấn	TV	TT. Thới Lai	H. Thới Lai			10° 03' 09"	105° 35' 08"	10° 02' 53"	105° 33' 50"	C-48-44-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Bù Lu	TV	TT. Thới Lai	H. Thới Lai			10° 03' 37"	105° 35' 16"	10° 04' 21"	105° 34' 14"	C-48-44-C-c
rạch Cồn Chen	TV	TT. Thới Lai	H. Thới Lai			10° 04' 33"	105° 33' 13"	10° 04' 09"	105° 32' 58"	C-48-44-C-c
rạch Cồn Chen	TV	TT. Thới Lai	H. Thới Lai			10° 04' 13"	105° 32' 36"	10° 03' 47"	105° 31' 49"	C-48-44-C-c
rạch Miếu Cô	TV	TT. Thới Lai	H. Thới Lai			10° 02' 58"	105° 33' 34"	10° 03' 24"	105° 33' 14"	C-48-44-C-c
rạch Nhà Thờ	TV	TT. Thới Lai	H. Thới Lai			10° 05' 21"	105° 32' 46"	10° 04' 08"	105° 33' 30"	C-48-44-C-c
rạch Vàm Đinh	TV	TT. Thới Lai	H. Thới Lai			10° 04' 55"	105° 33' 29"	10° 04' 28"	105° 33' 20"	C-48-44-C-c
Rạch Đình	TV	TT. Thới Lai	H. Thới Lai			10° 06' 37"	105° 33' 12"	10° 04' 31"	105° 34' 03"	C-48-44-C-c
sông Ô Môn	TV	TT. Thới Lai	H. Thới Lai			10° 04' 02"	105° 33' 24"	10° 08' 50"	105° 39' 17"	C-48-44-C-c
sông Xáng Bà Đầm	TV	TT. Thới Lai	H. Thới Lai			09° 56' 49"	105° 30' 07"	10° 03' 59"	105° 33' 22"	C-48-44-C-c
ấp Định Hòa A	DC	xã Định Môn	H. Thới Lai	10° 04' 28"	105° 36' 02"					C-48-44-C-c
ấp Định Hòa B	DC	xã Định Môn	H. Thới Lai	10° 04' 11"	105° 36' 07"					C-48-44-C-c
ấp Định Khánh A	DC	xã Định Môn	H. Thới Lai	10° 03' 28"	105° 35' 15"					C-48-44-C-c
ấp Định Khánh B	DC	xã Định Môn	H. Thới Lai	10° 02' 24"	105° 36' 21"					C-48-44-C-c
ấp Định Mỹ	DC	xã Định Môn	H. Thới Lai	10° 03' 26"	105° 36' 31"					C-48-44-C-c
ấp Định Phước	DC	xã Định Môn	H. Thới Lai	10° 04' 53"	105° 35' 27"					C-48-44-C-c
ấp Định Thành	DC	xã Định Môn	H. Thới Lai	10° 04' 25"	105° 35' 15"					C-48-44-C-c
ấp Định Yên	DC	xã Định Môn	H. Thới Lai	10° 02' 38"	105° 36' 56"					C-48-44-C-c
chùa Né Ry Vone	KX	xã Định Môn	H. Thới Lai	10° 04' 59"	105° 35' 31"					C-48-44-C-c
di tích lịch sử - văn hóa Địa điểm Chiến thắng Ông Đưa năm 1960	KX	xã Định Môn	H. Thới Lai	10° 02' 42"	105° 35' 17"					C-48-44-C-c
kênh Bà Đúc	TV	xã Định Môn	H. Thới Lai			10° 03' 37"	105° 35' 16"	10° 04' 03"	105° 36' 12"	C-48-44-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bà Quán	TV	xã Định Môn	H. Thới Lai			10° 03' 44"	105° 36' 20"	10° 03' 05"	105° 35' 13"	C-48-44-C-c
kênh Đòn Giông	TV	xã Định Môn	H. Thới Lai			10° 04' 31"	105° 36' 26"	10° 03' 44"	105° 36' 58"	C-48-44-C-c
kênh KH8	TV	xã Định Môn	H. Thới Lai			10° 05' 17"	105° 38' 37"	10° 01' 52"	105° 35' 00"	C-48-44-C-c C-48-44-C-d
kênh Lường Xuồng	TV	xã Định Môn	H. Thới Lai			10° 04' 02"	105° 34' 30"	10° 03' 12"	105° 34' 37"	C-48-44-C-c
kênh Mười Điện	TV	xã Định Môn	H. Thới Lai			10° 04' 27"	105° 35' 39"	10° 03' 32"	105° 35' 59"	C-48-44-C-c
kênh Năm Thiều	TV	xã Định Môn	H. Thới Lai			10° 02' 06"	105° 36' 10"	10° 03' 08"	105° 36' 39"	C-48-44-C-c
mương Ông Huyện	TV	xã Định Môn	H. Thới Lai			10° 03' 57"	105° 37' 03"	10° 04' 45"	105° 36' 58"	C-48-44-C-c
rạch Bà Tuấn	TV	xã Định Môn	H. Thới Lai			10° 03' 09"	105° 35' 08"	10° 02' 53"	105° 33' 50"	C-48-44-C-c
rạch Bù Lu	TV	xã Định Môn	H. Thới Lai			10° 03' 37"	105° 35' 16"	10° 04' 21"	105° 34' 14"	C-48-44-C-c
rạch Dầu Bích	TV	xã Định Môn	H. Thới Lai			10° 04' 31"	105° 36' 26"	10° 05' 41"	105° 35' 37"	C-48-44-C-c
rạch Mương Bố	TV	xã Định Môn	H. Thới Lai			10° 02' 04"	105° 37' 33"	10° 02' 57"	105° 38' 27"	C-48-44-C-c C-48-44-C-d
rạch Ông Đưa	TV	xã Định Môn	H. Thới Lai			10° 02' 04"	105° 36' 09"	10° 03' 37"	105° 35' 16"	C-48-44-C-c
rạch Trái Bầu	TV	xã Định Môn	H. Thới Lai			10° 02' 04"	105° 36' 10"	10° 02' 22"	105° 37' 03"	C-48-44-C-c
rạch Trà An	TV	xã Định Môn	H. Thới Lai			10° 02' 22"	105° 37' 03"	10° 03' 22"	105° 36' 35"	C-48-44-C-c
rạch Vàm Nhon	TV	xã Định Môn	H. Thới Lai			10° 03' 22"	105° 36' 35"	10° 05' 23"	105° 35' 17"	C-48-44-C-c
Rạch Dầu	TV	xã Định Môn	H. Thới Lai			10° 03' 54"	105° 34' 52"	10° 05' 01"	105° 35' 28"	C-48-44-C-c
ấp Đông Giang	DC	xã Đông Bình	H. Thới Lai	10° 00' 42"	105° 25' 56"					C-48-43-D-d
ấp Đông Giang A	DC	xã Đông Bình	H. Thới Lai	10° 00' 38"	105° 27' 27"					C-48-43-D-d
ấp Đông Hiển	DC	xã Đông Bình	H. Thới Lai	09° 58' 33"	105° 28' 47"					C-48-55-B-b
ấp Đông Lợi	DC	xã Đông Bình	H. Thới Lai	10° 02' 16"	105° 26' 43"					C-48-43-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Đông Phước	DC	xã Đông Bình	H. Thới Lai	10° 01' 43"	105° 25' 18"					C-48-43-D-d
ấp Đông Thắng	DC	xã Đông Bình	H. Thới Lai	09° 59' 50"	105° 27' 14"					C-48-55-B-b
ấp Đông Thắng A	DC	xã Đông Bình	H. Thới Lai	10° 00' 35"	105° 27' 30"					C-48-43-D-d
ấp Đông Thới	DC	xã Đông Bình	H. Thới Lai	10° 03' 20"	105° 27' 12"					C-48-43-D-d
đường Bốn Tổng - Một Ngàn (đường tỉnh 919)	KX	xã Đông Bình	H. Thới Lai			09° 59' 22"	105° 34' 11"	10° 04' 47"	105° 26' 18"	C-48-43-D-d
đường huyện Thới Lai - Đông Bình	KX	xã Đông Bình	H. Thới Lai			10° 04' 06"	105° 32' 48"	10° 00' 06"	105° 26' 34"	C-48-43-D-d
Đường tỉnh 919	KX	xã Đông Bình	H. Thới Lai			10° 13' 55"	105° 23' 40"	09° 59' 22"	105° 34' 11"	C-48-43-D-d
kênh Cò My	TV	xã Đông Bình	H. Thới Lai			10° 01' 42"	105° 26' 20"	10° 00' 23"	105° 27' 05"	C-48-43-D-d
kênh KH5	TV	xã Đông Bình	H. Thới Lai			10° 04' 00"	105° 26' 50"	10° 01' 35"	105° 24' 58"	C-48-43-D-d
kênh KH6	TV	xã Đông Bình	H. Thới Lai			10° 02' 31"	105° 27' 43"	10° 00' 05"	105° 26' 33"	C-48-43-D-d
kênh KH7	TV	xã Đông Bình	H. Thới Lai			09° 58' 10"	105° 28' 38"	10° 02' 26"	105° 30' 40"	C-48-43-D-đ C-48-55-B-b
kênh Lầu Cây Mít	TV	xã Đông Bình	H. Thới Lai			09° 59' 33"	105° 28' 07"	10° 00' 43"	105° 27' 41"	C-48-43-D-đ C-48-55-B-b
kênh Thị Đội	TV	xã Đông Bình	H. Thới Lai			10° 04' 02"	105° 33' 24"	10° 00' 04"	105° 26' 34"	C-48-43-D-d
kênh Trâm Bầu	TV	xã Đông Bình	H. Thới Lai			10° 01' 37"	105° 25' 31"	10° 00' 14"	105° 26' 49"	C-48-43-D-d
kênh Út Liễu	TV	xã Đông Bình	H. Thới Lai			10° 01' 48"	105° 25' 23"	10° 00' 09"	105° 26' 42"	C-48-43-D-d
Kênh 5	TV	xã Đông Bình	H. Thới Lai			10° 02' 59"	105° 26' 15"	10° 00' 40"	105° 27' 34"	C-48-43-D-d
Kênh Ngang	TV	xã Đông Bình	H. Thới Lai			10° 05' 53"	105° 25' 45"	10° 01' 13"	105° 28' 30"	C-48-43-D-d
Kênh Ranh	TV	xã Đông Bình	H. Thới Lai			09° 55' 14"	105° 31' 50"	10° 04' 27"	105° 21' 44"	C-48-43-D-đ C-48-55-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Đông Hiển	DC	xã Đông Thuận	H. Thới Lai	10° 01' 27"	105° 28' 59"					C-48-43-D-d
ấp Đông Hiển A	DC	xã Đông Thuận	H. Thới Lai	10° 00' 40"	105° 29' 28"					C-48-43-D-d
ấp Đông Hòa	DC	xã Đông Thuận	H. Thới Lai	10° 01' 28"	105° 28' 23"					C-48-43-D-d
ấp Đông Hòa A	DC	xã Đông Thuận	H. Thới Lai	10° 02' 29"	105° 28' 26"					C-48-43-D-d
ấp Đông Mỹ	DC	xã Đông Thuận	H. Thới Lai	10° 03' 32"	105° 28' 09"					C-48-43-D-d
ấp Đông Thành	DC	xã Đông Thuận	H. Thới Lai	10° 01' 29"	105° 29' 45"					C-48-43-D-d
ấp Đông Thạnh	DC	xã Đông Thuận	H. Thới Lai	10° 02' 18"	105° 30' 20"					C-48-44-C-c
ấp Đông Thắng	DC	xã Đông Thuận	H. Thới Lai	10° 00' 22"	105° 28' 18"					C-48-43-D-d
ấp Đông Thắng A	DC	xã Đông Thuận	H. Thới Lai	09° 59' 49"	105° 29' 23"					C-48-55-B-b
đường Bốn Tổng - Một Ngàn (đường tỉnh 919)	KX	xã Đông Thuận	H. Thới Lai			09° 59' 22"	105° 34' 11"	10° 04' 47"	105° 26' 18"	C-48-43-D-đ C-48-44-C-c
đường huyện Thới Lai - Đông Bình	KX	xã Đông Thuận	H. Thới Lai			10° 04' 06"	105° 32' 48"	10° 00' 06"	105° 26' 34"	C-48-43-D-đ C-48-44-C-c
Đường tỉnh 919	KX	xã Đông Thuận	H. Thới Lai			10° 13' 55"	105° 23' 40"	09° 59' 22"	105° 34' 11"	C-48-43-D-d
kênh Bốn Thước	TV	xã Đông Thuận	H. Thới Lai			10° 03' 47"	105° 31' 48"	10° 02' 22"	105° 29' 22"	C-48-43-D-đ C-48-44-C-c
kênh Điền Hòa	TV	xã Đông Thuận	H. Thới Lai			10° 03' 57"	105° 30' 58"	10° 01' 57"	105° 28' 04"	C-48-43-D-đ C-48-44-C-c
kênh Đông Pháp	TV	xã Đông Thuận	H. Thới Lai			10° 03' 43"	105° 27' 02"	10° 03' 32"	105° 32' 30"	C-48-43-D-d
kênh KH7	TV	xã Đông Thuận	H. Thới Lai			09° 58' 10"	105° 28' 38"	10° 02' 26"	105° 30' 40"	C-48-43-D-đ C-48-44-C-c C-48-55-B-b
kênh Lầu Cây Mít	TV	xã Đông Thuận	H. Thới Lai			09° 59' 33"	105° 28' 07"	10° 00' 43"	105° 27' 41"	C-48-43-D-đ C-48-55-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Năm Đại	TV	xã Đông Thuận	H. Thới Lai			10° 03' 49"	105° 28' 18"	10° 02' 32"	105° 27' 44"	C-48-43-D-d
kênh Thị Đội	TV	xã Đông Thuận	H. Thới Lai			10° 04' 02"	105° 33' 24"	10° 00' 04"	105° 26' 34"	C-48-43-D-đ C-48-44-C-c
kênh Yết Kỵ	TV	xã Đông Thuận	H. Thới Lai			10° 00' 11"	105° 29' 16"	10° 01' 41"	105° 29' 21"	C-48-43-D-d
Kênh Ngang	TV	xã Đông Thuận	H. Thới Lai			10° 05' 53"	105° 25' 45"	10° 01' 13"	105° 28' 30"	C-48-43-D-d
Kênh Ngang	TV	xã Đông Thuận	H. Thới Lai			10° 02' 22"	105° 29' 22"	10° 01' 55"	105° 28' 06"	C-48-43-D-d
ấp Thới Khánh	DC	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai	10° 04' 55"	105° 34' 55"					C-48-44-C-c
ấp Thới Khánh A	DC	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai	10° 04' 34"	105° 34' 19"					C-48-44-C-c
ấp Thới Phước 1	DC	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai	10° 06' 23"	105° 34' 38"					C-48-44-C-c
ấp Thới Phước 2	DC	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai	10° 05' 05"	105° 34' 01"					C-48-44-C-c
ấp Thới Thuận A	DC	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai	10° 05' 35"	105° 34' 57"					C-48-44-C-c
ấp Thới Thuận B	DC	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai	10° 06' 42"	105° 35' 10"					C-48-44-C-c
cầu Tắc Cà Đi	KX	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai	10° 04' 21"	105° 34' 14"					C-48-44-C-c
cầu Vàm Nhon	KX	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai	10° 05' 20"	105° 35' 18"					C-48-44-C-c
đường huyện Thới Lai - Tân Thạnh	KX	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai			10° 04' 06"	105° 32' 48"	10° 05' 26"	105° 35' 00"	C-48-44-C-c
Đường tỉnh 922	KX	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai			10° 06' 37"	105° 36' 58"	10° 05' 38"	105° 25' 47"	C-48-44-C-c
hội thánh Cơ đốc Phục lâm Vàm Nhon	KX	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai	10° 05' 18"	105° 35' 08"					C-48-44-C-c
thánh tịnh Thiên Trước	KX	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai	10° 05' 10"	105° 35' 01"					C-48-44-C-c
kênh Bờ Bao	TV	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai			10° 05' 59"	105° 33' 20"	10° 07' 45"	105° 35' 40"	C-48-44-C-a, C-48-44-C-c
kênh Năm Kỵ	TV	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai			10° 08' 04"	105° 35' 20"	10° 06' 30"	105° 26' 38"	C-48-44-C-a, C-48-44-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Bà Keo	TV	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai			10° 05' 39"	105° 33' 33"	10° 04' 38"	105° 34' 17"	C-48-44-C-c
rạch Bù Lu	TV	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai			10° 03' 37"	105° 35' 16"	10° 04' 21"	105° 34' 14"	C-48-44-C-c
rạch Lăng Cù	TV	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai			10° 05' 59"	105° 33' 20"	10° 05' 41"	105° 34' 47"	C-48-44-C-c
rạch Mương Cái	TV	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai			10° 06' 10"	105° 35' 12"	10° 05' 39"	105° 35' 33"	C-48-44-C-c
rạch Ngã Giữa	TV	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai			10° 06' 46"	105° 34' 16"	10° 05' 46"	105° 34' 48"	C-48-44-C-c
rạch Ngã Ngây	TV	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai			10° 06' 55"	105° 34' 30"	10° 05' 41"	105° 34' 48"	C-48-44-C-c
rạch Ông Cả	TV	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai			10° 05' 38"	105° 33' 54"	10° 05' 06"	105° 34' 45"	C-48-44-C-c
rạch Ông Chủ	TV	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai			10° 06' 59"	105° 35' 05"	10° 05' 43"	105° 35' 36"	C-48-44-C-c
rạch Trà Vơ Lớn	TV	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai			10° 05' 41"	105° 34' 48"	10° 05' 19"	105° 35' 05"	C-48-44-C-c
rạch Trà Vơ Nhỏ	TV	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai			10° 06' 58"	105° 34' 33"	10° 05' 33"	105° 35' 27"	C-48-44-C-c
rạch Vàm Nhon	TV	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai			10° 03' 22"	105° 36' 35"	10° 05' 23"	105° 35' 17"	C-48-44-C-c
Rạch Đình	TV	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai			10° 06' 37"	105° 33' 12"	10° 04' 31"	105° 34' 03"	C-48-44-C-c
sông Ô Môn	TV	xã Tân Thạnh	H. Thới Lai			10° 04' 02"	105° 33' 24"	10° 08' 50"	105° 39' 17"	C-48-44-C-c
ấp Điền Hòa	DC	xã Thới Tân	H. Thới Lai	10° 03' 14"	105° 29' 58"					C-48-43-D-d
ấp Đông Hòa A	DC	xã Thới Tân	H. Thới Lai	10° 02' 38"	105° 30' 54"					C-48-44-C-c
ấp Đông Hòa B	DC	xã Thới Tân	H. Thới Lai	10° 02' 17"	105° 30' 36"					C-48-44-C-c
ấp Thới Phước	DC	xã Thới Tân	H. Thới Lai	10° 03' 19"	105° 32' 04"					C-48-44-C-c
ấp Thới Phước A	DC	xã Thới Tân	H. Thới Lai	10° 03' 08"	105° 31' 46"					C-48-44-C-c
ấp Thới Phước B	DC	xã Thới Tân	H. Thới Lai	10° 03' 02"	105° 31' 43"					C-48-44-C-c
ấp Thới Quan B	DC	xã Thới Tân	H. Thới Lai	10° 02' 40"	105° 32' 45"					C-48-44-C-c
ấp Trường Phú B	DC	xã Thới Tân	H. Thới Lai	10° 01' 43"	105° 32' 19"					C-48-44-C-c
đường huyện Thới Lai - Đông Bình	KX	xã Thới Tân	H. Thới Lai			10° 04' 06"	105° 32' 48"	10° 00' 06"	105° 26' 34"	C-48-44-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bốn Thước	TV	xã Thới Tân	H. Thới Lai			10° 03' 47"	105° 31' 48"	10° 02' 22"	105° 29' 22"	C-48-43-D-đ C-48-44-C-c
kênh Điền Hòa	TV	xã Thới Tân	H. Thới Lai			10° 03' 57"	105° 30' 58"	10° 01' 57"	105° 28' 04"	C-48-43-D-đ C-48-44-C-c
kênh Đông Pháp	TV	xã Thới Tân	H. Thới Lai			10° 03' 43"	105° 27' 02"	10° 03' 32"	105° 32' 30"	C-48-43-D-đ C-48-44-C-c
kênh Hai Phát	TV	xã Thới Tân	H. Thới Lai			10° 01' 38"	105° 31' 02"	10° 01' 07"	105° 32' 04"	C-48-44-C-c
kênh KH7	TV	xã Thới Tân	H. Thới Lai			09° 58' 10"	105° 28' 38"	10° 02' 26"	105° 30' 40"	C-48-43-D-đ C-48-44-C-c
kênh Máy Nước	TV	xã Thới Tân	H. Thới Lai			10° 03' 12"	105° 31' 56"	10° 03' 39"	105° 29' 12"	C-48-43-D-đ C-48-44-C-c
kênh Miếu Bà	TV	xã Thới Tân	H. Thới Lai			10° 02' 01"	105° 31' 53"	10° 01' 47"	105° 32' 22"	C-48-44-C-c
kênh Thị Đội	TV	xã Thới Tân	H. Thới Lai			10° 04' 02"	105° 33' 24"	10° 00' 04"	105° 26' 34"	C-48-43-D-đ C-48-44-C-c
sông Xáng Bà Đầm	TV	xã Thới Tân	H. Thới Lai			09° 56' 49"	105° 30' 07"	10° 03' 59"	105° 33' 22"	C-48-44-C-c
ấp Thới Bình	DC	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai	10° 05' 36"	105° 36' 10"					C-48-44-C-c
ấp Thới Bình A	DC	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai	10° 05' 24"	105° 36' 14"					C-48-44-C-c
ấp Thới Bình A1	DC	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai	10° 06' 29"	105° 36' 30"					C-48-44-C-c
ấp Thới Bình A2	DC	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai	10° 06' 10"	105° 36' 15"					C-48-44-C-c
ấp Thới Bình A3	DC	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai	10° 06' 08"	105° 36' 31"					C-48-44-C-c
ấp Thới Bình B	DC	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai	10° 05' 43"	105° 35' 57"					C-48-44-C-c
ấp Thới Hòa	DC	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai	10° 06' 34"	105° 36' 27"					C-48-44-C-c
ấp Thới Hòa A	DC	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai	10° 06' 40"	105° 36' 31"					C-48-44-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Thới Hòa B	DC	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai	10° 06' 52"	105° 36' 06"					C-48-44-C-c
ấp Thới Hòa C	DC	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai	10° 07' 23"	105° 36' 03"					C-48-44-C-c
ấp Thới Thuận	DC	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai	10° 06' 51"	105° 35' 48"					C-48-44-C-c
cầu Rạch Nhum	KX	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai	10° 06' 30"	105° 36' 48"					C-48-44-C-c
cầu Rạch Tra	KX	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai	10° 05' 49"	105° 36' 10"					C-48-44-C-c
cầu Vàm Nhon	KX	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai	10° 05' 20"	105° 35' 18"					C-48-44-C-c
cầu Viện Lúa	KX	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai	10° 07' 45"	105° 35' 42"					C-48-44-C-a
chùa Rạch Tra	KX	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai	10° 06' 01"	105° 36' 10"					C-48-44-C-c
chùa Vạn Đức	KX	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai	10° 05' 26"	105° 35' 29"					C-48-44-C-c
Chùa Ông	KX	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai	10° 06' 38"	105° 36' 44"					C-48-44-C-c
đền thờ Châu Văn Liêm	KX	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai	10° 05' 42"	105° 35' 57"					C-48-44-C-c
Đường tỉnh 922	KX	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai			10° 06' 37"	105° 36' 58"	10° 05' 38"	105° 25' 47"	C-48-44-C-c
Quốc lộ 91	KX	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai			10° 02' 47"	105° 46' 41"	10° 19' 30"	105° 29' 11"	C-48-44-C-a, C-48-44-C-c C-48-44-C-d
kênh Bờ Bao	TV	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai			10° 05' 59"	105° 33' 20"	10° 07' 45"	105° 35' 40"	C-48-44-C-a, C-48-44-C-c
kênh Quốc lộ 91	TV	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai			10° 09' 13"	105° 34' 05"	10° 06' 41"	105° 36' 49"	C-48-44-C-a, C-48-44-C-c
rạch Dầu Bích	TV	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai			10° 04' 31"	105° 36' 26"	10° 05' 41"	105° 35' 37"	C-48-44-C-c
rạch Mương Ngang	TV	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai			10° 06' 51"	105° 35' 09"	10° 07' 03"	105° 35' 40"	C-48-44-C-c
rạch Ngã Nhỏ	TV	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai			10° 05' 48"	105° 36' 43"	10° 06' 05"	105° 37' 09"	C-48-44-C-c
rạch Ông Chủ	TV	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai			10° 06' 59"	105° 35' 05"	10° 05' 43"	105° 35' 36"	C-48-44-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Trà Keo	TV	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai			10° 04' 47"	105° 36' 54"	10° 04' 57"	105° 37' 45"	C-48-44-C-c
rạch Vàm Nhon	TV	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai			10° 03' 22"	105° 36' 35"	10° 05' 23"	105° 35' 17"	C-48-44-C-c
Rạch Điều	TV	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai			10° 07' 03"	105° 35' 40"	10° 06' 17"	105° 36' 15"	C-48-44-C-c
Rạch Gày	TV	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai			10° 06' 23"	105° 35' 32"	10° 05' 57"	105° 35' 50"	C-48-44-C-c
Rạch Gập	TV	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai			10° 06' 33"	105° 35' 51"	10° 06' 01"	105° 35' 59"	C-48-44-C-c
Rạch Nhum	TV	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai			10° 04' 33"	105° 37' 39"	10° 06' 31"	105° 36' 39"	C-48-44-C-d
Rạch Tra	TV	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai			10° 05' 04"	105° 36' 21"	10° 06' 00"	105° 36' 06"	C-48-44-C-c
sông Ô Môn	TV	xã Thới Thạnh	H. Thới Lai			10° 04' 02"	105° 33' 24"	10° 08' 50"	105° 39' 17"	C-48-44-C-c C-48-44-C-d
ấp Trường Bình	DC	xã Trường Thành	H. Thới Lai	10° 01' 17"	105° 34' 51"					C-48-44-C-c
ấp Trường Đông	DC	xã Trường Thành	H. Thới Lai	10° 02' 02"	105° 36' 41"					C-48-44-C-c
ấp Trường Khánh	DC	xã Trường Thành	H. Thới Lai	10° 01' 59"	105° 36' 09"					C-48-44-C-c
ấp Trường Lợi	DC	xã Trường Thành	H. Thới Lai	09° 59' 54"	105° 34' 15"					C-48-56-A-a
ấp Trường Tây	DC	xã Trường Thành	H. Thới Lai	10° 01' 13"	105° 36' 52"					C-48-44-C-c
ấp Trường Tây A	DC	xã Trường Thành	H. Thới Lai	10° 00' 44"	105° 36' 41"					C-48-44-C-c
ấp Trường Thạnh	DC	xã Trường Thành	H. Thới Lai	10° 00' 56"	105° 35' 39"					C-48-44-C-c
ấp Trường Thạnh A	DC	xã Trường Thành	H. Thới Lai	10° 00' 05"	105° 35' 19"					C-48-44-C-c
ấp Trường Thắng	DC	xã Trường Thành	H. Thới Lai	10° 01' 50"	105° 35' 16"					C-48-44-C-c
ấp Trường Trung	DC	xã Trường Thành	H. Thới Lai	10° 01' 41"	105° 37' 15"					C-48-44-C-c
kênh Cái Túc	TV	xã Trường Thành	H. Thới Lai			09° 59' 31"	105° 34' 03"	10° 01' 51"	105° 35' 00"	C-48-44-C-c C-48-56-A-a
kênh KH8	TV	xã Trường Thành	H. Thới Lai			10° 05' 17"	105° 38' 37"	10° 01' 52"	105° 35' 00"	C-48-44-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Lung Sập	TV	xã Trường Thành	H. Thới Lai			10° 00' 33"	105° 36' 38"	10° 00' 43"	105° 35' 31"	C-48-44-C-c
kênh Mương Ranh	TV	xã Trường Thành	H. Thới Lai			10° 00' 53"	105° 35' 05"	10° 01' 42"	105° 35' 36"	C-48-44-C-c
kênh Năm Tụ	TV	xã Trường Thành	H. Thới Lai			10° 00' 26"	105° 37' 30"	10° 00' 25"	105° 36' 36"	C-48-44-C-c C-48-44-C-d
kênh Xẻo Xào	TV	xã Trường Thành	H. Thới Lai			10° 04' 07"	105° 33' 34"	10° 01' 24"	105° 36' 42"	C-48-44-C-c
rạch Ba Đá	TV	xã Trường Thành	H. Thới Lai			10° 02' 04"	105° 36' 53"	10° 01' 33"	105° 36' 31"	C-48-44-C-c
rạch Bà Lang	TV	xã Trường Thành	H. Thới Lai			10° 02' 21"	105° 35' 42"	10° 01' 48"	105° 35' 28"	C-48-44-C-c
rạch Ba Mít	TV	xã Trường Thành	H. Thới Lai			10° 02' 04"	105° 36' 10"	10° 01' 13"	105° 37' 03"	C-48-44-C-c
rạch Bòng Bọng Nhỏ	TV	xã Trường Thành	H. Thới Lai			10° 00' 26"	105° 37' 30"	10° 01' 06"	105° 37' 31"	C-48-44-C-c C-48-44-C-d
rạch Bông Giếng	TV	xã Trường Thành	H. Thới Lai			09° 59' 48"	105° 36' 30"	10° 01' 12"	105° 37' 02"	C-48-44-C-c C-48-56-A-a
rạch Cầu Nhiếm	TV	xã Trường Thành	H. Thới Lai			10° 01' 13"	105° 37' 03"	10° 01' 07"	105° 37' 31"	C-48-44-C-c C-48-44-C-d
rạch Cây Dầu	TV	xã Trường Thành	H. Thới Lai			10° 02' 15"	105° 38' 01"	10° 01' 21"	105° 37' 21"	C-48-44-C-c C-48-44-C-d
rạch Lò Mo	TV	xã Trường Thành	H. Thới Lai			10° 00' 36"	105° 35' 45"	10° 01' 24"	105° 36' 37"	C-48-44-C-c
rạch Mương Bố	TV	xã Trường Thành	H. Thới Lai			10° 02' 04"	105° 37' 33"	10° 02' 57"	105° 38' 27"	C-48-44-C-c C-48-44-C-d
rạch Mương Khai	TV	xã Trường Thành	H. Thới Lai			09° 59' 05"	105° 34' 53"	10° 01' 35"	105° 35' 50"	C-48-44-C-c C-48-56-A-a
rạch Ông Đưa	TV	xã Trường Thành	H. Thới Lai			10° 02' 04"	105° 36' 09"	10° 03' 37"	105° 35' 16"	C-48-44-C-c
rạch Tà Lẹt	TV	xã Trường Thành	H. Thới Lai			10° 02' 05"	105° 35' 57"	10° 01' 39"	105° 35' 43"	C-48-44-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Trái Bầu	TV	xã Trường Thành	H. Thới Lai			10° 02' 04"	105° 36' 10"	10° 02' 22"	105° 37' 03"	C-48-44-C-c
rạch Xẻo Chuối	TV	xã Trường Thành	H. Thới Lai			10° 01' 11"	105° 35' 19"	10° 01' 47"	105° 35' 26"	C-48-44-C-c
ấp Thới Quan	DC	xã Trường Thắng	H. Thới Lai	10° 03' 15"	105° 33' 06"					C-48-44-C-c
ấp Thới Tân A	DC	xã Trường Thắng	H. Thới Lai	10° 02' 38"	105° 33' 55"					C-48-44-C-c
ấp Thới Tân B	DC	xã Trường Thắng	H. Thới Lai	10° 02' 30"	105° 33' 55"					C-48-44-C-c
ấp Thới Xuân	DC	xã Trường Thắng	H. Thới Lai	10° 02' 21"	105° 32' 41"					C-48-44-C-c
ấp Trường Bình	DC	xã Trường Thắng	H. Thới Lai	10° 01' 05"	105° 34' 44"					C-48-44-C-c
ấp Trường Hòa	DC	xã Trường Thắng	H. Thới Lai	10° 02' 17"	105° 34' 35"					C-48-44-C-c
ấp Trường Hưng	DC	xã Trường Thắng	H. Thới Lai	10° 01' 23"	105° 33' 20"					C-48-44-C-c
ấp Trường Khánh	DC	xã Trường Thắng	H. Thới Lai	10° 02' 49"	105° 35' 17"					C-48-44-C-c
ấp Trường Lợi	DC	xã Trường Thắng	H. Thới Lai	10° 00' 24"	105° 34' 26"					C-48-44-C-c
ấp Trường Phú	DC	xã Trường Thắng	H. Thới Lai	10° 01' 38"	105° 33' 23"					C-48-44-C-c
ấp Trường Phú A	DC	xã Trường Thắng	H. Thới Lai	10° 01' 37"	105° 32' 59"					C-48-44-C-c
ấp Trường Thuận	DC	xã Trường Thắng	H. Thới Lai	10° 02' 14"	105° 34' 41"					C-48-44-C-c
đường huyện Thới Lai - Trường Xuân A	KX	xã Trường Thắng	H. Thới Lai			10° 03' 59"	105° 33' 26"	09° 56' 46"	105° 30' 12"	C-48-44-C-c
kênh Bình Phú Thọ	TV	xã Trường Thắng	H. Thới Lai			09° 59' 52"	105° 33' 20"	10° 02' 07"	105° 34' 23"	C-48-44-C-c C-48-56-A-a
kênh Cái Túc	TV	xã Trường Thắng	H. Thới Lai			09° 59' 31"	105° 34' 03"	10° 01' 51"	105° 35' 00"	C-48-44-C-c C-48-56-A-a
kênh Đường Lầu	TV	xã Trường Thắng	H. Thới Lai			10° 03' 12"	105° 34' 37"	10° 02' 17"	105° 34' 08"	C-48-44-C-c
kênh Đường Thét	TV	xã Trường Thắng	H. Thới Lai			10° 01' 42"	105° 33' 07"	10° 02' 01"	105° 32' 30"	C-48-44-C-c
kênh KH8	TV	xã Trường Thắng	H. Thới Lai			10° 05' 17"	105° 38' 37"	10° 01' 52"	105° 35' 00"	C-48-44-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Mười Nện	TV	xã Trường Thắng	H. Thới Lai			09° 59' 47"	105° 34' 10"	10° 00' 06"	105° 33' 26"	C-48-44-C-c
kênh Rồng Xanh	TV	xã Trường Thắng	H. Thới Lai			10° 00' 54"	105° 34' 17"	10° 01' 36"	105° 34' 36"	C-48-44-C-c
kênh Xẻo Xào	TV	xã Trường Thắng	H. Thới Lai			10° 04' 07"	105° 33' 34"	10° 01' 24"	105° 36' 42"	C-48-44-C-c
Kênh Đôi	TV	xã Trường Thắng	H. Thới Lai			10° 00' 28"	105° 33' 32"	10° 01' 17"	105° 32' 10"	C-48-44-C-c
rạch Bà Tuấn	TV	xã Trường Thắng	H. Thới Lai			10° 03' 09"	105° 35' 08"	10° 02' 53"	105° 33' 50"	C-48-44-C-c
rạch Búng Lớn	TV	xã Trường Thắng	H. Thới Lai			10° 02' 23"	105° 33' 59"	10° 00' 47"	105° 31' 56"	C-48-44-C-c
rạch Miếu Cô	TV	xã Trường Thắng	H. Thới Lai			10° 02' 58"	105° 33' 34"	10° 03' 24"	105° 33' 14"	C-48-44-C-c
rạch Ông Bùi	TV	xã Trường Thắng	H. Thới Lai			10° 01' 42"	105° 34' 56"	10° 01' 30"	105° 33' 56"	C-48-44-C-c
rạch Ông Đưa	TV	xã Trường Thắng	H. Thới Lai			10° 02' 04"	105° 36' 09"	10° 03' 37"	105° 35' 16"	C-48-44-C-c
rạch Xẻo Quao	TV	xã Trường Thắng	H. Thới Lai			10° 00' 38"	105° 33' 36"	10° 01' 56"	105° 33' 24"	C-48-44-C-c
sông Xáng Bà Đầm	TV	xã Trường Thắng	H. Thới Lai			09° 56' 49"	105° 30' 07"	10° 03' 59"	105° 33' 22"	C-48-44-C-c
ấp Phú Thọ	DC	xã Trường Xuân	H. Thới Lai	10° 00' 53"	105° 32' 42"					C-48-44-C-c
ấp Thanh Di	DC	xã Trường Xuân	H. Thới Lai	09° 59' 55"	105° 30' 42"					C-48-56-A-a
ấp Thanh Nhung	DC	xã Trường Xuân	H. Thới Lai	10° 00' 24"	105° 30' 27"					C-48-44-C-c
ấp Thới Ninh	DC	xã Trường Xuân	H. Thới Lai	10° 01' 15"	105° 30' 53"					C-48-44-C-c
ấp Thới Thanh	DC	xã Trường Xuân	H. Thới Lai	10° 00' 25"	105° 31' 43"					C-48-44-C-c
ấp Trường Khương	DC	xã Trường Xuân	H. Thới Lai	09° 59' 06"	105° 32' 22"					C-48-44-C-c
ấp Trường Thọ	DC	xã Trường Xuân	H. Thới Lai	10° 00' 27"	105° 31' 56"					C-48-44-C-c
ấp Trường Thọ 1	DC	xã Trường Xuân	H. Thới Lai	09° 59' 44"	105° 33' 32"					C-48-44-C-c
chợ Bà Đầm	KX	xã Trường Xuân	H. Thới Lai	10° 00' 32"	105° 31' 52"					C-48-44-C-c
đường Bốn Tổng - Một Ngàn (đường tỉnh 919)	KX	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			09° 59' 22"	105° 34' 11"	10° 04' 47"	105° 26' 18"	C-48-44-C-c C-48-56-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường huyện Thới Lai - Trường Xuân A	KX	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			10° 03' 59"	105° 33' 26"	09° 56' 46"	105° 30' 12"	C-48-44-C-c C-48-56-A-a
Đường tỉnh 919	KX	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			10° 13' 55"	105° 23' 40"	09° 59' 22"	105° 34' 11"	C-48-43-D-đ C-48-44-C-c C-48-55-B-b
kênh Bà Đầm	TV	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			09° 59' 25"	105° 34' 13"	10° 00' 31"	105° 31' 49"	C-48-44-C-c C-48-56-A-a
kênh Bằng Lăng	TV	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			09° 58' 28"	105° 33' 06"	09° 59' 17"	105° 31' 16"	C-48-56-A-a
kênh Bình Phú Thọ	TV	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			09° 59' 52"	105° 33' 20"	10° 02' 07"	105° 34' 23"	C-48-44-C-c C-48-56-A-a
kênh Cái Túc	TV	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			09° 59' 31"	105° 34' 03"	10° 01' 51"	105° 35' 00"	C-48-44-C-c C-48-56-A-a
kênh Cầu Móng	TV	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			10° 01' 06"	105° 30' 03"	10° 00' 32"	105° 31' 48"	C-48-44-C-c
kênh Hai Phát	TV	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			10° 01' 38"	105° 31' 02"	10° 01' 07"	105° 32' 04"	C-48-44-C-c
kênh KH7	TV	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			09° 58' 10"	105° 28' 38"	10° 02' 26"	105° 30' 40"	C-48-43-D-đ C-48-44-C-c C-48-55-B-b
kênh KH8	TV	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			09° 59' 31"	105° 34' 02"	09° 59' 13"	105° 33' 46"	C-48-56-A-a
kênh Lò Rèn	TV	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			09° 58' 54"	105° 33' 29"	09° 59' 47"	105° 31' 29"	C-48-56-A-a
kênh Mười Nện	TV	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			09° 59' 47"	105° 34' 10"	10° 00' 06"	105° 33' 26"	C-48-44-C-c
kênh Ngàn Ba - Tám Thuận	TV	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			10° 01' 38"	105° 31' 02"	10° 00' 01"	105° 30' 18"	C-48-44-C-c
kênh Ngàn Nhì	TV	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			10° 01' 21"	105° 31' 35"	09° 59' 54"	105° 30' 55"	C-48-44-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Số 1	TV	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			09° 59' 04"	105° 31' 46"	10° 01' 00"	105° 32' 48"	C-48-44-C-c C-48-56-A-a
kênh Số 2	TV	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			09° 59' 21"	105° 32' 28"	10° 00' 05"	105° 32' 49"	C-48-44-C-c C-48-56-A-a
kênh Số 3	TV	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			09° 59' 07"	105° 32' 58"	09° 59' 52"	105° 33' 19"	C-48-56-A-a
kênh Số 4	TV	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			09° 57' 19"	105° 32' 47"	09° 58' 56"	105° 33' 31"	C-48-56-A-a
kênh Số 6	TV	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			09° 59' 40"	105° 30' 08"	09° 59' 17"	105° 31' 14"	C-48-56-A-a
kênh Tô Ma	TV	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			09° 58' 41"	105° 33' 17"	09° 59' 31"	105° 31' 22"	C-48-56-A-a
kênh Tư Ký	TV	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			10° 00' 01"	105° 30' 18"	09° 59' 41"	105° 31' 25"	C-48-44-C-c C-48-56-A-a
Kênh Đôi	TV	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			10° 00' 28"	105° 33' 32"	10° 01' 17"	105° 32' 10"	C-48-44-C-c
Kênh Mới	TV	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			09° 59' 56"	105° 32' 10"	09° 59' 15"	105° 33' 39"	C-48-56-A-a
rạch Búng Lớn	TV	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			10° 02' 23"	105° 33' 59"	10° 00' 47"	105° 31' 56"	C-48-44-C-c
sông Xáng Bà Đầm	TV	xã Trường Xuân	H. Thới Lai			09° 56' 49"	105° 30' 07"	10° 03' 59"	105° 33' 22"	C-48-44-C-c
ấp Trung Hóa	DC	xã Trường Xuân A	H. Thới Lai	09° 57' 53"	105° 29' 42"					C-48-56-A-a
ấp Trung Thành	DC	xã Trường Xuân A	H. Thới Lai	09° 58' 14"	105° 29' 09"					C-48-55-B-b
ấp Trường Ninh 1	DC	xã Trường Xuân A	H. Thới Lai	09° 57' 38"	105° 30' 32"					C-48-56-A-a
ấp Trường Ninh 2	DC	xã Trường Xuân A	H. Thới Lai	09° 56' 01"	105° 31' 32"					C-48-56-A-a
ấp Trường Ninh 3	DC	xã Trường Xuân A	H. Thới Lai	09° 56' 47"	105° 30' 48"					C-48-56-A-a
ấp Trường Ninh 4	DC	xã Trường Xuân A	H. Thới Lai	09° 56' 22"	105° 31' 56"					C-48-56-A-a
đường huyện Thới Lai - Trường Xuân A	KX	xã Trường Xuân A	H. Thới Lai			10° 03' 59"	105° 33' 26"	09° 56' 46"	105° 30' 12"	C-48-56-A-a
kênh 5 Hạnh	TV	xã Trường Xuân A	H. Thới Lai			09° 57' 25"	105° 31' 24"	09° 56' 37"	105° 31' 00"	C-48-56-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bờ Chuối Nhỏ	TV	xã Trường Xuân A	H. Thới Lai			09° 56' 05"	105° 32' 12"	09° 57' 18"	105° 32' 47"	C-48-56-A-a
kênh Bờ Cốc	TV	xã Trường Xuân A	H. Thới Lai			09° 56' 12"	105° 32' 05"	09° 57' 26"	105° 32' 39"	C-48-56-A-a
kênh Cửa Khẩu	TV	xã Trường Xuân A	H. Thới Lai			09° 56' 23"	105° 31' 54"	09° 55' 55"	105° 31' 41"	C-48-56-A-a
kênh Hào Ngọ	TV	xã Trường Xuân A	H. Thới Lai			09° 58' 31"	105° 28' 48"	09° 57' 26"	105° 30' 24"	C-48-55-B-b C-48-56-A-a
kênh KH7	TV	xã Trường Xuân A	H. Thới Lai			09° 58' 10"	105° 28' 38"	10° 02' 26"	105° 30' 40"	C-48-55-B-b
kênh KH8	TV	xã Trường Xuân A	H. Thới Lai			09° 58' 56"	105° 33' 31"	09° 56' 04"	105° 30' 56"	C-48-56-A-a
kênh Lâm Trường	TV	xã Trường Xuân A	H. Thới Lai			09° 57' 25"	105° 31' 42"	09° 57' 03"	105° 31' 12"	C-48-56-A-a
kênh Sáu Sung	TV	xã Trường Xuân A	H. Thới Lai			09° 57' 35"	105° 31' 06"	09° 57' 51"	105° 30' 36"	C-48-56-A-a
kênh Số 7	TV	xã Trường Xuân A	H. Thới Lai			09° 59' 00"	105° 29' 02"	09° 58' 12"	105° 30' 44"	C-48-55-B-b C-48-56-A-a
kênh Út Hay	TV	xã Trường Xuân A	H. Thới Lai			09° 57' 26"	105° 31' 02"	09° 57' 53"	105° 32' 08"	C-48-56-A-a
Kênh 500	TV	xã Trường Xuân A	H. Thới Lai			09° 55' 23"	105° 31' 54"	09° 57' 00"	105° 30' 13"	C-48-56-A-a
Kênh 7000	TV	xã Trường Xuân A	H. Thới Lai			09° 55' 36"	105° 32' 00"	09° 57' 13"	105° 30' 19"	C-48-56-A-a
Kênh Ranh	TV	xã Trường Xuân A	H. Thới Lai			09° 55' 14"	105° 31' 50"	10° 04' 27"	105° 21' 44"	C-48-55-B-b C-48-56-A-a
sông Xáng Bà Đầm	TV	xã Trường Xuân A	H. Thới Lai			09° 56' 49"	105° 30' 07"	10° 03' 59"	105° 33' 22"	C-48-56-A-a
ấp Thanh Bình	DC	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai	09° 59' 22"	105° 29' 42"					C-48-55-B-b
ấp Thới Thanh A	DC	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai	09° 58' 34"	105° 29' 57"					C-48-56-A-a
ấp Thới Thanh B	DC	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai	09° 59' 09"	105° 31' 09"					C-48-56-A-a
ấp Trường Khương A	DC	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai	09° 58' 35"	105° 32' 00"					C-48-56-A-a
ấp Trường Khương B	DC	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai	09° 58' 06"	105° 31' 57"					C-48-56-A-a
ấp Trường Ninh	DC	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai	09° 58' 18"	105° 31' 39"					C-48-56-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Trường Ninh A	DC	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai	09° 57' 55"	105° 30' 39"					C-48-56-A-a
ấp Trường Thuận	DC	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai	09° 57' 28"	105° 32' 34"					C-48-56-A-a
đường huyện Thới Lai - Trường Xuân A	KX	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai			10° 03' 59"	105° 33' 26"	09° 56' 46"	105° 30' 12"	C-48-56-A-a
Miếu Bà	KX	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai	09° 58' 43"	105° 31' 44"					C-48-56-A-a
kênh Ba Mẹt	TV	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai			09° 59' 21"	105° 30' 00"	09° 58' 56"	105° 31' 04"	C-48-55-B-b C-48-56-A-a
kênh Bằng Lăng	TV	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai			09° 58' 28"	105° 33' 06"	09° 59' 17"	105° 31' 16"	C-48-56-A-a
kênh Bờ Chuối Nhỏ	TV	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai			09° 56' 05"	105° 32' 12"	09° 57' 18"	105° 32' 47"	C-48-56-A-a
kênh Bờ Cốc	TV	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai			09° 56' 12"	105° 32' 05"	09° 57' 26"	105° 32' 39"	C-48-56-A-a
kênh Cai Cang	TV	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai			09° 58' 52"	105° 31' 04"	09° 57' 12"	105° 32' 54"	C-48-56-A-a
kênh Công Điền	TV	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai			09° 59' 00"	105° 29' 51"	09° 58' 34"	105° 30' 54"	C-48-55-B-b C-48-56-A-a
kênh Đông Pháp	TV	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai			09° 57' 12"	105° 32' 55"	09° 57' 35"	105° 33' 15"	C-48-56-A-a
kênh KH7	TV	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai			09° 58' 10"	105° 28' 38"	10° 02' 26"	105° 30' 40"	C-48-55-B-b
kênh KH8	TV	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai			09° 58' 56"	105° 33' 31"	09° 56' 04"	105° 30' 56"	C-48-56-A-a
kênh Số 4	TV	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai			09° 57' 19"	105° 32' 47"	09° 58' 56"	105° 33' 31"	C-48-56-A-a
kênh Số 6	TV	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai			09° 59' 40"	105° 30' 08"	09° 59' 17"	105° 31' 14"	C-48-56-A-a
kênh Số 7	TV	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai			09° 59' 00"	105° 29' 02"	09° 58' 12"	105° 30' 44"	C-48-55-B-b C-48-56-A-a
kênh Thầy Năm	TV	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai			09° 58' 47"	105° 29' 45"	09° 58' 20"	105° 30' 48"	C-48-55-B-b C-48-56-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Út Hay	TV	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai			09° 57' 26"	105° 31' 02"	09° 57' 53"	105° 32' 08"	C-48-56-A-a
kênh Xẻo Trắc	TV	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai			09° 57' 59"	105° 33' 05"	09° 59' 06"	105° 31' 10"	C-48-56-A-a
Kênh 500	TV	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai			09° 58' 12"	105° 31' 23"	09° 57' 27"	105° 32' 12"	C-48-56-A-a
Kênh Cụt	TV	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai			09° 59' 04"	105° 31' 46"	09° 58' 30"	105° 31' 30"	C-48-56-A-a
sông Xáng Bà Đầm	TV	xã Trường Xuân B	H. Thới Lai			09° 56' 49"	105° 30' 07"	10° 03' 59"	105° 33' 22"	C-48-56-A-a
ấp Thới Bình	DC	xã Xuân Thắng	H. Thới Lai	10° 05' 31"	105° 32' 58"					C-48-44-C-c
ấp Thới Hiệp B	DC	xã Xuân Thắng	H. Thới Lai	10° 04' 49"	105° 32' 02"					C-48-44-C-c
ấp Thời Hòa B	DC	xã Xuân Thắng	H. Thới Lai	10° 05' 12"	105° 32' 58"					C-48-44-C-c
ấp Thới Lộc	DC	xã Xuân Thắng	H. Thới Lai	10° 04' 49"	105° 32' 38"					C-48-44-C-c
ấp Thới Phong B	DC	xã Xuân Thắng	H. Thới Lai	10° 03' 52"	105° 31' 52"					C-48-44-C-c
ấp Thới Trung	DC	xã Xuân Thắng	H. Thới Lai	10° 04' 26"	105° 31' 50"					C-48-44-C-c
ấp Thới Xuân	DC	xã Xuân Thắng	H. Thới Lai	10° 05' 22"	105° 31' 30"					C-48-44-C-c
cầu Cồn Chen	KX	xã Xuân Thắng	H. Thới Lai	10° 04' 09"	105° 32' 32"					C-48-44-C-c
Đường tỉnh 922	KX	xã Xuân Thắng	H. Thới Lai			10° 06' 37"	105° 36' 58"	10° 05' 38"	105° 25' 47"	C-48-44-C-c
kênh Bờ Bao	TV	xã Xuân Thắng	H. Thới Lai			10° 05' 59"	105° 33' 20"	10° 07' 45"	105° 35' 40"	C-48-44-C-c
kênh Đông Pháp	TV	xã Xuân Thắng	H. Thới Lai			10° 03' 43"	105° 27' 02"	10° 03' 32"	105° 32' 30"	C-48-44-C-c
kênh Năm Kỵ	TV	xã Xuân Thắng	H. Thới Lai			10° 08' 04"	105° 35' 20"	10° 06' 30"	105° 26' 38"	C-48-44-C-c
Kênh Đứng	TV	xã Xuân Thắng	H. Thới Lai			10° 05' 53"	105° 25' 45"	10° 04' 02"	105° 33' 23"	C-48-44-C-c
rạch Ba Đốt	TV	xã Xuân Thắng	H. Thới Lai			10° 05' 09"	105° 32' 56"	10° 05' 59"	105° 33' 20"	C-48-44-C-c
rạch Cồn Chen	TV	xã Xuân Thắng	H. Thới Lai			10° 04' 13"	105° 32' 36"	10° 03' 47"	105° 31' 49"	C-48-44-C-c
rạch Lăng Cù	TV	xã Xuân Thắng	H. Thới Lai			10° 05' 59"	105° 33' 20"	10° 05' 41"	105° 34' 47"	C-48-44-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Lường Đường	TV	xã Xuân Thắng	H. Thới Lai			10° 04' 54"	105° 32' 22"	10° 05' 24"	105° 30' 57"	C-48-44-C-c
rạch Mốc Quần	TV	xã Xuân Thắng	H. Thới Lai			10° 04' 57"	105° 32' 36"	10° 05' 36"	105° 31' 49"	C-48-44-C-c
rạch Nhà Thờ	TV	xã Xuân Thắng	H. Thới Lai			10° 05' 21"	105° 32' 46"	10° 04' 08"	105° 33' 30"	C-48-44-C-c
rạch Tà Luộc	TV	xã Xuân Thắng	H. Thới Lai			10° 04' 54"	105° 32' 22"	10° 05' 26"	105° 31' 34"	C-48-44-C-c
rạch Trà Niềng	TV	xã Xuân Thắng	H. Thới Lai			10° 05' 55"	105° 32' 15"	10° 05' 21"	105° 32' 45"	C-48-44-C-c
rạch Vàm Đinh	TV	xã Xuân Thắng	H. Thới Lai			10° 04' 55"	105° 33' 29"	10° 04' 28"	105° 33' 20"	C-48-44-C-c
Rạch Đình	TV	xã Xuân Thắng	H. Thới Lai			10° 06' 37"	105° 33' 12"	10° 04' 31"	105° 34' 03"	C-48-44-C-c
ấp Bờ Bao	DC	TT. Thanh An	H. Vĩnh Thạnh	10° 07' 32"	105° 20' 46"					C-48-43-D-a
ấp Phụng Hưng	DC	TT. Thanh An	H. Vĩnh Thạnh	10° 09' 19"	105° 20' 26"					C-48-43-D-a
ấp Phụng Lợi	DC	TT. Thanh An	H. Vĩnh Thạnh	10° 10' 06"	105° 19' 52"					C-48-43-D-a
ấp Phụng Quới A	DC	TT. Thanh An	H. Vĩnh Thạnh	10° 09' 07"	105° 19' 01"					C-48-43-D-a
ấp Phụng Quới B	DC	TT. Thanh An	H. Vĩnh Thạnh	10° 08' 50"	105° 18' 38"					C-48-43-D-a
ấp Thầy Ký	DC	TT. Thanh An	H. Vĩnh Thạnh	10° 09' 07"	105° 19' 30"					C-48-43-D-a
cầu Kênh B	KX	TT. Thanh An	H. Vĩnh Thạnh	10° 08' 24"	105° 18' 18"					C-48-43-D-a
cầu Quản Biểu	KX	TT. Thanh An	H. Vĩnh Thạnh	10° 09' 35"	105° 19' 26"					C-48-43-D-a
cầu Thầy Ký	KX	TT. Thanh An	H. Vĩnh Thạnh	10° 09' 20"	105° 19' 13"					C-48-43-D-a
Quốc lộ 80	KX	TT. Thanh An	H. Vĩnh Thạnh			10° 18' 54"	105° 29' 07"	10° 08' 24"	105° 18' 18"	C-48-43-D-a
Trường Trung học phổ thông Thạnh An	KX	TT. Thanh An	H. Vĩnh Thạnh	10° 09' 22"	105° 19' 20"					C-48-43-D-a
kênh Bờ Bao	TV	TT. Thanh An	H. Vĩnh Thạnh			10° 04' 59"	105° 21' 19"	10° 10' 02"	105° 24' 42"	C-48-43-D-a, C-48-43-D-c
kênh Cái Sắn	TV	TT. Thanh An	H. Vĩnh Thạnh			10° 18' 01"	105° 27' 39"	10° 08' 26"	105° 18' 19"	C-48-43-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh KH1	TV	TT. Thanh An	H. Vĩnh Thạnh			10° 07' 03"	105° 20' 15"	10° 10' 13"	105° 24' 42"	C-48-43-D-a, C-48-43-D-c
kênh Ranh Cần Thơ - Kiên Giang	TV	TT. Thanh An	H. Vĩnh Thạnh			10° 06' 16"	105° 20' 56"	10° 09' 01"	105° 18' 53"	C-48-43-D-a, C-48-43-D-c
kênh Thầy Ký	TV	TT. Thanh An	H. Vĩnh Thạnh			10° 08' 40"	105° 19' 55"	10° 09' 21"	105° 19' 12"	C-48-43-D-a
Kênh 15,5	TV	TT. Thanh An	H. Vĩnh Thạnh			10° 08' 53"	105° 21' 17"	10° 10' 09"	105° 19' 58"	C-48-43-D-a
Kênh 16	TV	TT. Thanh An	H. Vĩnh Thạnh			10° 08' 42"	105° 21' 06"	10° 09' 57"	105° 19' 46"	C-48-43-D-a, C-48-43-D-c
Kênh 600	TV	TT. Thanh An	H. Vĩnh Thạnh			10° 08' 23"	105° 17' 47"	10° 10' 59"	105° 20' 20"	C-48-43-D-a
Kênh B	TV	TT. Thanh An	H. Vĩnh Thạnh			10° 12' 44"	105° 13' 53"	10° 08' 26"	105° 18' 18"	C-48-43-D-a
Kênh B	TV	TT. Thanh An	H. Vĩnh Thạnh			10° 08' 25"	105° 18' 17"	10° 08' 09"	105° 18' 32"	C-48-43-D-a
Kênh C	TV	TT. Thanh An	H. Vĩnh Thạnh			10° 13' 33"	105° 14' 28"	10° 08' 58"	105° 18' 49"	C-48-43-D-a
Kênh D	TV	TT. Thanh An	H. Vĩnh Thạnh			10° 14' 22"	105° 15' 05"	10° 09' 32"	105° 19' 20"	C-48-43-D-a
Kênh E	TV	TT. Thanh An	H. Vĩnh Thạnh			10° 14' 51"	105° 16' 22"	10° 10' 14"	105° 20' 01"	C-48-43-D-a
ấp Vĩnh Lộc	DC	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	10° 12' 57"	105° 23' 46"					C-48-43-D-b
ấp Vĩnh Mỹ	DC	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	10° 13' 52"	105° 23' 32"					C-48-43-D-b
ấp Vĩnh Quới	DC	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	10° 13' 25"	105° 23' 58"					C-48-43-D-b
ấp Vĩnh Tiến	DC	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	10° 13' 17"	105° 23' 03"					C-48-43-D-b
Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Thạnh	KX	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	10° 13' 19"	105° 23' 06"					C-48-43-D-b
cầu 3 Tháng 2	KX	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	10° 13' 14"	105° 23' 58"					C-48-43-D-b
cầu Bốn Tổng	KX	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	10° 14' 00"	105° 23' 45"					C-48-43-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Bốn Tổng 1	KX	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	10° 13' 43"	105° 23' 50"					C-48-43-D-b
cầu Láng Chim	KX	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	10° 12' 22"	105° 24' 09"					C-48-43-D-b
cầu Lý Chiêu	KX	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	10° 14' 05"	105° 23' 49"					C-48-43-D-b
cống Nhà Thờ	KX	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	10° 13' 12"	105° 22' 58"					C-48-43-D-b
cống Thầy Pháp	KX	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	10° 13' 24"	105° 23' 11"					C-48-43-D-b
đường Phù Đổng Thiên Vương (đường tỉnh 919)	KX	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh			10° 13' 55"	105° 23' 40"	10° 12' 22"	105° 24' 09"	C-48-43-D-b
Đường tỉnh 919	KX	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh			10° 13' 55"	105° 23' 40"	09° 59' 22"	105° 34' 11"	C-48-43-D-b
Quốc lộ 80	KX	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh			10° 18' 54"	105° 29' 07"	10° 08' 24"	105° 18' 18"	C-48-43-D-b
Trường Trung học phổ thông Vĩnh Thạnh	KX	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	10° 13' 33"	105° 23' 58"					C-48-43-D-b
kênh Bốn Tổng	TV	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh			10° 05' 46"	105° 25' 38"	10° 14' 01"	105° 23' 44"	C-48-43-D-b
kênh Cái Sắn	TV	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh			10° 18' 01"	105° 27' 39"	10° 08' 26"	105° 18' 19"	C-48-43-D-b
kênh Đập Đá	TV	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh			10° 15' 00"	105° 22' 56"	10° 13' 25"	105° 23' 07"	C-48-43-D-b
kênh Hải Nàm	TV	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh			10° 15' 14"	105° 23' 46"	10° 14' 07"	105° 23' 48"	C-48-43-D-b
kênh Láng Sen	TV	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh			10° 12' 21"	105° 24' 08"	10° 12' 50"	105° 22' 35"	C-48-43-D-b
kênh Thắng Lợi 2	TV	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh			10° 16' 12"	105° 27' 46"	10° 12' 21"	105° 24' 12"	C-48-43-D-b
kênh Thầy Cai	TV	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh			10° 13' 34"	105° 25' 42"	10° 13' 16"	105° 23' 58"	C-48-43-D-b
kênh Xẻo Xanh	TV	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh			10° 15' 04"	105° 23' 11"	10° 13' 29"	105° 23' 12"	C-48-43-D-b
ấp E1	DC	xã Thạnh An	H. Vĩnh Thạnh	10° 11' 33"	105° 18' 53"					C-48-43-D-a
ấp G1	DC	xã Thạnh An	H. Vĩnh Thạnh	10° 12' 18"	105° 20' 21"					C-48-43-D-a
ấp G2	DC	xã Thạnh An	H. Vĩnh Thạnh	10° 14' 19"	105° 18' 58"					C-48-43-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp H1	DC	xã Thạnh An	H. Vĩnh Thạnh	10° 13' 11"	105° 20' 37"					C-48-43-D-a
ấp H2	DC	xã Thạnh An	H. Vĩnh Thạnh	10° 16' 03"	105° 18' 51"					C-48-43-B-c
ấp F1	DC	xã Thạnh An	H. Vĩnh Thạnh	10° 12' 43"	105° 19' 13"					C-48-43-D-a
ấp F2	DC	xã Thạnh An	H. Vĩnh Thạnh	10° 14' 15"	105° 18' 12"					C-48-43-D-a
nhà thờ Kim An	KX	xã Thạnh An	H. Vĩnh Thạnh	10° 13' 08"	105° 19' 44"					C-48-43-D-a
kênh Đòn Dông	TV	xã Thạnh An	H. Vĩnh Thạnh			10° 14' 38"	105° 19' 45"	10° 10' 15"	105° 15' 45"	C-48-43-D-a
kênh Ranh Cần Thơ - An Giang (kênh Ấp Chiến Lược Mới)	TV	xã Thạnh An	H. Vĩnh Thạnh			10° 12' 44"	105° 13' 53"	10° 16' 30"	105° 18' 37"	C-48-43-B-c
kênh Ranh D - E	TV	xã Thạnh An	H. Vĩnh Thạnh			10° 14' 24"	105° 15' 55"	10° 10' 06"	105° 19' 26"	C-48-43-D-a
kênh Ranh E - F	TV	xã Thạnh An	H. Vĩnh Thạnh			10° 13' 50"	105° 17' 47"	10° 15' 15"	105° 16' 48"	C-48-43-D-a
Kênh 600	TV	xã Thạnh An	H. Vĩnh Thạnh			10° 08' 23"	105° 17' 47"	10° 10' 59"	105° 20' 20"	C-48-43-D-a
Kênh E	TV	xã Thạnh An	H. Vĩnh Thạnh			10° 14' 51"	105° 16' 22"	10° 10' 14"	105° 20' 01"	C-48-43-D-a
Kênh G	TV	xã Thạnh An	H. Vĩnh Thạnh			10° 11' 18"	105° 21' 02"	10° 16' 21"	105° 17' 39"	C-48-43-B-c C-48-43-D-a
Kênh H	TV	xã Thạnh An	H. Vĩnh Thạnh			10° 16' 30"	105° 18' 37"	10° 11' 47"	105° 21' 31"	C-48-43-B-c C-48-43-D-a
Kênh F	TV	xã Thạnh An	H. Vĩnh Thạnh			10° 15' 47"	105° 17' 09"	10° 10' 45"	105° 20' 30"	C-48-43-B-c C-48-43-D-a
ấp Tân An	DC	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh	10° 12' 24"	105° 25' 13"					C-48-43-D-b
ấp Tân Hưng	DC	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh	10° 11' 45"	105° 28' 03"					C-48-43-D-b
ấp Tân Lập	DC	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh	10° 13' 11"	105° 26' 41"					C-48-43-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tân Lợi	DC	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh	10° 10' 51"	105° 25' 09"					C-48-43-D-b
ấp Tân Thạnh	DC	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh	10° 11' 55"	105° 27' 05"					C-48-43-D-b
ấp Thạnh Quới 2	DC	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh	10° 13' 22"	105° 28' 37"					C-48-43-D-b
ấp Thắng Lợi	DC	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh	10° 11' 18"	105° 24' 35"					C-48-43-D-b
khu dân cư Sáu Bọng	DC	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh	10° 10' 24"	105° 24' 45"					C-48-43-D-b
khu dân cư Thạnh Lộc	DC	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh	10° 12' 14"	105° 25' 58"					C-48-43-D-b
đình Đội Tự	KX	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh	10° 12' 19"	105° 27' 21"					C-48-43-D-b
đình Lá Sáu	KX	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh	10° 12' 23"	105° 28' 20"					C-48-43-D-b
kênh 3 Tháng 2	TV	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh			10° 11' 35"	105° 27' 59"	10° 08' 29"	105° 25' 04"	C-48-43-D-b
kênh Bà Chiêu	TV	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh			10° 12' 36"	105° 28' 23"	10° 17' 23"	105° 29' 43"	C-48-43-D-b C-48-43-B-d
kênh Ba Xương	TV	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh			10° 13' 42"	105° 27' 23"	10° 12' 50"	105° 27' 51"	C-48-43-D-b
kênh Bốn Tổng	TV	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh			10° 05' 46"	105° 25' 38"	10° 14' 01"	105° 23' 44"	C-48-43-D-b
kênh Cà Trớn	TV	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh			10° 13' 07"	105° 28' 50"	10° 13' 40"	105° 30' 27"	C-48-43-D-b
kênh Khổ Qua	TV	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh			10° 09' 50"	105° 24' 48"	10° 11' 20"	105° 27' 28"	C-48-43-D-b
kênh Sáu Tiệm	TV	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh			10° 13' 38"	105° 27' 35"	10° 13' 42"	105° 28' 44"	C-48-43-D-b
kênh Tập Đoàn 9	TV	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh			10° 13' 40"	105° 28' 11"	10° 12' 47"	105° 28' 17"	C-48-43-D-b
kênh Thắng Lợi 1	TV	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh			10° 10' 14"	105° 24' 43"	10° 17' 21"	105° 29' 40"	C-48-43-D-b
kênh Thắng Lợi 2	TV	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh			10° 16' 12"	105° 27' 46"	10° 12' 21"	105° 24' 12"	C-48-43-D-b
rạch Cua Bắc Trắng	TV	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh			10° 12' 21"	105° 28' 19"	10° 12' 19"	105° 26' 05"	C-48-43-D-b
rạch Đội Tự	TV	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh			10° 12' 18"	105° 27' 25"	10° 13' 06"	105° 26' 36"	C-48-43-D-b
rạch Ngã Tư - Lái Sáu	TV	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh			10° 12' 36"	105° 28' 23"	10° 11' 00"	105° 28' 42"	C-48-43-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Sỹ Cuông	TV	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh			10° 12' 36"	105° 28' 23"	10° 12' 10"	105° 29' 29"	C-48-43-D-b
rạch Thác Lác	TV	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh			10° 12' 46"	105° 28' 22"	10° 12' 33"	105° 29' 10"	C-48-43-D-b
rạch Xẻo Môn	TV	xã Thạnh Lộc	H. Vĩnh Thạnh			10° 12' 43"	105° 28' 37"	10° 12' 22"	105° 29' 10"	C-48-43-D-b
ấp B2	DC	xã Thạnh Lợi	H. Vĩnh Thạnh	10° 11' 44"	105° 15' 03"					C-48-43-D-a
ấp C2	DC	xã Thạnh Lợi	H. Vĩnh Thạnh	10° 11' 37"	105° 16' 20"					C-48-43-D-a
ấp D2	DC	xã Thạnh Lợi	H. Vĩnh Thạnh	10° 13' 35"	105° 15' 42"					C-48-43-D-a
ấp E2	DC	xã Thạnh Lợi	H. Vĩnh Thạnh	10° 13' 36"	105° 17' 21"					C-48-43-D-a
kênh Đòn Dông	TV	xã Thạnh Lợi	H. Vĩnh Thạnh			10° 14' 38"	105° 19' 45"	10° 10' 15"	105° 15' 45"	C-48-43-D-a
kênh Ranh B - C	TV	xã Thạnh Lợi	H. Vĩnh Thạnh			10° 10' 57"	105° 16' 25"	10° 13' 07"	105° 14' 12"	C-48-43-C-b C-48-43-D-a
kênh Ranh Cần Thơ - An Giang (kênh 600)	TV	xã Thạnh Lợi	H. Vĩnh Thạnh			10° 12' 07"	105° 13' 26"	10° 12' 35"	105° 13' 46"	C-48-43-C-b
kênh Ranh Cần Thơ - An Giang (kênh Ấp Chiến Lược)	TV	xã Thạnh Lợi	H. Vĩnh Thạnh			10° 12' 44"	105° 13' 53"	10° 16' 30"	105° 18' 37"	C-48-43-B-c C-48-43-D-a
kênh Ranh Cân Thơ - Kiên Giang	TV	xã Thạnh Lợi	H. Vĩnh Thạnh			10° 11' 06"	105° 14' 42"	10° 12' 07"	105° 13' 26"	C-48-43-C-b
kênh Ranh C - D	TV	xã Thạnh Lợi	H. Vĩnh Thạnh			10° 11' 31"	105° 16' 58"	10° 13' 58"	105° 14' 47"	C-48-43-C-b C-48-43-D-a
kênh Ranh D - E	TV	xã Thạnh Lợi	H. Vĩnh Thạnh			10° 14' 24"	105° 15' 55"	10° 10' 06"	105° 19' 26"	C-48-43-D-a
kênh Ranh E - F	TV	xã Thạnh Lợi	H. Vĩnh Thạnh			10° 13' 50"	105° 17' 47"	10° 15' 15"	105° 16' 48"	C-48-43-D-a
Kênh B	TV	xã Thạnh Lợi	H. Vĩnh Thạnh			10° 12' 44"	105° 13' 53"	10° 08' 26"	105° 18' 18"	C-48-43-C-b C-48-43-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh C	TV	xã Thạnh Lợi	H. Vĩnh Thạnh			10° 13' 33"	105° 14' 28"	10° 08' 58"	105° 18' 49"	C-48-43-C-b C-48-43-D-a
Kênh D	TV	xã Thạnh Lợi	H. Vĩnh Thạnh			10° 14' 22"	105° 15' 05"	10° 09' 32"	105° 19' 20"	C-48-43-D-a
Kênh E	TV	xã Thạnh Lợi	H. Vĩnh Thạnh			10° 14' 51"	105° 16' 22"	10° 10' 14"	105° 20' 01"	C-48-43-D-a
ấp Đất Mới	DC	xã Thạnh Mỹ	H. Vĩnh Thạnh	10° 13' 45"	105° 25' 32"					C-48-43-D-b
ấp Lân Quới 1	DC	xã Thạnh Mỹ	H. Vĩnh Thạnh	10° 14' 40"	105° 24' 19"					C-48-43-D-b
ấp Long Thạnh	DC	xã Thạnh Mỹ	H. Vĩnh Thạnh	10° 13' 44"	105° 26' 17"					C-48-43-D-b
ấp Qui Lân 4	DC	xã Thạnh Mỹ	H. Vĩnh Thạnh	10° 14' 11"	105° 23' 13"					C-48-43-D-b
ấp Qui Long	DC	xã Thạnh Mỹ	H. Vĩnh Thạnh	10° 15' 36"	105° 25' 22"					C-48-43-B-d
cầu Hai Phó	KX	xã Thạnh Mỹ	H. Vĩnh Thạnh	10° 15' 59"	105° 25' 42"					C-48-43-B-d
cầu Tôn Chất	KX	xã Thạnh Mỹ	H. Vĩnh Thạnh	10° 15' 08"	105° 24' 51"					C-48-43-D-b
Quốc lộ 80	KX	xã Thạnh Mỹ	H. Vĩnh Thạnh			10° 18' 54"	105° 29' 07"	10° 08' 24"	105° 18' 18"	C-48-43-D-b C-48-43-B-d
kênh Cái Sắn	TV	xã Thạnh Mỹ	H. Vĩnh Thạnh			10° 18' 01"	105° 27' 39"	10° 08' 26"	105° 18' 19"	C-48-43-D-b
kênh Đập Đá	TV	xã Thạnh Mỹ	H. Vĩnh Thạnh			10° 15' 00"	105° 22' 56"	10° 13' 25"	105° 23' 07"	C-48-43-D-b
kênh Hải Nàm	TV	xã Thạnh Mỹ	H. Vĩnh Thạnh			10° 15' 14"	105° 23' 46"	10° 14' 07"	105° 23' 48"	C-48-43-D-b
kênh Ranh Cần Thơ - An Giang (Kênh Ranh)	TV	xã Thạnh Mỹ	H. Vĩnh Thạnh			10° 14' 08"	105° 20' 04"	10° 15' 56"	105° 25' 35"	C-48-43-D-b C-48-43-B-d
kênh T5	TV	xã Thạnh Mỹ	H. Vĩnh Thạnh			10° 15' 01"	105° 26' 37"	10° 15' 60"	105° 25' 44"	C-48-43-B-d
kênh Thắng Lợi 2	TV	xã Thạnh Mỹ	H. Vĩnh Thạnh			10° 16' 12"	105° 27' 46"	10° 12' 21"	105° 24' 12"	C-48-43-D-b C-48-43-B-d
kênh Thầy Cai	TV	xã Thạnh Mỹ	H. Vĩnh Thạnh			10° 13' 34"	105° 25' 42"	10° 13' 16"	105° 23' 58"	C-48-43-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Xẻo Xanh	TV	xã Thạnh Mỹ	H. Vĩnh Thạnh			10° 15' 04"	105° 23' 11"	10° 13' 29"	105° 23' 12"	C-48-43-D-b C-48-43-B-d
ấp Lân Quới 2	DC	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh	10° 10' 22"	105° 24' 36"					C-48-43-D-b
ấp Qui Lân 1	DC	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh	10° 13' 52"	105° 20' 18"					C-48-43-D-a
ấp Qui Lân 2	DC	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh	10° 14' 01"	105° 22' 03"					C-48-43-D-a
ấp Qui Lân 3	DC	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh	10° 14' 00"	105° 22' 56"					C-48-43-D-b
ấp Qui Lân 5	DC	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh	10° 12' 22"	105° 23' 43"					C-48-43-D-b
ấp Qui Lân 6	DC	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh	10° 12' 11"	105° 22' 44"					C-48-43-D-b
ấp Qui Lân 7	DC	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh	10° 11' 24"	105° 23' 13"					C-48-43-D-b
cầu KH	KX	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh	10° 10' 13"	105° 24' 40"					C-48-43-D-b
cầu Láng Chim	KX	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh	10° 12' 22"	105° 24' 09"					C-48-43-D-b
cầu Láng Sen	KX	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh	10° 12' 49"	105° 22' 35"					C-48-43-D-b
cầu Sáu Bọng	KX	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh	10° 10' 02"	105° 24' 43"					C-48-43-D-b
cầu Thạnh Quới	KX	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh	10° 12' 36"	105° 22' 23"					C-48-43-D-a
chợ Láng Sen	KX	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh	10° 12' 46"	105° 22' 35"					C-48-43-D-b
Đường tỉnh 919	KX	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh			10° 13' 55"	105° 23' 40"	09° 59' 22"	105° 34' 11"	C-48-43-D-b
Quốc lộ 80	KX	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh			10° 18' 54"	105° 29' 07"	10° 08' 24"	105° 18' 18"	C-48-43-D-a, C-48-43-D-b
kênh 5m	TV	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh			10° 12' 20"	105° 23' 36"	10° 10' 00"	105° 24' 10"	C-48-43-D-b
kênh Bốn Tổng	TV	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh			10° 05' 46"	105° 25' 38"	10° 14' 01"	105° 23' 44"	C-48-43-D-b
kênh Bờ Bao	TV	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh			10° 04' 59"	105° 21' 19"	10° 10' 02"	105° 24' 42"	C-48-43-D-a, C-48-43-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Cái Sắn	TV	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh			10° 18' 01"	105° 27' 39"	10° 08' 26"	105° 18' 19"	C-48-43-D-a, C-48-43-D-b
kênh Đập Đá	TV	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh			10° 15' 00"	105° 22' 56"	10° 13' 25"	105° 23' 07"	C-48-43-D-b
kênh KH1	TV	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh			10° 07' 03"	105° 20' 15"	10° 10' 13"	105° 24' 42"	C-48-43-D-a, C-48-43-D-b
kênh Láng Sen	TV	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh			10° 12' 21"	105° 24' 08"	10° 12' 50"	105° 22' 35"	C-48-43-D-b
kênh Ông Cò	TV	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh			10° 14' 40"	105° 21' 51"	10° 12' 54"	105° 22' 38"	C-48-43-D-a, C-48-43-D-b
Kênh 11	TV	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh			10° 09' 59"	105° 23' 51"	10° 12' 36"	105° 22' 23"	C-48-43-D-a, C-48-43-D-b
Kênh 12	TV	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh			10° 09' 57"	105° 23' 21"	10° 12' 14"	105° 22' 00"	C-48-43-D-a, C-48-43-D-b
Kênh H	TV	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh			10° 16' 30"	105° 18' 37"	10° 11' 47"	105° 21' 31"	C-48-43-D-a
Kênh Ranh Cần Thơ - An Giang (Kênh Ranh)	TV	xã Thạnh Quới	H. Vĩnh Thạnh			10° 14' 08"	105° 20' 04"	10° 15' 56"	105° 25' 35"	C-48-43-D-a, C-48-43-D-b
ấp B1	DC	xã Thạnh Thắng	H. Vĩnh Thạnh	10° 10' 12"	105° 16' 42"					C-48-43-D-a
ấp C1	DC	xã Thạnh Thắng	H. Vĩnh Thạnh	10° 10' 25"	105° 17' 28"					C-48-43-D-a
ấp D1	DC	xã Thạnh Thắng	H. Vĩnh Thạnh	10° 10' 43"	105° 18' 12"					C-48-43-D-a
nhà thờ Bình Cát	KX	xã Thạnh Thắng	H. Vĩnh Thạnh	10° 10' 32"	105° 16' 17"					C-48-43-D-a
nhà thờ Hải Hưng	KX	xã Thạnh Thắng	H. Vĩnh Thạnh	10° 10' 29"	105° 17' 22"					C-48-43-D-a
nhà thờ Ki Tô Vua	KX	xã Thạnh Thắng	H. Vĩnh Thạnh	10° 09' 23"	105° 18' 23"					C-48-43-D-a
nhà thờ Thánh Linh	KX	xã Thạnh Thắng	H. Vĩnh Thạnh	10° 11' 34"	105° 17' 33"					C-48-43-D-a
nhà thờ Thanh Long	KX	xã Thạnh Thắng	H. Vĩnh Thạnh	10° 10' 14"	105° 18' 41"					C-48-43-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà thờ Trinh Vương	KX	xã Thạnh Thắng	H. Vĩnh Thạnh	10° 09' 08"	105° 17' 39"					C-48-43-D-a
nhà thờ Vạn Đồn	KX	xã Thạnh Thắng	H. Vĩnh Thạnh	10° 10' 03"	105° 16' 54"					C-48-43-D-a
nhà thờ Vô Nhiễm	KX	xã Thạnh Thắng	H. Vĩnh Thạnh	10° 11' 00"	105° 16' 51"					C-48-43-D-a
kênh Đòn Dông	TV	xã Thạnh Thắng	H. Vĩnh Thạnh			10° 14' 38"	105° 19' 45"	10° 10' 15"	105° 15' 45"	C-48-43-D-a
kênh Mán Nổi	TV	xã Thạnh Thắng	H. Vĩnh Thạnh			10° 10' 22"	105° 18' 40"	10° 09' 49"	105° 19' 10"	C-48-43-D-a
kênh Ranh Cần Thơ - Kiên Giang	TV	xã Thạnh Thắng	H. Vĩnh Thạnh			10° 08' 23"	105° 17' 47"	10° 10' 15"	105° 15' 46"	C-48-43-D-a
kênh Ranh D - E	TV	xã Thạnh Thắng	H. Vĩnh Thạnh			10° 14' 24"	105° 15' 55"	10° 10' 06"	105° 19' 26"	C-48-43-D-a
kênh Thủy Lợi	TV	xã Thạnh Thắng	H. Vĩnh Thạnh			10° 10' 46"	105° 17' 07"	10° 09' 02"	105° 18' 52"	C-48-43-D-a
Kênh 600	TV	xã Thạnh Thắng	H. Vĩnh Thạnh			10° 08' 23"	105° 17' 47"	10° 10' 59"	105° 20' 20"	C-48-43-D-a
Kênh B	TV	xã Thạnh Thắng	H. Vĩnh Thạnh			10° 12' 44"	105° 13' 53"	10° 08' 26"	105° 18' 18"	C-48-43-D-a
Kênh C	TV	xã Thạnh Thắng	H. Vĩnh Thạnh			10° 13' 33"	105° 14' 28"	10° 08' 58"	105° 18' 49"	C-48-43-D-a
Kênh D	TV	xã Thạnh Thắng	H. Vĩnh Thạnh			10° 14' 22"	105° 15' 05"	10° 09' 32"	105° 19' 20"	C-48-43-D-a
ấp Bờ Bao	DC	xã Thạnh Tiến	H. Vĩnh Thạnh	10° 09' 12"	105° 21' 35"					C-48-43-D-a
ấp Phụng Phụng	DC	xã Thạnh Tiến	H. Vĩnh Thạnh	10° 11' 02"	105° 21' 44"					C-48-43-D-a
ấp Phụng Thạnh	DC	xã Thạnh Tiến	H. Vĩnh Thạnh	10° 10' 41"	105° 20' 27"					C-48-43-D-a
cầu Quản Hên	KX	xã Thạnh Tiến	H. Vĩnh Thạnh	10° 11' 02"	105° 20' 51"					C-48-43-D-a
Quốc lộ 80	KX	xã Thạnh Tiến	H. Vĩnh Thạnh			10° 18' 54"	105° 29' 07"	10° 08' 24"	105° 18' 18"	C-48-43-D-a, C-48-43-D-b
kênh Bờ Bao	TV	xã Thạnh Tiến	H. Vĩnh Thạnh			10° 04' 59"	105° 21' 19"	10° 10' 02"	105° 24' 42"	C-48-43-D-a, C-48-43-D-b
kênh Cái Sắn	TV	xã Thạnh Tiến	H. Vĩnh Thạnh			10° 18' 01"	105° 27' 39"	10° 08' 26"	105° 18' 19"	C-48-43-D-a, C-48-43-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 12,5	TV	xã Thạnh Tiến	H. Vĩnh Thạnh			10° 09' 50"	105° 23' 17"	10° 11' 39"	105° 21' 26"	C-48-43-D-a, C-48-43-D-b
Kênh 12	TV	xã Thạnh Tiến	H. Vĩnh Thạnh			10° 09' 57"	105° 23' 21"	10° 12' 14"	105° 22' 00"	C-48-43-D-a, C-48-43-D-b
Kênh 13	TV	xã Thạnh Tiến	H. Vĩnh Thạnh			10° 09' 48"	105° 22' 43"	10° 11' 29"	105° 21' 16"	C-48-43-D-a, C-48-43-D-b
Kênh 14,5	TV	xã Thạnh Tiến	H. Vĩnh Thạnh			10° 09' 38"	105° 22' 03"	10° 10' 51"	105° 20' 39"	C-48-43-D-a
Kênh 14	TV	xã Thạnh Tiến	H. Vĩnh Thạnh			10° 09' 46"	105° 22' 12"	10° 11' 02"	105° 20' 51"	C-48-43-D-a
Kênh 15,5	TV	xã Thạnh Tiến	H. Vĩnh Thạnh			10° 08' 53"	105° 21' 17"	10° 10' 09"	105° 19' 58"	C-48-43-D-a
Kênh 15	TV	xã Thạnh Tiến	H. Vĩnh Thạnh			10° 09' 15"	105° 21' 40"	10° 10' 31"	105° 20' 21"	C-48-43-D-a
Kênh 600	TV	xã Thạnh Tiến	H. Vĩnh Thạnh			10° 08' 23"	105° 17' 47"	10° 10' 59"	105° 20' 20"	C-48-43-D-a
Kênh E	TV	xã Thạnh Tiến	H. Vĩnh Thạnh			10° 14' 51"	105° 16' 22"	10° 10' 14"	105° 20' 01"	C-48-43-D-a
Kênh G	TV	xã Thạnh Tiến	H. Vĩnh Thạnh			10° 11' 18"	105° 21' 02"	10° 16' 21"	105° 17' 39"	C-48-43-D-a
Kênh H	TV	xã Thạnh Tiến	H. Vĩnh Thạnh			10° 16' 30"	105° 18' 37"	10° 11' 47"	105° 21' 31"	C-48-43-D-a
Kênh F	TV	xã Thạnh Tiến	H. Vĩnh Thạnh			10° 15' 47"	105° 17' 09"	10° 10' 45"	105° 20' 30"	C-48-43-D-a
ấp Vĩnh Hưng	DC	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Thạnh	10° 14' 43"	105° 27' 42"					C-48-43-D-b
ấp Vĩnh Lộc	DC	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Thạnh	10° 14' 28"	105° 29' 01"					C-48-43-D-b
ấp Vĩnh Nhuận	DC	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Thạnh	10° 16' 47"	105° 28' 52"					C-48-43-D-b
ấp Vĩnh Thọ	DC	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Thạnh	10° 15' 54"	105° 29' 33"					C-48-43-D-b
kênh Bà Chiêu	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Thạnh			10° 12' 36"	105° 28' 23"	10° 17' 23"	105° 29' 43"	C-48-43-D-b C-48-43-B-d
kênh Bà Sẩm	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Thạnh			10° 14' 03"	105° 28' 52"	10° 14' 09"	105° 27' 19"	C-48-43-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Cà Chớn	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Thạnh			10° 13' 07"	105° 28' 50"	10° 13' 40"	105° 30' 27"	C-48-43-D-b
kênh Cống Số 5	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Thạnh			10° 16' 42"	105° 26' 22"	10° 14' 44"	105° 27' 44"	C-48-43-D-b C-48-43-B-d
kênh Đìa Tre	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Thạnh			10° 14' 48"	105° 29' 10"	10° 14' 50"	105° 27' 50"	C-48-43-D-b
kênh Lộ Mới	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Thạnh			10° 15' 51"	105° 30' 59"	10° 15' 43"	105° 29' 31"	C-48-43-B-d
kênh Ông Xếp	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Thạnh			10° 16' 00"	105° 29' 37"	10° 15' 47"	105° 28' 32"	C-48-43-B-d
kênh T1	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Thạnh			10° 17' 31"	105° 27' 10"	10° 16' 03"	105° 28' 42"	C-48-43-B-d
kênh T2	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Thạnh			10° 15' 36"	105° 28' 23"	10° 17' 03"	105° 26' 43"	C-48-43-B-d
kênh T3	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Thạnh			10° 16' 44"	105° 26' 25"	10° 15' 09"	105° 28' 03"	C-48-43-B-d
kênh Thắng Lợi 1	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Thạnh			10° 10' 14"	105° 24' 43"	10° 17' 21"	105° 29' 40"	C-48-43-D-b C-48-43-B-d
kênh Vạn Lịch	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Thạnh			10° 14' 23"	105° 29' 01"	10° 13' 12"	105° 31' 16"	C-48-43-D-b
kênh Xẻo Dơi	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Thạnh			10° 15' 24"	105° 29' 23"	10° 15' 04"	105° 28' 03"	C-48-43-B-d
rạch Đường Trâu	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Thạnh			10° 17' 08"	105° 29' 20"	10° 16' 12"	105° 27' 46"	C-48-43-B-d
rạch Mương Su	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Thạnh			10° 15' 55"	105° 27' 31"	10° 16' 54"	105° 29' 02"	C-48-43-B-d
rạch Trâu Nhỏ	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Thạnh			10° 16' 19"	105° 28' 30"	10° 16' 56"	105° 29' 01"	C-48-43-B-d
ấp Vĩnh Lân	DC	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh	10° 18' 06"	105° 28' 06"					C-48-43-B-d
ấp Vĩnh Long	DC	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh	10° 17' 51"	105° 27' 48"					C-48-43-B-d
ấp Vĩnh Lợi	DC	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh	10° 15' 21"	105° 26' 57"					C-48-43-B-d
ấp Vĩnh Phụng	DC	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh	10° 17' 25"	105° 28' 47"					C-48-43-B-d
ấp Vĩnh Qui	DC	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh	10° 17' 54"	105° 28' 52"					C-48-43-B-d
ấp Vĩnh Thành	DC	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh	10° 16' 45"	105° 26' 32"					C-48-43-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Bờ Ao	KX	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh	10° 18' 02"	105° 27' 42"					C-48-43-B-d
cầu Đốc Đinh	KX	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh	10° 17' 02"	105° 26' 43"					C-48-43-B-d
cầu Đường Xuồng	KX	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh	10° 18' 23"	105° 28' 09"					C-48-43-B-d
Quốc lộ 80	KX	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh			10° 18' 54"	105° 29' 07"	10° 08' 24"	105° 18' 18"	C-48-43-D-b C-48-43-B-d
kênh 3m	TV	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh			10° 18' 17"	105° 25' 46"	10° 17' 48"	105° 27' 24"	C-48-43-B-d
kênh 4m	TV	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh			10° 18' 06"	105° 25' 42"	10° 17' 36"	105° 27' 13"	C-48-43-B-d
kênh Bờ Ao	TV	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh			10° 18' 22"	105° 26' 45"	10° 18' 03"	105° 27' 38"	C-48-43-B-d
kênh Cái Sắn	TV	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh			10° 18' 01"	105° 27' 39"	10° 08' 26"	105° 18' 19"	C-48-43-D-b C-48-43-B-d
kênh Cống Quẹo	TV	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh			10° 16' 12"	105° 26' 14"	10° 15' 08"	105° 26' 47"	C-48-43-B-d
kênh Cống Số 5	TV	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh			10° 16' 42"	105° 26' 22"	10° 14' 44"	105° 27' 44"	C-48-43-D-b C-48-43-B-d
kênh Ranh Cần Thơ - An Giang (Kênh Ranh)	TV	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh			10° 18' 42"	105° 28' 24"	10° 18' 29"	105° 26' 52"	C-48-43-B-d
kênh Sua Đũa	TV	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh			10° 16' 05"	105° 25' 57"	10° 15' 06"	105° 26' 31"	C-48-43-B-d
kênh Sườn 500	TV	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh			10° 17' 52"	105° 26' 24"	10° 16' 55"	105° 26' 05"	C-48-43-B-d
kênh T1	TV	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh			10° 17' 31"	105° 27' 10"	10° 16' 03"	105° 28' 42"	C-48-43-B-d
kênh T2	TV	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh			10° 15' 36"	105° 28' 23"	10° 17' 03"	105° 26' 43"	C-48-43-B-d
kênh T3	TV	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh			10° 16' 44"	105° 26' 25"	10° 15' 09"	105° 28' 03"	C-48-43-B-d
kênh T4	TV	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh			10° 15' 58"	105° 26' 23"	10° 15' 23"	105° 27' 01"	C-48-43-B-d
kênh T5	TV	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh			10° 15' 01"	105° 26' 37"	10° 15' 60"	105° 25' 44"	C-48-43-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Tám Để	TV	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh			10° 17' 57"	105° 26' 09"	10° 17' 20"	105° 25' 53"	C-48-43-B-d
kênh Tân Đô	TV	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh			10° 17' 17"	105° 26' 57"	10° 16' 23"	105° 27' 55"	C-48-43-B-d
kênh Thắng Lợi 2	TV	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh			10° 16' 12"	105° 27' 46"	10° 12' 21"	105° 24' 12"	C-48-43-D-b C-48-43-B-d
rạch Đường Trâu	TV	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh			10° 17' 46"	105° 28' 51"	10° 16' 53"	105° 27' 58"	C-48-43-B-d
rạch Đường Trâu	TV	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh			10° 17' 08"	105° 29' 20"	10° 16' 12"	105° 27' 46"	C-48-43-B-d
rạch Mương Su	TV	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh			10° 15' 55"	105° 27' 31"	10° 16' 54"	105° 29' 02"	C-48-43-B-d
rạch Mương Thơm	TV	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh			10° 18' 36"	105° 27' 00"	10° 18' 22"	105° 26' 45"	C-48-43-B-d
rạch Ngả Chùa	TV	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh			10° 18' 01"	105° 29' 01"	10° 18' 01"	105° 27' 41"	C-48-43-B-d
rạch Ông Ngọ	TV	xã Vĩnh Trinh	H. Vĩnh Thạnh			10° 16' 53"	105° 27' 58"	10° 16' 43"	105° 27' 34"	C-48-43-B-d

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Hà

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng